

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 313 – Chúa nhật 05.11.2017

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

NHỮNG ĐÒI HỎI THIÊNG LIÊNG ĐẶC BIỆT TRONG ĐỜI LINH MỤC	Vatican 2
NGÔN HÀNH NHƯ NHẤT	Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ
CHÚA TÔI, TÔI BIẾT NƠI NÀY RỒI. ĐÂY LÀ NHÀ CON	Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD
MÙA HỘI TÌNH THƯƠNG	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
ƠN GỌI LÀ MỘT CHUYẾN ĐI	Gm. GB. Bùi Tuần
NÓI THÊM VỀ TỘI PHẠM ĐIỀU RĂN THỨ NHẤT	Lm. PX. Ngô Tôn Huân
ĐỨC MA-RI-A – HÌNH BÓNG ÍT-RA-EN HOÁN CẢI	Sr. Agnès Cảnh Tuyết, OP.
TÔN THƯƠNG TUỔI THƠ	EYMARD An Mai Đỗ, O.Cist.
TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC (tiếp theo)	Lm. Micae Phaolô Trần Minh Huy, PSS
Ý NGHĨA CỦA TÊN GỌI VIỆT NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG VĂN HÓA	Gs. Nguyễn Đăng Trúc
TÂM TÌNH CẢM TẠ TRI ÂN SAU ĐẠI HỘI ULTREYA KỶ NIỆM 50 NĂM PHONG TRÀO	
CURSILLO HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM	Cursillista Inhaxiô Đặng Phúc Minh
HIỂU BIẾT CĂN BẢN VỀ UNG THU'	Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức, MD

NHỮNG ĐÒI HỎI THIÊNG LIÊNG ĐẶC BIỆT TRONG ĐỜI LINH MỤC

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, HĐGMVN

LTS: BBT CGVN và Đặc San GSVN hân hạnh giới thiệu trọn bộ 16 Văn Kiện Công Đồng Vatican 2, bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, HĐGMVN, ấn bản mới nhất, có bán tại các Nhà Sách Công Giáo.

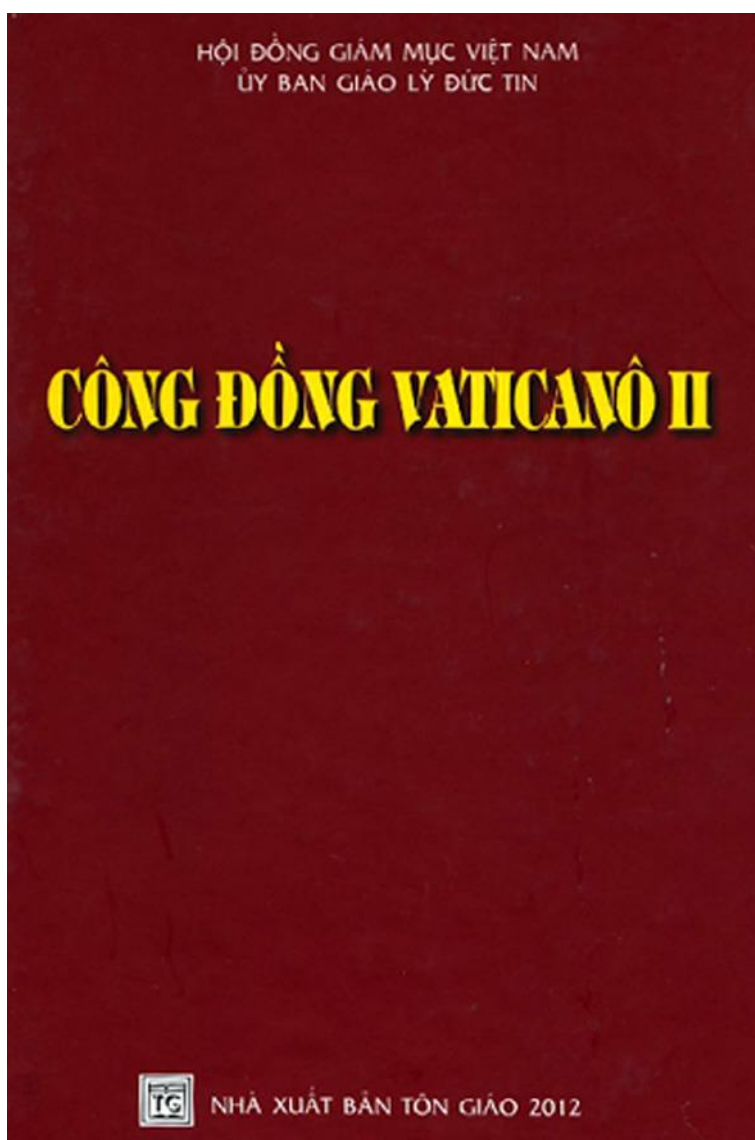
Suốt hơn 10 năm qua trên Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam chúng con đã trung thành phổ biến bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện PIO X Đà Lạt; Nay với trọn tấm lòng biết ơn các dịch giả qua các thời kỳ, chúng con xin tiếp tục công việc tối cần thiết này nhưng với một bản dịch hoàn

chính hơn - **Bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, HĐGMVN**. Rất mong được mọi người đón nhận, hỗ trợ việc phổ biến tài liệu quý này như KIM CHỈ NAM đích thực, đầy đủ và hoàn hảo cho mọi thành phần Dân Chúa. Chúng ta đang sống trong thời điểm kỷ niệm 50 năm Thánh Công Đồng Chung Vatican 2; Dân Chúa Việt Nam khi dành thời gian đọc lại các Hiến Chế, Sắc Lệnh, Tuyên Ngôn sẽ luôn nhận ra điều mới mẻ và hữu ích cho từng cá nhân cũng như cộng đoàn.

Chúng con xin chân thành cảm ơn Quý Đức Cha, Quý Cha Ủy Ban GLĐT đã sẵn lòng cho phép chúng con giới thiệu bản văn quý giá này qua internet. Quý Cha và Quý Vị có thể yêu cầu nhận trọn bộ hay từng Văn Kiện cụ thể trên một file word qua email, hoặc cũng có thể tải về máy tại địa chỉ: <http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=subject&is=31>

Xin chân thành cảm ơn

BBT CGVN & Đặc San GSVN



[VỀ MỤC LỤC](#)

SẮC LỆNH
VỀ TÁC VỤ VÀ ĐỜI SỐNG CÁC LINH MỤC
PRESBYTERORUM ORDINIS
Ngày 7 tháng 12 năm 1965

CHƯƠNG III
ĐỜI SỐNG LINH MỤC

tiếp theo

II. NHỮNG ĐÒI HỎI THIÊNG LIÊNG ĐẶC BIỆT
TRONG ĐỜI LINH MỤC

15. Trong những đức tính cần thiết hơn cả cho tác vụ linh mục, phải kể đến thái độ luôn luôn sẵn sàng tìm ý muốn Đấng đã sai mình chứ không tìm ý riêng¹. Thật vậy, các ngài đã được Chúa Thánh Thần tuyển chọn² để hoàn thành một phận vụ thánh thiêng vượt quá mọi năng lực và khôn ngoan nhân loại; quả thật, “Thiên Chúa đã chọn những yếu kém trong thế gian để hạ nhục những gì là hùng mạnh” (1 Cr 1,27). Vì thế, ý thức mình yếu kém, thừa tác viên đích thực của Đức Kitô khiêm tốn hoạt động trong khi tìm xem điều gì đẹp lòng Thiên Chúa³, và như bị Thánh Thần trói buộc⁴, trong mọi sự ngài đều tuân theo ý của Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi; ngài có thể khám phá và thi hành thánh ý Chúa trong công việc hàng ngày bằng cách khiêm tốn phục vụ tất cả những người được Thiên Chúa ủy thác cho mình qua phận vụ đã lãnh nhận cũng như qua những biến cố trong đời.

Tuy nhiên, tác vụ linh mục, vì là tác vụ của chính Giáo Hội, nên chỉ có thể được chu toàn trong sự hiệp thông phẩm trật của toàn thân thể. Bởi thế, đức ái mục tử thúc giục các linh mục, trong khi hoạt động trong tinh thông hiệp ấy, biết dâng hiến ý riêng mình qua việc vâng lời phục vụ Thiên Chúa và anh chị em, bằng cách lấy tinh thần đức tin để đón nhận và tuân theo những gì được Đức Giáo Hoàng, Đức Giám mục của mình, cũng như các Bề trên khác truyền dạy và khuyên bảo; bằng cách hoàn toàn sẵn lòng tự hiến và tiêu hao chính mình⁵ trong bất cứ phận vụ nào đã được trao phó dù là khiêm tốn và thấp kém. Thật vậy, nhờ cách đó, các ngài duy trì và củng cố sự hợp nhất cần thiết với các anh em ngài trong thừa tác vụ, nhất là với những vị được Thiên Chúa đặt làm người lãnh đạo hữu hình của Giáo Hội, và cũng nhờ đó các ngài cộng tác vào việc xây dựng Thân Thể Chúa Kitô, được lớn lên “nhờ tất cả các gân mạch tương trợ nhau”⁶. Vốn là một thái độ đem lại sự tự do trưởng thành của con cái Thiên Chúa, sự vâng phục này tự bản chất đòi buộc các linh mục, nhờ đức ái thúc đẩy trong lúc chu toàn phận vụ, luôn khôn ngoan tìm tòi những phương thức mới mẻ mang lại nhiều ích lợi hơn cho Giáo Hội, đồng thời cũng tin tưởng đưa ra những sáng kiến và cặn kẽ trình bày những nhu cầu của đoàn chiên được trao phó, nhưng luôn luôn sẵn sàng phục tùng quyết định của những vị có trách nhiệm lãnh đạo trong việc cai quản Giáo Hội Chúa.

Nhờ thái độ khiêm nhường và vâng phục trong tinh thần trách nhiệm và tự nguyện mà các linh mục nên giống Đức Kitô có những tâm tình như chính Đức Giêsu Kitô, Đấng “tự hủy mình khi nhận lấy thân nô lệ..., đã vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết” (Pl 2,7-9), và nhờ sự vâng phục này, Người đã chiến thắng và chuộc lại sự bất phục tùng của Adam, như Thánh Tông Đồ đã minh chứng: “vì một người không vâng phục mà muôn người hóa thành tội nhân, thì cũng thế, vì một Đấng phục tùng mà nhiều người được trở nên công chính” (Rm 5,19).

¹ x. Ga 4,34; 5,30; 6,38.

² x. Cv 13,2.

³ x. Ep 5,10.

⁴ x. Cv 20,22.

⁵ x. 2 Cr 12,15.

⁶ x. Ep 4,11-16.

16. Sự tiết dục hoàn toàn và vĩnh viễn vì Nước Trời mà Đức Kitô đã khuyến khích⁷, điều đã được một số đông Kitô hữu trong các thời đại và ngay cả ngày nay sẵn lòng chấp nhận và tuân giữ cách đáng khâm phục, hiện thời vẫn luôn được Giáo Hội duy trì cách nghiêm minh trong đời sống linh mục. Thật vậy, đó vừa là dấu chỉ vừa là tác nhân kích hoạt cho đức ái mục tử và là nguồn mạch đặc biệt của sự phong nhiêu thiêng liêng trong thế giới⁸. Thật ra, tự bản tính của chức linh mục không đòi buộc điều đó như đã thấy thực hành trong Giáo Hội sơ khai⁹ và trong truyền thống của các Giáo Hội Đông Phương, ở đó, ngoài các Giám mục và những người nhờ ơn thánh đã chọn sống đời độc thân, vẫn có những linh mục rất đức độ đã lập gia đình; khi biểu dương nếp sống độc thân của hàng giáo sĩ, Thánh Công Đồng không hề có ý định thay đổi kỷ luật khác biệt vẫn có hiệu lực cách chính đáng trong các Giáo Hội Đông Phương, và thân ái khuyến nhủ tất cả những ai đã nhận lãnh chức linh mục và hiện đang sống trong bậc hôn nhân, hãy bền chí trong ơn gọi thánh thiện và tiếp tục trao hiến đời sống mình cách trọn vẹn và quảng đại cho đoàn chiên được trao phó¹⁰.

Tuy nhiên, nếp sống độc thân rất thích hợp với chức linh mục. Thật vậy, sứ mệnh của linh mục là tận hiến hoàn toàn để phục vụ một nhân loại mới mà Đức Kitô, Đấng chiến thắng sự chết đã phục hồi trong thế gian nhờ Thánh Thần của Người và là một nhân loại được sinh ra “không bởi khí huyết, không bởi ý muốn xác thịt, cũng không do ý muốn của nam nhân, nhưng do bởi Thiên Chúa” (Ga 1,13). Nhờ đức trinh khiết hay nếp sống độc thân vì Nước Trời¹¹, các linh mục được thánh hiến cho Đức Kitô cách mới mẻ và tuyệt hảo, được kết hợp dễ dàng hơn với Người bằng một trái tim không chia sẻ¹², tự hiến cách tự do hơn trong Người và nhờ Người để phục vụ Thiên Chúa và loài người, sẵn sàng hơn trong việc phục vụ Nước Chúa và việc tái sinh trong đời sống siêu nhiên, và như thế các ngài càng trở nên thích hợp để lãnh nhận cách rộng rãi hơn chức vụ làm cha trong Chúa Kitô. Qua đó, các ngài cho mọi người thấy rằng mình muốn tận hiến trọn vẹn cho phận vụ đã được trao phó, chính là việc đính ước các tín hữu với một người duy nhất và hiến dâng họ cho Đức Kitô như một trinh nữ thanh sạch¹³, và như thế các ngài gợi nhớ đến cuộc hôn nhân mẫu nhiệm đã được Thiên Chúa thiết lập và sẽ được tỏ bày trọn vẹn ở đời sau, trong đó Giáo Hội chỉ có một vị Hôn phu duy nhất là Đức Kitô¹⁴. Ngoài ra, các ngài còn trở nên dấu chỉ sống động về thế giới mai sau, mà ngày nay đã hiện diện qua đức tin và đức ái, trong đó con cái sự sống lại không còn dựng vợ gả chồng nữa¹⁵.

Vì những lý do đặt nền tảng trên mẫu nhiệm Chúa Kitô và sứ mệnh của Người, nên nếp sống độc thân trước tiên được khuyến khích cho các linh mục, rồi sau đã trở nên luật buộc trong Giáo Hội latin cho tất cả những ai muốn chịu chức thánh. Thánh Công Đồng chuẩn nhận và xác định luật này một lần nữa đối với những ai muốn chịu chức linh mục, với niềm tin tưởng rằng sống độc thân vốn là một ơn ban của Chúa Thánh Thần, ơn rất thích hợp với chức linh mục của Tân Ước, sẽ được Chúa Cha rộng tay ban phát, miễn là những người tham dự vào chức Tư Tế của Đức Kitô qua bí tích Truyền Chức và nhất là toàn thể Giáo Hội luôn khiêm tốn và khẩn khoản nài xin. Thánh Công Đồng cũng khuyến tất cả các linh mục, những người vì tin tưởng vào ơn Chúa đã chấp nhận với ý muốn tự do nếp sống độc thân thánh thiện theo gương Chúa Kitô, hãy gắn bó với nếp sống đó bằng một tâm hồn quảng đại và với tất cả con tim của mình, và khi trung thành trong bậc sống này, hãy nhận ra đó là hồng ân trọng đại mà Chúa Cha đã trao ban và Chúa Con đã công khai tán dương, cũng như hãy chiêm ngắm¹⁶ những mẫu nhiệm cao cả được biểu lộ và thực hiện qua hồng ân này. Tuy nhiên, nếu nhiều người trong thế giới ngày nay nghĩ rằng sự chế dục hoàn toàn không thể có được, thì các linh mục càng phải hợp với Giáo Hội mà khiêm nhượng và kiên trì hơn nữa để cầu xin ơn trung thành, vì Chúa không bao giờ từ chối những người kêu xin, đồng thời các ngài phải biết sử dụng mọi phương thế cả siêu nhiên lẫn tự nhiên mà mọi người sẵn có. Đặc biệt, các ngài hãy tuân giữ những luật lệ khổ hạnh đã được kinh nghiệm của Giáo Hội xác nhận và vẫn còn cần thiết trong thế giới

⁷ x. Mt 19,12.

⁸ x. CD VATICAN II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, số 42: AAS 57 (1965), tr. 47-49.

⁹ x. 1 Tm 3,2-5; Tt 1,6.

¹⁰ x. PIÔ XI, Thông điệp *Ad Catholici Sacerdotii*, 20.12.1935: AAS 28 (1936), tr. 28.

¹¹ x. Mt 19,12.

¹² x. 1 Cr 7,32-34.

¹³ x. 2 Cr 11,2.

¹⁴ x. CD VATICAN II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 42 và 44: AAS 57 (1965), tr. 47-49 và 50-51; Sắc lệnh về việc Canh tân thích nghi đời sống tu trì *Perfectae Caritatis*, 12.

¹⁵ x. Lc 20,35-36; PIÔ XI, Thông điệp *Ad Catholici Sacerdotii*, 20.12.1935: AAS 28 (1936), tr. 24-28; Thông điệp *Sacra Virginitas*, 25.3.1954: AAS 46 (1954), tr. 169-172.

¹⁶ x. Mt 19,11.

ngày nay. Vì vậy Thánh Công Đồng kêu gọi không chỉ các linh mục nhưng cả các tín hữu, hãy quý trọng ơn độc thân cao quý này của đời linh mục và hãy cầu xin Thiên Chúa luôn rộng tay ban phát dồi dào ân huệ này cho Giáo Hội của Ngài.

17. Nhờ đời sống thân hữu và huynh đệ giữa các linh mục với nhau và với những người khác, các ngài có thể biết cách thâm định và vun trồng những giá trị nhân bản và quý mến các tạo vật tốt lành như những ơn phúc của Thiên Chúa. Tuy sống giữa thế gian nhưng các ngài phải luôn biết rằng mình không thuộc về thế gian, như lời Chúa là Thầy chúng ta đã phán dạy¹⁷. Vì thế, khi sử dụng trần gian như không sử dụng¹⁸, các ngài đạt đến sự tự do có thể giải thoát các ngài khỏi những mối bận tâm không chính đáng và làm cho các ngài ngoan ngoãn nghe theo tiếng Chúa trong đời sống hàng ngày. Từ sự tự do và ngoan ngoãn đó sẽ nảy sinh khả năng phân định thiêng liêng, nhờ đó các ngài tìm ra thái độ đúng đắn đối với thế gian và của cải trần thế. Thật vậy, thái độ đó rất quan trọng đối với các linh mục, vì sứ mệnh Giáo Hội phải được thực thi giữa trần gian và vì những của cải được tạo dựng rất cần thiết cho sự tiến bộ của bản thân con người. Vì thế các ngài phải cảm tạ Cha trên trời vì tất cả những gì Ngài đã rộng ban để các ngài có được cuộc sống tốt đẹp. Tuy nhiên, các ngài phải nghiệm xét dưới ánh sáng đức tin tất cả những gì các ngài gặp thấy, để biết sử dụng cách thích đáng những của cải theo ý muốn của Thiên Chúa, đồng thời biết gạt bỏ những gì gây trở ngại cho sứ mệnh của mình.

Thật vậy, vì có Chúa là “sản phần và là gia nghiệp” của mình (Ds 18,20), nên các linh mục chỉ sử dụng những của cải trần gian vào những mục đích mà giáo huấn của Chúa Kitô và quy luật của Giáo Hội ấn định.

Về những tài sản thuộc về Giáo Hội, các linh mục phải biết quản trị chúng đúng như bản chất của chúng và theo tiêu chuẩn của giáo luật, với sự giúp đỡ của những giáo dân thông thạo khi có thể, và các ngài phải luôn sử dụng chúng vào những mục đích mà Giáo Hội theo đuổi khi sở hữu những của cải trần gian, nghĩa là hướng vào việc thờ phượng Chúa, cung cấp một mức sống xứng đáng cho hàng giáo sĩ, cũng như thực hiện những công tác tông đồ hay những việc bác ái, nhất là đối với những người nghèo túng¹⁹. Còn những của cải có được khi thi hành một số nhiệm vụ nào đó của Giáo Hội, trừ khi có luật ấn định cách khác²⁰, các linh mục cũng như các Giám mục trước hết hãy dùng vào việc cấp dưỡng chính đáng cho mình và cho việc thực thi bốn phận, phần còn lại, hãy dùng vào những việc đem lại ích lợi cho Giáo Hội hoặc cho những công cuộc bác ái. Bởi thế, các ngài không được coi chức vụ trong Giáo Hội như một mối lợi, cũng không được dùng những lợi tức để làm giàu cho gia đình mình²¹. Bởi vậy các linh mục không bao giờ được để tâm hồn dính bén của cải²² nhưng phải luôn luôn tránh mọi tham lam và xa lánh mọi hình thức thương mại.

Hơn nữa, các ngài được mời gọi tình nguyện sống nghèo khó để nên giống Đức Kitô cách rõ ràng hơn và sẵn sàng dấn thân hơn trong tác vụ thánh. Thật vậy, dù giàu có, Đức Kitô đã trở nên nghèo khó vì chúng ta để nhờ sự nghèo khó của Người mà chúng ta trở nên giàu có²³. Cũng thế, chính các Tông Đồ đã cho thấy mẫu gương của những người đã lãnh nhận ơn cách nhưng không nên cũng ban phát cách nhưng không²⁴, đã từng biết sống thế nào khi sung túc cũng như khi phải túng thiếu²⁵. Việc sử dụng chung các của cải, theo gương đóng góp tài sản làm của chung đã được tán dương trong lịch sử Giáo Hội sơ khai²⁶, có thể mở một con đường dẫn tới bác ái mục vụ một cách tuyệt hảo và nhờ cách sống này các linh mục có thể thực hiện tốt đẹp tinh thần nghèo khó đã được Đức Kitô khuyến khích.

¹⁷ x. Ga 17,14-16.

¹⁸ x. 1 Cr 7,31.

¹⁹ x. CD ANTIÔKIA, điều 25: Mansi 2, 1327-1328; *Decretum Gratiani*, c. 23, C. 12, q. 1: xb. Friedberg I, tr. 684-685.

²⁰ Ở đây, trước tiên hiểu về những quyền lợi và tập quán hiện có nơi các Giáo Hội Đông Phương.

²¹ CD PARIS, năm 829, điều 15: M.G.H, *Legum sectio III, Concilia*, t. 2, tr. 662; CD TRENTÔ, Khóa 25, *De reform. ch.*, 1: CD OEC. DECRETA, xb. Herder, Romae 1962, tr. 760-761.

²² x. Tv 62,11: bản Phổ Thông 61.

²³ x. 2 Cr 8,9.

²⁴ x. Cv 8,18-25.

²⁵ x. Pl 4,12.

²⁶ x. Cv 2,42-47.

Vì thế, được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần, Đấng đã xức dầu cho Chúa Cứu Thế và sai đi rao giảng Tin Mừng cho người nghèo khó²⁷, các linh mục cũng như Giám mục phải tránh tất cả những gì bằng cách này hay cách khác có thể làm các ngài xa rời người nghèo, các ngài phải cố gắng nhiều hơn những môn đệ khác của Đức Kitô để loại bỏ mọi kiểu cách xa hoa trong các vật dụng của mình. Các ngài hãy xếp đặt chỗ ở thế nào để đừng trở thành một nơi quá xa cách, và để bất cứ ai, dù nghèo hèn đến đâu, cũng không cảm thấy áy náy khi đến gặp các ngài.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

NGÔN HÀNH NHƯ NHẤT

Suy Niệm Chúa Nhật XXXI Thường Niên-A

Mt. 23, 1-12

Kính ... Thời Đức Giêsu, những người Phariseu tự cho mình là đạo đức, là bậc thầy dạy dỗ dân chúng về cách sống đạo. Nhưng Đức Giêsu nhìn thấy trong lối sống đạo của họ có những biểu hiện lệch lạc làm hoen ố đạo thật. Nhân đó Người đưa ra mấy chỉ dẫn thiết thực cho đời sống đạo.

Đừng nói, hãy làm. Giữa lời nói và việc làm thường có một khoảng cách rất lớn như giữa lý thuyết với thực hành, giữa ước mơ với hiện thực, giữa lý tưởng với thực tại. Nói thì dễ nhưng làm thì khó. Nên người ta dễ rơi vào thói nói nhiều làm ít, hoặc chỉ nói suông mà không làm, hoặc còn tệ hơn thế khi việc làm mâu thuẫn với lời nói. Như trường hợp những người Phariseu : Họ sống vẻ bề ngoài: *“Họ làm tất cả các công việc đều có ý cho người ta thấy”* (Mt 23,5). Và hơn nữa, ngôn hành của họ thật bất nhất *“vì họ nói mà không làm”* (Mt 23,3), họ trở nên nô lệ cho sự lừa dối của chính mình bằng cách chỉ tìm kiếm lời khen và sự ngưỡng mộ của người khác. Thành thử ra, những lời họ dạy về đạo trở thành phản chứng, làm cho người nghe khó chấp nhận. Khi phê phán thái độ của người Phariseu, Đức Giêsu muốn dạy ta đừng nói nhiều, nhưng hãy làm, lời nói phải đi đôi với việc làm. Ngôn hành phải như nhất, đừng có dạy người ta sống một đằng, mình sống một nẻo.

Đây là thái độ của người Phariseu. Cũng tựa như chúng ta đang sống trong Giáo Hội luôn thưa với Chúa rằng : Lạy Chúa, con tin, con thờ lạy và yêu mến Chúa, nhưng trong thực tế lại không thực hành Lời Chúa dạy. Lời nói phải đi đôi với việc làm. Nhiều người cho rằng : Cứ đọc nhiều kinh, xem nhiều sách Đạo, hay nói về Chúa, về Đạo một cách thông thạo, như thế là người đạo đức. Không phải thế, Đức Giêsu nói : *“Không phải mọi kẻ nói với Thầy : Lạy Chúa, lạy Chúa là sẽ được vào Nước Trời, nhưng là kẻ làm theo ý Cha Thầy”* (Mt 7,21). Người đạo đức thật không phải là người đọc nhiều kinh, nhưng là người sống theo những kinh mình đọc.

²⁷ x. Lc 4,18.

Nếu đem những kinh chúng ta đọc hàng ngày đối chiếu với cách ta sống, thật xa vời. Cụ thể như Kinh Kính Mến ta đọc : *"Lạy Chúa, con kính mến Chúa hết lòng hết sức, trên hết mọi sự..."* Kính mến Chúa trên hết mọi sự là coi Chúa hơn của cải, hơn người thân, hơn chính mình, thà chết chẳng thà phạm tội mất lòng Chúa. Thế mà, trong đời sống, chỉ vì một chút lợi lộc khiến ta liều mình làm điều mất lòng Chúa. Như thế có phải là người kính mến Chúa trên hết mọi sự không? Ta đọc tiếp : *"Vì Chúa thì con thương yêu người ta như mình con vậy"*. Yêu người như mình, nghĩa là ta muốn mình sao thì muốn cho người khác làm vậy. Ta muốn người khác giúp đỡ ta mà ta không bao giờ giúp ai, ta không muốn ai nói xấu ta, mà ta cứ nói xấu người khác. Như vậy, mà nói là thương yêu người ta như mình ta vậy, đó là nói dối.

Còn Kinh Lạy Cha : *"Xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con"*. Mỗi lần đọc câu ấy, ta như nói với Chúa rằng : Lạy Chúa, con tha thứ cho anh chị em con rồi, xin Chúa cũng tha thứ cho con. Ngoài miệng nói thế, nhưng trong lòng vẫn còn chấp lỗi nhưng kẻ làm mất lòng ta. Như vậy, lời kinh ta đọc không đi đôi với đời sống và việc làm ta làm.

Người ta thường nói con đường xa nhất là từ con đường từ miệng tới tay. Từ tư tưởng đến lời nói và tới việc làm là cả một con đường dài xa tắp. Một người dù có nói hay mấy chẳng nữa mà không đem ra thực hành thì cũng như một bông hoa không bao giờ kết trái. Chúng ta vẫn nói : *"Ăn vóc học hay"*, ăn để mà học, học để biết, biết để mà làm. Nhưng thực tế trong xã hội, chúng ta thấy có những người biết mà không làm, hoặc nói thì rất hay nhưng lại không chịu làm.

Bài Tin Mừng nhắc nhở ta nhìn lại lời nói và việc làm của chúng ta có đi đôi với nhau không? Chúng ta phê bình, yêu cầu người khác phải sửa sai, nhưng chính mình lại không tự sửa sai. Trong phạm vi gia đình, thật không gì tai hại cho bằng nói mà không làm. Chúng ta bảo con cái phải biết nhường nhịn, tha thứ cho nhau, nhưng mình lại cứ ăn thua đủ, không ai nhường ai. Chúng ta dạy con cái sống thành thật, nhưng mình lại quanh co, gian dối với người khác. Nếu sống như vậy, chúng ta hãy coi chừng, Chúa sẽ cảnh cáo chúng ta, người khác sẽ vào thiên đàng, còn chúng ta thì sao?

Người môn đệ Chúa Giêsu không như thế, trái lại: *"Trong các người ai quyền thế hơn sẽ là người phục vụ các người"* (Mt 23,11). Và chúng ta chỉ có một Cha, còn tất cả đều là anh em với nhau. Tin Mừng nói rõ cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể tách rời chiều dọc (Cha) chiều ngang (chúng ta) hoặc, như Chúa nhật tuần trước, *"người phải yêu mến Chúa là Thiên Chúa người (...). Và yêu tha nhân như chính mình người"* (Mt 22,37,39).

Vậy, chúng ta hãy để cho tình yêu Thiên Chúa tái tạo và thành luyện con tim chúng ta, làm cho chúng ta trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô, để chúng ta không còn sống cho mình, sống lý thuyết suông nữa mà sống cho tình yêu: mến Chúa yêu người, sống ngôn hành như nhất. Một đời sống như thế chắc chắn sẽ mang lại hoa trái tốt lành như lòng Chúa mong ước.

Xin Mẹ Maria dạy chúng ta biết sống và thực hành Lời Chúa như Mẹ. Amen.



Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Tại sao người công giáo lại mừng lễ các linh hồn vào tháng 11 hàng năm? Lễ các linh hồn và tháng 11 là suối nguồn an ủi cho mỗi người chúng ta. Nếu chúng ta đau khổ vì mất người thân, hoặc nếu chúng ta phải đương đầu với những vấn đề khó có thể giải quyết được như biệt ly không nói nên lời hay bất an mà không tài nào có thể thoát được, chúng ta hãy xin những tín hữu đã ra đi trước chúng ta cầu bầu cho chúng ta được bằng an. Nhờ sự hiệp thông với các thánh, chúng ta cảm thấy gần gũi với những người đã chết, giúp ta thêm hy vọng trong những lúc buồn phiền thất vọng.

Xin được chia sẻ với quý độc giả hai đoạn văn đã gây nhiều ấn tượng nơi tôi sau khi đọc tập sách nhỏ Encounter with Silence, mà tác giả là một nhà thần học, cha Karl Rahner, sj đã viết về những người đã chết:

“Vì vậy tim chúng ta bây giờ vẫn ở với họ, những người thân yêu của chúng ta đã lìa bỏ chúng ta. Không gì có thể thay thế họ được; không ai khác có thể lấp đầy khoảng trống của một người mà chúng ta yêu thương thực sự lại bất ngờ ra đi không còn ở với chúng ta nữa. Khi yêu nhau thực sự, thì không ai có thể thay thế được, bởi vì khi yêu thì tình yêu đó là độc nhất và duy nhất, không có ai hay cái gì khác có thể thay thế được. Vì vậy, khi từ trần tạt qua cuộc đời chúng ta, mỗi một người ra đi đều lấy mất một mảnh trái tim của chúng ta đem theo với họ -và thường là đủ- tất cả trái tim của chúng ta.”

Ngài mất vào mùa Thu năm 1996, Hồng y Bernadin của TGP Chicago đã viết tâm sự trong “Tặng phẩm Bình An / The gift of Peace”, nói về sống và chết rất tượng hình (tr.152-153):

“Nhiều người yêu cầu tôi viết về thiên đàng và cuộc sống sau khi chết. Đôi khi tôi chỉ mỉm cười, bởi vì tôi đâu có biết gì hơn họ. Tuy nhiên khi một bạn trẻ hỏi tôi xem tôi có nghĩ đến chuyện kết hợp với Thiên Chúa và những người đã ra đi trước tôi không, thì tôi liên đới với vài điều mà tôi đã nói trước đây trong cuốn sách này. Lần đầu tiên tôi du lịch với mẹ và chị tôi về quê hương đất tổ của cha mẹ tôi là Tonadico di Primiero, ở Bắc Ý, tôi cảm thấy như là tôi đã ở đó trước rồi. Sau nhiều năm ngắm nhìn tất cả những hình trong tập album của mẹ tôi, tôi đã biết từng ngọn núi, từng mảnh đất miếng vườn, từng mái nhà, và cả người ta nữa. Khi thoạt đặt chân vào thung lũng, tôi kêu lên “Chúa ôi, tôi biết chỗ này rồi, Đây là nhà tôi”. Tôi nghĩ bước từ cuộc đời này qua cuộc đời vĩnh cửu thì cũng giống như vậy thôi. Nó sẽ là nhà tôi.”

Tôi đề nghị mỗi người chúng ta làm những điều sau đây trong suốt tháng 11 này:

*Ráng dành đôi ba phút để nghĩ về những người thân cận với chúng ta đã chết và hiện đang ở với Chúa.

*Đọc thật chậm rãi đoạn kinh thánh- Sách Khôn Ngoan 3:1-3: *“Nhưng linh hồn những người công chính ở trong tay Thiên Chúa, và khổ hình không hề đụng tới họ. Dưới mắt những kẻ ngu xuẩn thì họ là những kẻ đã chết, và sự ra đi của họ kể như là đại họa; và việc họ xa lìa ta như án tận tuyệt, nhưng họ vẫn ở trong an bình.”*

*Hãy nhớ đến một người thân cận với bạn đã chết. Mang hình ảnh của người này vào trong tâm trí bạn. Khi bạn nghĩ đến cuộc sống của người này, hãy tưởng tượng chúa Giesu đang dẫn người này vào thiên đàng khi vừa lìa đời. Cuối cùng hãy tưởng tượng người mình yêu này đang chờ đón bạn. Hãy nhớ rằng khi mà giờ đã đến, thì Thiên Chúa và những người bạn yêu quý đã ra đi trước bạn sẽ dẫn bạn vào vương quốc nước trời.

*Kết thúc lời tưởng niệm này bằng lời cầu sau đây:

“Lạy Chúa, Chúa là sự sống và là sự sống lại. Chúa đã hứa là bất cứ ai tin vào Chúa thì sẽ không bao giờ phải chết. Lạy Chúa, qua quyền năng phục sinh của Chúa, hãy giúp con tin tưởng vào sự sống lại của chính con. Amen.

Ước mong chúng ta làm cuộc hành trình dương thế này với tâm trí tràn đầy tư tưởng về thiên đàng, để cuối cùng khi chúng ta vượt qua bước tới cuộc sống vĩnh cửu, những hình ảnh mà chúng ta nhìn thấy không phải là những gì xa lạ, ghê gớm. Chúng ta cũng cầu xin để lúc đó chúng ta có thể nói: *“Lạy Chúa tôi, con biết chỗ này rồi. Đây là nhà con.”*

VỀ MỤC LỤC

MÙA HỘI TÌNH THƯƠNG



Hằng năm, cứ vào tháng 11, người Công Giáo tận hưởng một mùa sinh hoạt tôn giáo thú vị, đầy nghĩa tình. Mùa này khởi đi từ ngày 1 tháng 11, ngày lễ các Thánh Nam Nữ của Thiên Chúa, ngày tôn vinh tất cả những con người đã cống hiến cuộc đời của mình cho Thiên Chúa và tha nhân, đã trung tín và đã đi đến cùng cuộc đời trong ơn nghĩa Chúa. Kinh Thánh nói họ là những người “đi qua những đau khổ lớn lao mà đến” và Kinh Thánh cũng nói họ “đông vô số kể, từ muôn nước muôn dân”.

Mùa Hội Tình Thương kéo dài hết tháng 11, được gọi là Tháng các Linh Hồn, vì từ ngày mùng 2 tháng 11, đúng hơn là chiều 1 tháng 11, từ tâm trạng tung hô ngợi ca Thiên Chúa nơi các bậc Thánh nhân, người tín hữu tưởng nhớ đến tất cả những người đã khuất và thiết tha cầu nguyện cho họ được bình an. Những người đã khuất trong đó có những người thân yêu của mình nên từ trong đáy lòng, trong khoảng sâu thẳm của con tim, người tín hữu Công Giáo chú tâm và trào tràn cảm xúc sống những ngày yêu thương này với kinh nguyện

Khi thời gian lùi dần vào cuối tháng 10, đó là lúc các gia đình Công Giáo xôn xao việc đi viếng mộ thân nhân, họ ra nghĩa trang để thăm viếng, xem xét mộ phần, tu bổ hoặc làm mới, họ dọn cỏ, quét lá, thắp nhang. Ban Trị Sự nghĩa trang tất bật làm rạp, dọn dẹp chung khu nghĩa trang, chuẩn bị cho ngày hội tượng bưng đồng đảo vào chính ngày 2 tháng 11. Ở Sài Gòn, Bình Hưng Hòa là khu nghĩa trang lớn nhất và lâu đời nhất, các nghĩa trang khác trong lòng thành phố như Nghĩa Trang Đô Thành đường Lê Văn Duyệt nay là đường CMT8, Nghĩa trang Thánh Minh Tương Tế đường Thoại Ngọc Hầu nay là đường Phạm Văn Hai đã bị giải tỏa từ lâu. Đáng kể nhất là nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, một nghĩa trang đẹp, sang trọng với những hàng cây lâu năm, yên tĩnh và an bình như những con người nằm im dưới đáy mộ, nghĩa trang này bị giải tỏa ngay từ những năm đầu “giải phóng”, đặt dấu chấm hết cho một khu đất đầy tính văn hóa, nhân văn và thiên nhiên giữa lòng thành phố. Có thể nói không một bạn sinh viên học sinh nào

thời đó mà không có những kỷ niệm đẹp của những giờ khắc êm đềm học bài hoặc dạo chơi trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi.

Sáng sớm ngày 2 tháng 11, các ngã đường vào nghĩa trang Bình Hưng Hòa đã rơi vào tình trạng kẹt cứng, các nhân viên giao thông làm việc hết sức vất vả, các nghĩa trang đầy hoa đèn, cờ quạt, từng bừng đủ mọi màu sắc của ngày hội, lố nhố đáng người đầy ắp các nghĩa trang, tiếng kèn, tiếng trống, tiếng âm thanh khuyếch đại của các nghi thức cầu nguyện và Thánh Lễ, vang động cả một góc trời. Nghĩa trang trở thành một vùng lễ hội náo nhiệt... Rồi ngày hội tan dần về buổi chiều, một vài nghĩa trang lác đác dâng lễ muộn, nhưng cả tháng 11, nhang đèn hoa nến được bày biện khắp các ngôi mộ nơi người thân yêu đang yên nghỉ.

Ở các tỉnh lẻ thì không khí có phần khác hơn, mỗi Giáo Xứ có một nghĩa trang, tất cả mọi người qua đời trong Giáo Xứ đều được chôn cất ở nghĩa trang đó, vì thế mỗi nghĩa trang tách biệt nhau và có thể nói toàn bộ Giáo Xứ “di chuyển” ra nghĩa trang với người quá cố trong những ngày nay. Nghĩa trang như một công viên hoa, hoa tươi khắp nơi, ngôi mộ nào cũng được người thăm chăm chút cho thật đẹp, thật thân thương, từng ngôi mộ được trang hoàng nối tiếp các ngôi mộ khác làm thành một công viên tuyệt đẹp, sống động với những làn khói hương nghi ngút.

Trong những lần đi tham dự các khóa học hoặc làm việc ở nước ngoài, tôi có dịp đến các nghĩa trang ở một số nước vào những ngày đầu tháng 11. Nghĩa trang ở Liège, nước Bỉ, buồn thê thảm, bầu trời xám xịt lạnh lẽo mùa đông, rộng thênh thang người viếng nghĩa trang lác đác lẻ loi.

Thế nhưng nghĩa trang ở Roma đúng là ngày hội, một lễ đài uy nghi trang trọng trải thảm đỏ dựng ngay cổng nghĩa trang, những tiệm bán hoa chung quanh nghĩa trang đầy người tấp nập, bên trong nghĩa trang, mỗi ngôi mộ là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tinh xảo, có những bức tượng chỉ cần có thêm âm thanh nữa chúng ta sẽ lầm tưởng là người thật.

Ngôi mộ cũ của Đức Hồng Y Phanxicô Nguyễn Văn Thuận được đặt trong lòng tường dưới một căn hầm, đối diện qua ngõ nhỏ, chéch lên cao là ngôi mộ của Đức Ông Vinh Sơn Thụ, gần đó, vài bước thôi là một căn Nhà Nguyễn nhỏ, chúng tôi thường dâng lễ ở đây khi có dịp ra viếng mộ ngài. Bây giờ ngài được phúc trên Thiên Đàng, xin phù hộ cho đất nước dân tộc của chúng ta.

Ở Sài Gòn gần đây các nghĩa trang bị giải tỏa theo cơn sốt đất, người tín hữu Công Giáo quen dần với việc hỏa táng, đáp ứng nhu cầu này, các Giáo Xứ lần lượt xây dựng các nhà đặt Hài Cốt, đặt hũ Tro của người quá cố, những cái tên đã được ghi trên khu cửa ngôi nhà này âm

vang niềm tin và nỗi vui mừng phục sinh: Nhà Chờ Phục Sinh, Nhà Yên Nghỉ, Nhà Hài Cốt, Nhà Phục Sinh, Nhà Cha, Nhà Vượt Qua... Ngày 2 tháng 11, ngày hội được tổ chức ngay tại ngôi nhà này, khói nhang nghi ngút, người ra vào thăm viếng tấp nập.



Không chỉ có ra viếng và tổ chức lễ hội ở nghĩa trang, người tín hữu Công Giáo còn xin dâng lễ và tụng đọc kinh trong gia đình trong tháng 11 này để cầu nguyện cho thân nhân và các người đã qua đời. Hành động này bày tỏ Đức Tin, sự hiệp thông và lòng yêu mến đối với người quá cố.

Ngày mùng Hai Tết cũng là ngày đặc biệt mà mọi gia đình Công Giáo dành riêng để cầu nguyện cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cùng với những ngày kỷ niệm của các đấng sinh thành nữa.

Tháng 11 nhắc ta về tình yêu thương gia đình, gọi chúng ta nhớ đến những người thân yêu đã khuất, tạo dịp cho chúng ta bày tỏ tình yêu mến đối với họ và với nhau, nuôi dưỡng và phát triển mối liên kết huyết nhục trong Đức Tin.

Mùa Hội Yêu Thương...

Lm. VĨNH SANG, DCCT, 29.10.2017, theo Ephata 769

VỀ MỤC LỤC

ƠN GỌI LÀ MỘT CHUYẾN ĐI

1. Cách đây đã mấy chục năm, một dịp tôi đến Vatican vì nhu cầu liên đới hiệp thông, tôi được Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II mời chia sẻ với Ngài bữa tối lúc 20 giờ.

Bữa tối hôm đó chỉ có Ngài, hai đức ông thư ký, và tôi. Lúc chia tay, Đức Thánh Cha bảo tôi hãy chờ một chút, Ngài về phòng. Vài phút sau, Ngài đi ra, tay cầm một chiếc đồng hồ đeo tay toàn màu trắng. Ngài âu yếm trao cho tôi quà tặng quý đó.

2. Chiếc đồng hồ này vẫn ở bên tôi, nay để cạnh đầu giường, nó còn hoạt động rất tốt. Nó không nói. Nhưng tôi như nghe được từ nó mấy điều khuyên như từ Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

3. *Điều khuyên thứ nhất là:* Đức Thánh Cha rất thông cảm với những lo sợ của tôi, về ơn gọi của mình. Ngài khuyên tôi hãy can đảm lên. *Như chiếc đồng hồ nhỏ không ngừng đi. Tôi cũng hãy đi không ngừng, trên đường làm chứng cho Chúa.*

4. *Điều khuyên thứ hai là:* Thời gian của chiếc đồng hồ được đếm từ những bước nhỏ, nhưng lại làm nên một chuyến đi dài phong phú.

5. Hai điều khuyên trên đây đã giúp tôi rất nhiều trong suốt mấy chục năm qua, và nhất là ngay chính lúc này.

Dù ở cương vị nào, tôi luôn coi mình là kẻ được sai đi làm chứng cho Chúa là Tình Yêu thương xót. Chính Đức Giáo Hoàng sai tôi đi, Ngài sai tôi đi, mặc dầu Ngài biết rõ tôi rất yếu đuối, hay lo sợ. Dù về hưu, tôi cũng vẫn là kẻ được sai đi làm chứng cho Chúa theo hoàn cảnh của mình.

6. Điều mà Chúa muốn tôi thực hiện, khi làm chứng cho Chúa, không phải là lý thuyết về Chúa, mà là những kinh nghiệm bản thân về Chúa.

Chúa đã thương xót tôi là kẻ tội lỗi, yếu hèn thế nào. Chúa đã đồng hành với tôi cách nào, để ơn gọi của tôi trở thành một *chuyến đi của hy vọng và của niềm tin.*

7. Thực vậy, chuyến đi ơn gọi là những chuỗi dài những bước đi khác nhau.

Có những bước đi trong tăm tối, nghe từng hơi thở rên xiết.

Có những bước đi được Chúa đến ủi an, Chúa ủi an bằng nhiều cách. Hoặc do một Lời Chúa, hoặc do một người nào đó, hoặc do một Thánh Lễ, hoặc do một biến cố vui, hoặc do một bất ngờ có sức thay đổi lòng tôi.

8. Từ những chuỗi dài của kinh nghiệm về Chúa, *tôi có một hình dung về Chúa.* Chúa đã hy sinh mạng sống vì tôi. Người đã chết và đã sống lại. Người đang ở bên tôi. Tôi đón nhận Người. Tôi muốn cùng với Chúa cho đi chính mạng sống của tôi. Chỉ có Tình Yêu như thế mới là điều mà tôi thường hay muốn làm chứng theo ơn gọi của tôi.

9. Mấy đêm vừa rồi, tôi cảm thấy mình đau đớn, mệt mỏi, như không còn sức để sống. Thêm vào đó, tôi nghe như có tiếng quỷ Satan nói bên tai tôi là Chúa đã ruồng bỏ tôi, vì tôi quá tội lỗi.

Nhưng chính lúc đó, chiếc đồng hồ nhỏ đã nhắc cho tôi nhớ lại Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, và nhất là nhớ lại Đức Mẹ Maria. Bởi vì trước khi trao tặng chiếc đồng hồ, *Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã trao tặng tôi một chuỗi tràng hạt, và Ngài nói với tôi: “Hãy can đảm”.*

10. Đúng là với Đức Mẹ và nhờ Đức Mẹ, tôi đã vững tin vào ơn gọi của tôi.

Suốt hành trình hơn 90 năm tuổi đời, trong đó có 63 năm tuổi linh mục, giám mục, tôi đã được Đức Mẹ ủi an.

Nhờ Mẹ, can đảm của tôi không là tự hào, tự tin, mà là phó thác như con thơ trong lòng mẹ hiền.

11. Đức Mẹ đã dắt dìu tôi từng bước nhỏ. Nếu ai hỏi tôi như thế là thế nào? Thì tôi xin trả lời tương tự như xưa Chúa Giêsu đã nói với ông Nathanael: *“Trước khi Philipphê gọi anh, Thầy đã thấy anh dưới gốc cây vả”* (Ga 1, 44). Ngồi dưới gốc cây vả, mà Chúa cũng đã để ý. Nghĩa là Chúa để ý đến những chi tiết rất nhỏ, rất thường. Đức Mẹ cũng quan tâm đến tôi từng chi tiết rất nhỏ. Không phải Mẹ thấy, mà Mẹ còn ở bên tôi. Giữa Mẹ và tôi, thường có những trao đổi tâm tình, không tên mà đậm đà tha thiết.

12. Mẹ thường chỉ vào chiếc đồng hồ nhỏ, mà nói với tôi: *“Con ơi, chỉ một phút, chỉ một giây thôi, con vẫn có thể đón nhận được rất nhiều, cũng như con cũng có thể cho đi rất nhiều. Đón nhận từ Tình Yêu thương xót Chúa, và cho đi từ Tình Yêu thương xót Chúa.”*

Làm chứng điều đó bằng kinh nghiệm của con. Đó là ơn gọi của con lúc này”.

13. Nghe vậy, tôi nghĩ ngay đến ơn đầu tiên và thường xuyên tôi đón nhận từ Tình Yêu thương xót Chúa là *ơn Chúa tha thứ*. Ơn tha thứ, mà tôi đón nhận từ Chúa, là những chuỗi dài nối tiếp, từng phút từng giây. Bởi vì tôi yếu đuối, tội lỗi. Hội Thánh cũng dạy tôi hãy luôn nói với Mẹ: *“Xin Mẹ cầu cho chúng con là kẻ có tội”*. Tôi luôn là kẻ có tội. Chúa luôn là Đấng thứ tha.

14. Nếu nên nhấn mạnh đến một ơn nào, để đặt tên cho ơn gọi của tôi là một chuyến đi dài, thì tôi xin nhấn mạnh đến *ơn tha thứ*. Như vậy, *ơn gọi của tôi là chuỗi dài làm chứng cho ơn tha thứ của Chúa. Vì Chúa là Tình Yêu thương xót.*

15. Hôm nay, tôi xin nói lên điều đó, theo kinh nghiệm của tôi, và cũng để hưởng ứng lời kêu gọi của Đức Mẹ ở Fatima. Ở Fatima, Đức Mẹ kêu gọi sám hối, trong sám hối hãy tin vào Tình Yêu thương xót Chúa. Chúa là Người Cha nhân hậu, hết lòng tha thứ cho bất cứ người con nào trở về (x. Lc 15, 11-32). Mỗi ngày tôi đều trở về, và mỗi ngày Chúa vẫn thứ tha. Tôi không y lại vào lòng thương xót Chúa để mà phạm tội. Lòng thương xót Chúa cũng không bao giờ là cớ để tôi phạm tội. Tôi làm chứng điều đó. Tôi làm chứng, đem an ủi đến cho bao người và cho chính tôi. Xin hết lòng tạ ơn Chúa nhân lành.

Long Xuyên, ngày 8.9.2017

+ Gm. Gioan B BÙI TUẦN

VỀ MỤC LỤC

NÓI THÊM VỀ TỘI PHẠM ĐIỀU RĂN THỨ NHẤT

Hỏi: xin cha nói rõ thêm về những tội nghịch điều răn thứ nhất phải tránh.

Trả lời:

Điều răn thứ Nhất dạy chúng ta phải thờ phượng một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự để được cứu rỗi và hưởng Thánh Nhan Người trên Nước Trời mai sau. Phải thờ lạy Chúa vì đức tin đã cho ta xác tín Người là Đấng đã tạo dựng muôn loài muôn vật hữu hình cũng như vô hình, trong đó đặc biệt có con người là tạo vật được dựng nên **"theo hình ảnh của Chúa"** với hai đặc tính có lý trí và ý muốn tự do (intelligence and free will) mà không một tạo vật nào khác có được.

Qua Ông Mô-sê, Thiên Chúa đã nói với dân Do Thái xưa kia như sau :

"Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi Ai cập, khỏi cảnh nô lệ. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta..." (Đnl 5:6-7)

Trên đây là nội dung Điều Răn thứ nhất trong bản Thập Điều (Decalogue) mà Thiên Chúa đã trao cho Ông Mô-sê để truyền lại cho dân Do thái tuân giữ như Giao Ước của Người với họ để họ được chúc phúc và được sống muôn đời.(Đnl 5).

Mười Điều Răn này vẫn được áp dụng cho dân Chúa từ thời Cựu Ước cho đến ngày nay. Nhưng cần phải nói ngay ở đây một lần nữa là sở dĩ Thiên Chúa truyền Lề Luật cho con người tuân giữ là vì phúc lợi của con người chứ tuyệt đối không phải vì lợi lộc nào của Chúa, khiến Người phải ngăn cấm con người không được làm hay phải làm những điều ghi trong Mười Điều Răn mà con người phải thi hành để được chúc phúc.

Chúa Giêsu đã nhắc lại Điều Răn thứ Nhất và cũng là điều răn quan trọng nhất khi Chúa trả lời cho một luật sĩ thuộc nhóm Biệt phái và Xa đốc xưa kia như sau:

"ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn ngươi. Đó là điều răn quan trọng nhất và là điều răn thứ nhất." (Mt 22: 37-38).

Yêu mến một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự có nghĩa là chỉ tôn thờ và yêu mến Người trên hết mọi thần linh khác của những người không chia sẻ một niềm tin với người tín hữu Chúa Kitô trong Giáo Hội Công Giáo. Nói khác đi, là tín hữu Công giáo thì không được tin và kêu cầu đến một thần linh nào khác ngoài Thiên Chúa Ba Ngôi ra. Chỉ có Ngài là Thiên Chúa duy nhất, Đấng cầm quyền cai trị vũ trụ và sự sống của con người cùng mọi tạo vật, và nhất là đã cứu chuộc con người nhờ Chúa Kitô, tức Ngôi Hai Thiên Chúa đã xuống trần gian làm Con Người để **"hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người."** (Mt 20: 28))

Như vậy, ngoài Thiên Chúa Ba Ngôi (The HOLY TRINITY) mà chúng ta phải tôn thờ, Đức Trinh Nữ Maria, dù là Mẹ Thiên Chúa (Theotokos), Mẹ của Giáo Hội, Thánh Cả Giuse cùng các Thánh nam nữ khác trên Thiên Đàng chỉ là những mẫu gương sáng ngời cho ta noi theo để nên thánh và nhờ cậy cầu bầu trước Tòa Chúa mà thôi, chứ không phải là đối tượng chính của lòng tin và tôn thờ (adoration). Đối tượng chính của lòng tin yêu và tôn thờ phải là Thiên Chúa Ba Ngôi, trong khi chúng ta cũng yêu mến và tôn kính (veneration) Đức Mẹ, Thánh Cả Giuse và các Thánh nam nữ trên Trời nữa.

Do đó, từ góc độ thần học và đức tin này, mọi người tín hữu Chúa Kitô trong Giáo hội Công Giáo cần phải tránh xa mọi hình thức tin tưởng hay trông cậy trái nghịch với Điều Răn thứ nhất trên đây thể hiện qua những thực hành sai trái và có tính cách mê tín dị đoan sau đây:

1. Thờ các ngẫu tượng (idolatry):

Điều răn thứ nhất cấm tôn thờ bất cứ thần linh (idols) nào ngoài Thiên Chúa ra, như thờ thần cây đa, thần bếp, thần hỏa, thần nước, thần tài, v.v. Mặt khác, người Công giáo cũng không thể nói ba phải rằng Đạo nào cũng tốt, thần linh nào cũng đáng kính, nên có thể đem trưng bày trên bàn thờ ở nhà ảnh tượng Chúa, Đức Mẹ chen lẫn với các tượng Đức Phật, Đức Không Tử, Lão Tử, Mohammed (của Đạo Hồi) v.v. Chúng ta tôn trọng niềm tin của các tín đồ khác, nhưng không cùng chia sẻ niềm tin của họ về Đấng họ tôn thờ, như chúng ta tin và tôn thờ Thiên Chúa của chúng ta.

Do đó, người Công giáo mà trưng ảnh tượng bất cứ thần linh nào khác là lỗi phạm điều răn thứ nhất dạy thờ phượng một mình Thiên Chúa mà thôi. Lại nữa, nếu vì xã giao mà phải tham dự các buổi lễ của các tôn giáo khác, hay đến viếng người chết ở nhà quan (funeral home), người Công giáo không được phép bái lạy các tượng Đức Phật, Đức Không Tử hay bất cứ ảnh tượng nào mà các tín hữu bạn tôn thờ. Đó là niềm tin của họ, chúng ta tôn trọng, nhưng không chia sẻ niềm tin với họ như đã nói ở trên. Tuy nhiên, chúng ta được phép đốt nhang cho người chết ở nhà quan hay tư gia.

Cũng cần nói thêm là, để tỏ lòng tôn kính, tôn thờ một mình Thiên Chúa trên hết mọi thần thánh, kể cả Đức Mẹ và Thánh Cả Giuse, người Công giáo, mỗi khi vào nhà thờ, phải bái quỳ thờ lạy Chúa Kitô đang hiện diện cách bí nhiệm cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần trong Mầu Nhiệm Ba Ngôi và trong bí tích Thánh Thể nơi Nhà Tạm (Tabernacle) trước khi quay sang chỗ trưng bày thánh tượng Đức Mẹ, Thánh Cả Giuse hay Thánh Nam nào Nữ khác. Đây là hành vi đức tin thể hiện lòng tôn thờ một mình Thiên Chúa Ba Ngôi trên hết mọi thần thánh khác, và chắc chắn điều này làm đẹp lòng Chúa, Đức Mẹ và các Thánh Nam nữ đang châu trực, ngợi khen Chúa trên Thiên Đàng.

2- Tội phạm thánh (Sacrilege) :

Được coi là lỗi đức thờ phượng, tức điều răn thứ nhất những hành vi sau đây :

a-đang khi có tội trọng, chưa được tha qua bí tích hòa giải mà dám rước Mình Máu Thánh Chúa Kitô (giáo dân) hay cử hành thánh Lễ Tạ Ơn (linh mục) đều mắc tội phạm thánh. (x. giáo luật số 916)

Thánh Phaolô cũng nói rõ tội này như sau :

" Vì thế, bất cứ ai ăn Bánh này và uống Chén của Chúa cách bất xứng thì cũng phạm đến Mình và Máu Chúa. Ai nấy phải tự xét mình, rồi hay ăn Bánh và uống Chén này," (1 Cor 11: 27-28)

b-Ai ném bỏ Mình Thánh hay lấy Mình Thánh về nhà để làm việc mê tín là phạm thánh và bị vạ tuyệt thông tiền kết (x giáo luật số 1367).

Ngoài ra, cũng kể là phạm thánh những hành vi bất kính như đạp chân lên, hay quăng vào thùng rác các ảnh tượng Chúa, Đức Mẹ và các Thánh hoặc các đồ dùng đã được làm phép như bình đựng Mình Thánh (Ciborium) chén lễ (Chalice) khăn thánh (purificator, corporal) ..

Mặt khác, cũng được kể là phạm thánh ai hành hung Đức Thánh Cha (mắc vạ tiền kết, giáo luật số 1370 & 1) và các vị có chức thánh hay lời khấn như linh mục, Giám mục, tu sĩ .

c-Sau nữa, cũng được coi là tội phạm thánh những ai phá hủy nơi thờ phượng như nhà thờ, Tu viện và nhà nguyện công (Public chapel) kể cả giết người và làm việc ô uế (dâm dục) trong nơi thờ phượng. Giết người và làm chuyện ô uế ở nơi khác thì chỉ có tội sát nhân và tội dâm dục, nhưng nếu phạm các tội này ở nơi thờ phượng thì mắc thêm tội phạm thánh nữa.

3-Bói toán và ma thuật (divination and magic):

Tất cả những hình thức mê tín như bói toán, coi chỉ tay, bói bài, tử vi (horoscope) chiêm tinh, (astrology) phong thủy địa lý, phù thủy (sorcery) đồng bóng.... đều là các việc lỗi nghịch điều răn thứ nhất, tức vi phạm niềm tin vào một Thiên Chúa toàn năng duy nhất, Chủ Tể của mọi loài, và là Đấng luôn quan phòng đời sống con người và vạn vật theo sự khôn ngoan và nhân hậu tuyệt vời của Ngài. Vì thế, khi tin và thực hành các hình thức mê tín trên đây, người ta đã tìm đến một hay nhiều quyền lực khác trong vũ trụ hữu hình này thay vì chỉ tin cậy một mình Thiên Chúa mà thôi. Vì thế, người tín hữu Chúa Kitô phải tránh xa các hình thức mê tín trên đây, vì làm một trong những việc này là chứng tỏ không tuyệt đối tin tưởng vào một mình Chúa là Đấng duy nhất ban phát mọi ơn lành và làm chủ vận mạng con người và vũ trụ.(SGLGHC, số 2115-2117). Thánh Kinh đã lên án tội bói toán, phù thủy, và thờ ngẫu tượng, đồng bóng như sau:

“giữa anh em không được thấy ai làm lễ thiêu con trai, con gái mình, không được thấy ai làm nghề bói toán, chiêm tinh, tướng số, phù thủy, bỏ bùa, ngòi đồng cốt, gọi hồn. Thật vậy, nếu ai làm điều ấy thì là điều ghê tởm đối với Đức Chúa, và chính vì những điều ghê tởm đó mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em đã trục xuất các dân tộc ấy cho khuất mắt anh em.” (Đnl 18: 10-12).

Hoặc:

“Khi người đàn ông hay đàn bà nào có ma nhập thần ám thì phải bị xử tử, người ta sẽ ném đá chúng, máu chúng đổ xuống đầu chúng.” (Lêvi 20:27) và **“đàn bà phù thủy, người không được để cho sống.”** (Xh 22:17)

Tuy nhiên, những lời dạy trên đây chỉ nhằm nhấn mạnh đến việc cấm làm những chuyện mê tín dị đoan, trái đức tin như gọi hồn người chết, đồng bóng, phù thủy... vẫn còn thịnh hành ở một số nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Việt Nam. Nhưng không được hiểu những lời trên theo nghĩa đen là phải giết hại ai làm những việc đó.

Nhân tiện, phải nói rõ thêm về việc xem tử vi như sau:

Hiện nay trên Truyền hình Việt Nam ở Mỹ , có nơi có chương trình nói về tử vi cho người xem. Ông thầy tử vi này đã đưa ra những khuyên cáo như tuổi này hợp với tuổi kia thì làm ăn mới thành công, nhất là được hạnh phúc trong hôn nhân, nếu vợ chồng hợp tuổi nhau. Điều này sẽ gây tai hại cho những cặp vợ chồng đã lấy nhau lâu nhưng không biết là có hợp tuổi hay không. Nay vì những chỉ vẽ vô căn cứ của thầy tử vi, họ có thể bỏ nhau để kiếm người hợp tuổi hơn. Hoặc các đôi trai gái sắp kết hôn có thể tin theo thầy tử vi để không dám kết hôn

vì không hạn tuổi, dù hai người đang yêu nhau. Người Công Giáo tuyệt đối không được tin theo những lời chỉ dẫn vô căn cứ của các thầy tử vi về vấn đề hạn tuổi trong hôn nhân và trong việc làm ăn. Cụ thể, các người làm cha mẹ không nên đi xem tử vi để quyết định việc hôn nhân cho con cái mình. Những chỉ dẫn của các thầy tử vi hoàn toàn không có cơ sở tín lý hay khoa học nào, nên không được tin theo họ. Để không mắc tội nghịch điều răn thứ nhất dạy phải tôn thờ và tín thác vào Chúa quan phòng mà thôi.

4-Mê tín dị đoan (superstitions):

Phải kể là tội nghịch điều răn thứ nhất các hình thức mê tín dị đoan có trong mọi nền văn hóa như tin con số 9, kiêng số 10, số 13, kiêng chụp hình 3 người, tin ra ngõ gặp đàn bà thì xui, mèo đến nhà thì khó, chó đến thì sang... đeo bùa ngãi, xin sâm, xin quẻ, tin 12 con vật cai trị vận mạng con người và vũ trụ v.v. Những tin tưởng này đều tuyệt đối không có cơ sở giáo lý, và đức tin nào, nên người tín hữu Chúa Kitô phải xa tránh mọi tin tưởng và thực hành sai trái nói trên để tuân giữ cách nghiêm túc Điều răn thứ nhất dạy ta phải tin và thờ phượng một mình Thiên Chúa Ba Ngôi, là Nguồn duy nhất ban phát mọi ơn lành mà thôi.

Tóm lại, mọi hình thức đưa đến tin tưởng vào một quyền lực hay thần linh nào ngoài Thiên Chúa ra đều là tội phạm đến Thiên Chúa là Đấng duy nhất ta phải tôn thờ và cầu xin mọi ơn lành hoặc giúp tránh những sự dữ, tai họa cho hồn xác trong cuộc sống trên trần thế này. Nhưng cho được xin ơn Chúa cách hữu hiệu, Giáo Hội dạy mọi tín hữu hãy chạy đến cùng Đức Mẹ, Thánh Cả Giuse và các Thánh Nam Nữ để xin các ngài nguyện giúp cầu thay cho ta trước Tòa Chúa. Nghĩa là tuyệt đối không thể nhờ thầy bùa, thầy pháp, thầy bói, thầy tử vi, thầy địa lý, phong thủy hay chiêm tinh gia nào có thể giúp xoay chuyển được số mệnh hay giúp tránh tai ương, hoạn nạn cho con người ở đời này. Ấy là chưa nói đến những tai họa bất ngờ có thể xảy ra chỉ vì tin và nghe lời các thầy này và các tiên tri giả (đầy rẫy ở khắp nơi) chỉ vẽ tầm bậy, khiến đưa chân vào hiểm họa không ngờ nữa. Cụ thể, cách nay hơn hai mươi năm, một nhóm 20 tín đồ của giáo phái Cổng Trời (Heaven Gate) bên California đã tự sát tập thể vì nghe lời "giáo chủ" của họ "tiên tri" tầm bậy là sắp tận thế rồi nên phải chết nhanh đi để được lên Thiên Đàng! Lại nữa, nhóm Hồi giáo quá khích (Fanatic Moslems) cũng chủ trương giết những đối thủ của họ (ám chỉ người Mỹ và các Kitô hữu) để được lên Thiên Đàng! Vì thế mà có những kẻ cuồng tín đầy mê muội đã ôm bom tự sát và giết hại người khác để hy vọng sớm được lên Thiên Đàng!

Người tín hữu Công giáo phải quyết tâm xa tránh những tin tưởng và thực hành sai trái nói trên để sống đẹp lòng Chúa và nói lên niềm tin của mình vào Một Thiên Chúa toàn năng, đầy lòng nhân ái, và là Nguồn duy nhất ban phát mọi ơn lành, an vui và hạnh phúc cho con người.

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân.

VỀ MỤC LỤC

ĐỨC MA-RI-A – HÌNH BÓNG ÍT-RA-EN HOÁN CẢI

Sr. Agnès Cảnh Tuyết, OP.

Bài thuyết trình với một nhóm Liên Tu Sĩ Nam - 5/2017

Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng... Lc 1, 28

Trong những chương đầu của Tin Mừng Lu-ca, thiên sứ đi đến đâu là mang thông điệp niềm vui từ trời đến đó. Đầu tiên là lời loan báo của sứ thần Gáp-ri-en với ông Da-ca-ri-a : “Này ông Da-ca-ri-a, đừng sợ, vì Thiên Chúa đã nhậm lời ông cầu xin : bà Ê-li-sa-bét vợ ông sẽ sinh cho ông một đứa con trai, và ông sẽ đặt tên cho con là Gio-an. Ông sẽ được vui mừng hơn hễ và nhiều người cũng được hỷ hoan ngày con trẻ chào đời...” (Lc 1,13-14). Tiếp đến, lời chào của sứ thần Gáp-ri-en ngỏ cùng Đức Ma-ri-a : “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà...” (Lc 1, 28). Rồi đến lời loan báo của sứ thần với mục đồng: “... Này tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân...” (Lc 2,10). Trong các lời ngỏ của sứ thần vừa kể trên, lời ngỏ cùng ông Da-ca-ri-a cũng như với các mục đồng là loan báo tin vui, còn lời chào dành cho Đức Ma-ri-a là mời gọi Mẹ hãy vui lên :

“Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà.” (Lc 1,28)

Các nhà chú giải điều nhìn nhận rằng kiểu chào này không phải là lời chào thường dùng trong thế giới hy lạp thời bấy giờ. Kiểu chào này gọi lại lời loan báo cứu độ dành cho Giê-ru-sa-lem được nói đến qua ngôn sứ Xô-phô-ni-a và Da-ca-ri-a. Chúng ta cùng trở lại với lời loan báo ơn cứu độ của hai ngôn sứ này qua Xô-phô-ni-a chương 3,11- 18a và Da-ca-ri-a chương 9,9-10, để thấy phần nào Đức Ma-ri-a như là hình bóng Ít-ra-en trong hành trình đức tin.

Đức Ma-ri-a - “Số Sốt” của Ít-ra-en - Xp 3,11-18a

Lời chào của sứ thần Gáp-ri-en ngỏ với Đức Ma-ri-a rất gần với lời ngôn sứ Xô-phô-ni-a ngỏ với Giê-ru-sa-lem như sau :

“Reo vui lên, hỡi thiếu nữ Xi-on, hò vang dậy đi nào, nhà Ít-ra-en hỡi !

Hỡi thiếu nữ Giê-ru-sa-lem, hãy nước lòng phấn khởi” (Xp 3,14).

Cụm từ “thiếu nữ Xi-on”, “thiếu nữ Giê-ru-sa-lem” là kiểu nói quen thuộc biểu trưng cho dân tộc Ít-ra-en. Lý do mà ngôn sứ mời gọi dân Chúa vui mừng đó là Thiên Chúa thứ tha tội lỗi cho dân Người, dấu chỉ của sự tha thứ là việc Thiên Chúa sẽ ở giữa họ. Ngôn sứ loan báo như sau :

“Đức Chúa, Thiên Chúa của người đang ngự giữa người, Người là Vị cứu tinh, là Đấng anh hùng. Vì người, Chúa sẽ vui mừng hoan hỷ, sẽ lấy tình thương của Người mà đổi mới người. Vì người, Chúa sẽ nhảy múa tung bừng như trong ngày lễ hội.” (Xp 3,17-18a).

Những lời trên của ngôn sứ Xô-phô-ni-a khiến dân Chúa và cả những ai đọc Xô-phô-ni-a phải ngỡ ngàng về tình yêu Thiên Chúa: chính Thiên Chúa nhảy múa tung bừng khi thấy trước rằng, cuối cùng cũng sẽ có ngày mà Người có thể ở giữa con gái Xi-on, ở giữa dân Người, một dân đã được thanh luyện bởi tình thương của Người. Chỉ mới nghĩ đến thôi, Thiên Chúa đã muốn nhảy lên vì mừng vui. Không những dân Chúa hỷ hoan mà chính Thiên Chúa còn vui mừng hơn bội phần khi Người lại ở giữa dân Người.

Ngày mà Thiên Chúa chờ mong để được ở giữa Xi-on nay thực sự đã đến qua lời chào của thiên sứ Gáp-ri-en: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà !” Đức Ma-

ri-a chính là Xi-on, một Xi-on đã được thanh luyện tẩy rửa để đón chờ Chúa đến. Xi-on đã được thanh luyện, ngôn sứ Xô-phô-ni-a gọi là “Số Sốt của Ít-ra-en” :

“Ngày ấy, người sẽ không còn phải hổ thẹn, vì mọi hành vi ngang trái chống lại Ta. Bấy giờ, Ta sẽ đuổi cho khuất mắt người những kẻ kiêu căng đắc thắng, và người sẽ không còn nghênh ngang trên Núi Thánh của Ta nữa. Ta sẽ cho sót lại giữa người một dân nghèo hèn và bé nhỏ; chúng sẽ tìm nương ẩn nơi danh ĐỨC CHÚA.” (Xp 3,11-12).

“Số Sốt” mà Xô-phô-ni-a nói đến là một dân nghèo hèn và bé nhỏ, tương phản với những kẻ kiêu căng tự đắc. Họ là những người chỉ biết cậy trông vào Chúa, tìm nương ẩn nơi danh Đức Chúa mà thôi. Đề tài “Số Sốt” là một trong những đề tài quan trọng trong các Sách Ngôn Sứ (x. Is 1,9; 4,3; Gr 6,9; 8,3; Am 5,15; Mk 2,12; Kg 1,12-14; Dcr 8,6.11). Bài ca Magnificat cho thấy Đức Ma-ri-a thấm nhuần truyền thống ngôn sứ khi cất lời tán tụng Thiên Chúa chống lại bọn kiêu căng, và Mẹ là “Số Sốt” chỉ cậy trông vào Thiên Chúa :

“Phận nữ tỳ hèn mọn, Người đoái thương nhìn đến, từ nay hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc. Đấng Toàn Năng đã làm cho biết bao điều cao cả, danh Người thật chí thánh chí tôn! Đời nọ tới đời kia, Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người. Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh, dẹp tan phường lòng trí kiêu căng. Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường.” (Lc 1,48-52)

Ma-ri-a – từ một Ít-ra-en tuyển chọn đến một Ít-ra-en số sốt

Ít-ra-en rất tự hào vì mình là dân riêng của Thiên Chúa, chúng ta đọc thấy trong sách Đệ Nhị Luật như sau: “ Chỉ có dân tộc vĩ đại này mới là một dân khôn ngoan và thông minh! Phải, có dân tộc nào vĩ đại được Thiên Chúa ở gần chúng ta, mỗi khi chúng ta kêu cầu Người?” (Đnl 4,6-7). Dù họ được Mô-sê dạy cho biết họ được tuyển chọn hoàn toàn là do ân huệ nhưng không của Thiên Chúa chứ chẳng phải do công nghiệp riêng của họ (x.Đnl 7,7-8). Nhưng thay vì sống đúng sứ mạng của dân được chọn, tuân giữ mệnh lệnh và trung thành với Giao Ước, Ít-ra-en lại giữ các lễ nghi một cách hình thức, họ cậy vào Đền Thờ như lá bùa hộ mệnh.

A-mốt chương 5,21-25 là một trong những đoạn Kinh Thánh nổi tiếng về việc tố cáo các phụng tự chỉ có hình thức của Ít-ra-en: “Lễ lạt của các người Ta chán ghét khinh thường, hội hè của các người, Ta chẳng hề thích thú Hãy dẹp bỏ tiếng hát om sòm của các người, Ta không muốn nghe tiếng đàn của các người nữa. Ta chỉ muốn cho lễ phải như nước tuôn trào, cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn.”

Ngôn sứ Giê-rê-mi-a được Thiên Chúa sai đến đứng ở cửa Đền Thờ và tuyên sấm với dân Giu-đa như sau: “Đừng y vào lời giả dối sau đây: “Đền Thờ của Đức Chúa! Đền Thờ của Đức Chúa ! Đã có Đền Thờ của Đức Chúa!... rồi lại vào nhà, nơi danh Ta được kêu khẩn, đến trước mặt Ta mà nói: “Chúng ta được an toàn!” sau đó cứ tiếp tục làm những điều ghê tởm ấy. Thế nghĩa là gì?” (Gr 7,4.10)

Não trạng tự mãn vì là dân tuyển chọn của Ít-ra-en vẫn còn mãi đến thời Đức Giê-su, và Gio-an Tẩy Giả đã kịch liệt lên án: “Đừng tưởng có thể bảo mình rằng: ‘Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham.’ Vì, tôi nói cho các anh em hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Áp-ra-ham ” (Mt 3,9).

Trong Xô-phô-ni-a chương 3,11-18 mà chúng ta đang tìm hiểu, qua việc nhấn mạnh đến đề tài “Số Sốt”, Ít-ra-en được mời gọi làm một hoán cải về ý thức. Sau những biến cố thăng trầm, họ không dám tin có một ngày được chứng kiến việc Thiên Chúa lại cho Thánh Đô được

tái thiết, họ mừng đến tường mình như giữa giấc mơ. Cũng từ đó họ bình tĩnh và thẩm thía lời các ngôn sứ : Bấy giờ Thiên Chúa sẽ đuổi cho khuất mắt những kẻ kiêu căng đắc thắng, và Người sẽ cho sót lại giữa Ít-ra-en một dân nghèo hèn và bé nhỏ. Dân Chúa mãi sẽ là “Sổ Sót”, nghĩa là nhóm nhỏ chịu thanh luyện, và sẽ còn chịu thanh luyện. Ít-ra-en cần làm một cuộc hoán cải về ý thức : từ kiêu căng tự mãn mình là dân được tuyển chọn, Ít-ra-en ý thức mình là “Sổ Sót”.

Khi Đức Ma-ri-a đáp lại lời sứ thần Gáp-ri-en bằng tiếng “Xin Vâng”, Mẹ nhận lấy sứ mạng của nhóm nhỏ “Sổ Sót” Ít-ra-en. Lời kinh Magnificat mà Đức Ma-ri-a cất lên, không hề là sự tự mãn vì Mẹ được tuyển chọn làm Mẹ Đấng Mê-si-a. Mẹ là mẫu gương của sự thực thi Lời và mời gọi những ai muốn bước theo Đức Giê-su thực thi Lời Chúa : “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo.” (Ga 2,5) Lời của Đức Mẹ tại tiệc cưới Ca-na cũng là lời mà các môn đệ đã nghe phát ra từ trời khi họ được chứng kiến Đức Giê-su biến hình trên núi: “Đây là con Ta, Người được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người.” (Lc 9,35)

Như đã nói, lời chào của sứ thần Gáp-ri-en không những gọi lại lời của ngôn sứ Xô-phô-ni-a mà còn gọi đến lời của ngôn sứ Da-ca-ri-a. Trong Xô-phô-ni-a, Xi-on được mời gọi trở nên “Sổ Sót”, một dân khiêm cung nghèo hèn, nhỏ bé; còn trong Da-ca-ri-a, chính Đấng Mê-si-a mà Xi-on mong đợi sẽ đến trong khiêm cung. Nói cách khác, nếu Xi-on trở nên khiêm cung thì có thể tiếp nhận được Đấng Mê-si-a khiêm hạ mà Chúa gọi đến cho họ. Và rồi Thiên Chúa đã tìm thấy nơi Đức Ma-ri-a là “Thiếu nữ Xi-on” khiêm cung để trao ban Con của Người - Đấng Mê-si-a được hứa từ ngàn xưa qua các ngôn sứ.

Chúng ta cùng tìm hiểu Da-ca-ri-a chương 9,9-10.

Đức Maria – Ít-ra-en hoán cải về quan niệm Đấng Mê-si-a, Dcr 9,9-10

Xô-phô-ni-a chương 3,11-18 mà chúng ta vừa tìm hiểu thuộc vào khoảng cuối thế kỷ thứ VII hoặc đầu thế kỷ thứ VI (BC), tức là trước lưu đày Ba-by-lon. Còn đoạn Da-ca-ri-a chương 9,9-10 thuộc vào thời sau lưu đày – khoảng thế kỷ thứ III (BC). Thế mà âm điệu của hai bản văn này lại rất gần nhau.

Da-ca-ri-a chương 9,9-10 giới thiệu khuôn mặt một đấng Mê-si-a khiêm cung :

“Nào thiếu nữ Xi-on, hãy mừng vui hoan hỷ ! Hỡi thiếu nữ Giê-ru-sa-lem, hãy vui sướng reo hò ! Vì kìa Đức Vua của người đang đến với người : Người là Đấng Chính Trực, Đấng Toàn Thắng, khiêm tốn ngồi trên lưng lừa, một con lừa con vẫn còn theo mẹ. Người sẽ quét sạch chiến xa khỏi Ép-ra-im và chiến mã khỏi Giê-ru-sa-lem; cung nỏ chiến tranh sẽ bị Người bẻ gãy, và Người sẽ công bố hòa bình cho muôn dân. Người thống trị từ biển này đến biển nọ, từ sông Cả đến tận cùng cõi đất.”

Hai câu thơ mở đầu song song đồng nghĩa, kêu gọi Giê-ru-sa-lem mừng vui. Cũng như ở Xô-phô-ni-a chương 3,14, lời mời gọi mừng vui của Da-ca-ri-a rất gần với lời chào của sứ thần Gáp-ri-en ngỏ với Đức Ma-ri-a. Lý do dân Chúa được mời gọi mừng vui đó là Đấng Mê-si-a đang đến với họ. Theo ngữ cảnh được nói đến ở Da-ca-ri-a 9,1, thì đây là lời mời gọi của chính Thiên Chúa ngỏ với Xi-on, biểu trưng cho dân tộc Ít-ra-en. Vị vua đang đến được gọi là vua của người, tức là vua của Xi-on, của Giê-ru-sa-lem phải là vua thuộc dòng dõi Đa-vít, dòng tộc được coi là vua chính qui, hợp pháp của Giê-ru-sa-lem.

Vị vua đang đến vừa là người mang quyền lực: quét sạch chiến xa và chiến mã, bẻ gãy cung nỏ chiến tranh, vương quyền người mang tầm mức vũ hoàn; đồng thời đấng Mê-si-a này mang những phẩm tính đạo đức luân lý: đấng chính trực và khiêm tốn, mang hòa bình cho

muôn dân. Hình ảnh khiêm tốn và hòa bình của vị Mê-si-a còn được diễn tả qua hình ảnh vị vua này cưới lừa và không mang theo khí cụ chinh chiến. Theo quan niệm thời đó, lừa là hình ảnh khiêm tốn, hòa bình, đối lập với ngựa, biểu tượng của chiến tranh và sức mạnh.

Từ “khiêm tốn” tiếng hipri là אָנִי (ani). Từ này được dùng ở Xô-phô-ni-a 3,12, đoạn mà chúng ta vừa tìm hiểu, để chỉ những người nghèo của Đức Chúa, họ là “Số Sót” của Ít-ra-en. Ít-ra-en được mời gọi hoán cải, không những về ý thức từ hãnh diện họ được tuyển chọn đến ý thức là thành phần “Số Sót”, Ít-ra-en còn phải hoán cải về quan niệm đấng Mê-si-a : Đấng Mê-si-a mà Chúa sẽ gởi đến cho họ là một Mê-si-a khiêm nhu, nghèo hèn. Người không cậy vào sức mạnh trần thế mà chỉ cậy trông vào Thiên Chúa. “Số Sót” của Ít-ra-en là người nghèo của Đức Chúa, và đấng Mê-si-a cũng là người nghèo của Đức Chúa.

Ít-ra-en đã trải qua những kinh nghiệm thương đau, cách riêng là từ biến cố lưu đày, họ thấm thía thế nào là thất vọng khi cậy dựa vào sức mạnh trần thế. Ít-ra-en đã từng mơ có một vị vua như các dân tộc khác để bảo vệ họ khỏi nguy cơ bị ngoại bang xâm chiếm. Mặc cho Sa-mu-en giải thích và can ngăn, họ nhất định đã đòi Sa-mu-en lập cho họ một vị vua : “Không! Phải có một vị vua cho chúng tôi ! Cả chúng tôi cũng sẽ giống như mọi dân tộc. Vua chúng tôi sẽ xét xử chúng tôi, sẽ dẫn đầu chúng tôi và sẽ lãnh đạo các cuộc chiến của chúng tôi.” (1Sm 8,20) Việc đòi có vua như các dân tộc khác của Ít-ra-en là trọng tội như một tội thờ tà thần, vì họ cậy vào sức mạnh vũ khí và tài chiến binh chứ không còn cậy trông vào Chúa như Đấng Cứu Độ duy nhất của họ (x .1Sm 87-8). Thế rồi Ít-ra-en hết cúi đầu van xin cường quốc này lại chạy theo cường quốc khác mong có được sự thỏa hiệp và bảo trợ. Rồi với bao thăng trầm của lịch sử dân tộc, Ít-ra-en nhận ra rằng các vua của họ đã không thể cứu nổi dân tộc thoát khỏi tay các cường quốc; và ngay các cường quốc đó cũng lần lượt tiêu vong thảm hại: Ai-Cập thất thế trước sức mạnh của As-sy-ri-a, rồi đến phiên As-sy-ri-a bị Ba-by-lon nhận chìm; đến phiên Ba-by-lon tang tác dưới sức mạnh đế quốc Ba tư; Ba tư lại trở thành mồi ngon của Hy Lạp, với vị vua lừng danh Alexandre đại đế, thế mà vị vua siêu quần bạt chúng này chết bất ưng khi chưa kịp có con nối kế vị, đế quốc của ông cũng phân rã làm ba; chẳng bao lâu nữa Rô-ma lại lên ngôi bá chủ và vòng lên xuống vẫn tiếp tục...

Lịch sử đã cho Ít-ra-en bài học chuẩn bị cho họ có thể làm cuộc hoán cải về quan niệm Mê-si-a : không ai ngoài Thiên Chúa có thể cứu họ; đấng Mê-si-a mà Thiên Chúa sẽ gởi đến cho họ sẽ là người nghèo của Thiên Chúa. Và nay, qua lời chào của sứ thần Gáp-ri-en, Đức Ma-ri-a được mời gọi đón nhận đấng Mê-si-a được loan báo từ ngàn xưa trong Cựu Ước. Với lời đáp xin vâng, Mẹ là hình bóng của Ít-ra-en đã hoán cải về quan niệm đấng Mê-si-a – Mê-si-a khiêm nhu.

Vị Mê-si-a Cựu Ước loan báo này đang đến, và “Số Sót” Ít-ra-en đang đón nhận Mê-si-a mà Đức Maria là đại diện, cùng với nhóm môn đệ. Tuy nhiên cuộc hoán cải đó không mấy dễ dàng, sự vấp ngã của các môn đệ trước mầu nhiệm Thập Giá là bằng chứng cụ thể.

Sự chậm hiểu của các môn đệ trong Tin Mừng Mác-cô

Các Tin Mừng đều cho thấy sự chậm hiểu cũng như quan niệm sai lầm của các môn đệ trước mầu nhiệm Thập Giá của Đức Giê-su, nhưng Tin Mừng Mác-cô lại nhấn mạnh về điểm này. Ba lần Đức Giê-su loan báo cuộc khổ nạn là cả ba lần đều gặp phản ứng u mê của các môn đệ đối với thông điệp của Thầy mình về đấng Mê-si-a khiêm nhu đau khổ, đây là nét riêng của Tin Mừng Mác-cô.

Khi nghe loan báo lần thứ nhất về cuộc khổ nạn, phản ứng của Phê-rô là từ chối thông điệp của Thầy mình khi ông cản Đức Giê-su đi con đường Thập Giá (x. Mc 9,31-33). Phản ứng của Phê-rô phản ánh tâm trạng chung của các môn đệ chứ không phải chỉ của riêng ông. Lần thứ

hai, sau khi nghe Thầy loan báo cuộc khổ nạn, các môn đệ vẫn không hiểu, nhưng lại không dám hỏi, vì sợ. Phải chăng đó là nỗi sợ phải nghe sự thật mà các ông không đủ sức tiếp nhận. Thay vào đó, các ông lại bận tâm đến việc bàn tán xem ai là người lớn nhất (x. Mc 9, 30-37). Chỗ đứng, địa vị: đó mới là bận tâm của các môn đệ. Ngay sau cuộc loan báo lần thứ ba về cuộc khổ nạn, hai người con ông Ê-bê-đê đến xin Đức Giê-su về chỗ ngồi bên hữu và bên tả. Mười môn đệ còn lại tỏ ra tức tối hai anh em ông này. (x. Mc 10,32-40) Họ tức tối vì ghen với hai ông. Các môn đệ khác cũng muốn chỗ mà hai anh kia đang muốn chiếm. Trong khi Thầy mình cố gắng cho các ông hiểu thông điệp về con đường Thập Giá mà Người sẽ đi, thì các ông lại ngày càng tỏ ra mối bận tâm duy nhất của các ông là địa vị.

Phản ứng của các ông cho thấy các ông không hiểu nổi thông điệp về Đấng Mê-si-a khiêm nhu, đau khổ. Từ sự chậm hiểu về mầu nhiệm Thập Giá, các ông đã bỏ Thầy mình trong cuộc khổ nạn. Đó là một sự thật bại ê chề. Việc bỏ trốn của các ông là bằng chứng cụ thể và là đỉnh điểm của sự u mê về quan niệm Đấng Mê-si-a khiêm nhu, đau khổ. Chỉ sau Phục Sinh, Thần Khí Chúa mới làm các ông hoán cải quan niệm về Đấng Mê-si-a. Cuộc hoán cải về quan niệm Mê-si-a khiêm nhu đau khổ đòi các ông phải chết đi tham vọng vinh quang trần thế, và chỉ còn tìm làm vinh danh Chúa mà thôi. Đó là lời nguyện đầu tiên trong kinh Lạy Cha mà Thầy Chí Thánh Giê-su đã dạy : Xin cho danh Cha cả sáng.

Giáo hội của Chúa là Ít-ra-en mới phải nhớ mình là “Số Sót” nghĩa là phải hoán cải từng ngày.

THẾ NHƯNG...

Thế nhưng lịch sử cho thấy nhiều phen Giáo Hội lại rơi vào con đường lầm lạc của Ít-ra-en xưa, đến cả thời chúng ta cũng không tránh khỏi. Lời cảnh báo của Đức Thánh Cha Phanxicô khi nêu lên “Mười lăm căn bệnh của giáo triều Roma” là một bằng chứng. Suy niệm về hành trình đức tin của Đức Ma-ri-a sẽ có ý nghĩa hơn nếu chúng ta dám nhìn lại lối sống của mình và đối diện với môi trường mình đang sống.

Nhưng trước khi đối diện với những vấn đề sẽ đặt ra trước chúng ta, có lẽ nên bắt đầu với việc nghe suy nghĩ của ông Trần Văn Thủy, tác giả của phim “Chuyện Tử Tế”, về môi trường văn hóa hiện nay. Qua câu chuyện phim, ông Thủy cho thấy chúng ta đang sống trong một nền văn hóa chỉ dám bàn đến những gì có tính phát triển, xây dựng, giáo dục, và ca ngợi... ngược lại, người ta có khuynh hướng kết án và bài trừ những ai bàn về mặt trái của cuộc sống. Trả lời cho vấn đề này, ông Thủy mượn lời của một tác giả và đưa ra kết luận: văn hóa mà chỉ còn là văn hóa truyền truyền sẽ là văn hóa chết”.

Nếu chịu chấp nhận lắng nghe, chúng ta sẽ thấy tồn đọng một vài vấn đề cụ thể đang làm Giáo Hội mất dần tính cách “Số Sót của một dân nghèo hèn, bé nhỏ”, hoàn toàn xa lạ với tinh thần của nhóm người “Số Sót” mà Đức Ma-ri-a thuộc về. Có lẽ chúng ta đã nghe quá nhiều nên hóa nhàm với Lời Chúa về việc háo danh, vậy xin mượn câu chuyện của ông Trần Văn Thủy để thay lời ở đây. Trong dịp làm phim, ông Thủy tìm hiểu công việc của các nữ tu ở một trại phong cùi, nơi trước đây ông Hàn Mạc Tử đã sống những năm cuối đời. Ông Thủy viết : “.... Khi Hàn lâm bệnh, rất nhiều người xa kẻ gần kiếm thuốc, tìm thầy, chạy chữa cho Hàn rất công phụ, tốn kém. Nhưng điều đáng nghĩ ngợi là phần lớn họ điều giấu tên để Hàn khỏi mang ơn. Xem vậy thời Hàn cũng có người ăn ở với nhau đến là tử tế”. Ông Thủy gọi những người làm ơn mà không màng danh là những người “tử tế”, xem ra một người ngoài ky-tô giáo lại thấm nhuần lời dạy của Chúa Giê-su: “Khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm.” (Mt 6,3)

Chúng ta luôn được mời gọi trở thành “Số Sót” với Mẹ Ma-ri-a. “Số Sót” đó trước hết phải làm cuộc hoán cải của Ít-ra-en: từ bỏ sự kiêu căng tự mãn mình là thành phần tuyển chọn, là

nhóm ưu tuyển, để sống tâm tình của “Số Sốt” thuộc một dân nghèo hèn nhỏ bé. Điều này mời gọi người tu sĩ tránh xa những quyền đặc quyền đặc lợi mà người ta muốn dành cho tu sĩ, linh mục cũng như thân sinh của những người tu trì. Có lẽ chúng ta nên nghe lời của Đức Thánh Cha Phanxicô khi ngài bàn đến căn bệnh đầu tiên trong mười lăm căn bệnh của Vatican : “ Bệnh này thường phát xuất từ bệnh quyền bính, từ thái độ yêu mình, say mê nhìn hình ảnh mình mà không thấy hình ảnh Thiên Chúa in nơi khuôn mặt của những người khác...”.

Qua những hình thức hoành tráng, môi trường sống hiện nay của chúng ta có nguy cơ trở thành công cụ hợp thức hóa náo trạng ham mê quyền bính, khiến người ta nhầm lẫn địa vị như là đích điểm, là sự nghiệp và thành công của đời tu. Như thế sẽ rơi vào những căn bệnh mà Đức Thánh Cha Phanxicô đã điểm đích danh : “Bệnh cạnh tranh và háo danh. Khi mà những màu áo và huy chương trở thành đối tượng ưu tiên của cuộc sống...”. Một khi chức tước địa vị trong đời tu trở nên quá quan trọng, nó sẽ đưa người ta đến căn bệnh mà Đức Thánh Cha gọi là “Bệnh thần thánh hóa giới lãnh đạo”. Đức Thánh Cha viết: “... Họ là nạn nhân của những của những công danh sự nghiệp và của thái độ xu thời, tôn kính con người chứ không tôn kính Thiên Chúa.”

Thật ra trong thâm tâm của mỗi người tận hiến chân chính, điều cảm thấy áy náy khi đối diện với những điều vừa nêu trên, nhưng môi trường đã tạo dịp hợp thức hóa cái mà lẽ ra chúng ta phải áy náy, đến nỗi chúng ta để mình trở thành thỏa hiệp. Không thiếu những lập luận khá logic biện minh cho những việc làm trên: chẳng hạn vì chúng ta là con người, chúng ta cần sự nâng đỡ khích lệ, và rằng chúng ta còn phải sống vì những tương quan, vì giao tiếp, và còn nhiều lý lẽ khác đầy hấp dẫn. Mỗi khi làm điều gì, người ta sẽ có lý do biện minh cho hành động của mình. Đức Ma-ri-a thì không, trong từng sự việc Mẹ không tìm biện minh cho mình mà chỉ tìm Thánh Ý. Hành trình đức tin của Đức Ma-ri-a là con đường khiêm cung của “Số Sốt”, của “một dân nghèo hèn và bé nhỏ.”

KẾT

Trên đường lên Can-vê, tất cả mọi người đều bỏ Đức Giê-su. Các môn đệ thì bỏ trốn vì sợ, những người khác ruồng bỏ Người trong khinh khi. Còn “sót lại” Mẹ Ma-ri-a dưới chân Thập Giá. Để có thể đứng vững dưới chân Thập Giá, để có thể không vấp ngã và nhận ra nơi Thập Giá là đáng Mê-si-a của Thiên Chúa, Mẹ đã phải làm cuộc hoán cải về quan niệm về đáng Mê-si-a. Ngay từ khởi đầu mầu nhiệm Nhập Thể, Mẹ đã được tháp nhập vào hành trình của đáng Mê-si-a khiêm nhu, nghèo hèn. Đó là Con Thiên Chúa làm người, đáng Mê-si-a được loan báo từ xưa, nay chào đời nhưng Mẹ lại phải đặt Người nằm trong máng cỏ, vì không tìm được chỗ trong nhà trọ. (x. Lc 2,7) Đáng Mê-si-a khiêm nhu nghèo hèn và chịu đau khổ là một điều ngược với sự mong chờ của muôn người, cả người Do thái lẫn dân ngoại, và nhất là cả chúng ta. Chắc hẳn Mẹ Ma-ri-a cũng đã trải qua khó khăn để đi vào con đường của Đáng Mê-si-a khiêm nhu. Có những lúc Mẹ cũng không hiểu nổi Thánh Ý. Nhưng thay vì vấp ngã, nghi ngờ, Mẹ tin tưởng và “suy đi ngẫm lại trong lòng”, rồi một ngày, với ánh sáng Phục Sinh, các mầu nhiệm này sẽ được sáng tỏ.

VỀ MỤC LỤC

TÔN THƯƠNG TUỔI THƠ

Trong tác phẩm *Chỉ có một điều cần thôi*, cha Henry M. Nouwen đã khẳng định rằng: “*Tất cả chúng ta đều là những người mang thương tích. Ai đã thương ta ? Đó là những người ta thương và những người thương ta*” (tr.155). Điều này thật chuẩn xác và được áp dụng đúng đắn trong việc giải thích về tổn thương tuổi thơ của mỗi người chúng ta; trong đó, cha mẹ hay những người thân cận là những người đã vô tình làm tổn thương chúng ta. Những hệ lụy ấy làm tổn hại và lệch lạc nhân cách của chúng ta trong tuổi trưởng thành. Để khám phá ra nguyên nhân gây nên vết thương ấy là một công việc dài hơi của các nhà tâm lý trị liệu, từ đó, giúp đương sự đối diện với vấn đề của mình và làm hòa với “đứa trẻ bị tổn thương”. Nhưng không phải ai cũng có thể dành thời gian cho việc tham vấn với các nhà chuyên môn, và thực sự thoải mái để cởi mở chuyện của mình cho người khác. Ở đây, chúng ta có thể nhận ra những biểu hiện của người bị tổn thương tuổi thơ để tìm cách hóa giải cho mình và cũng biết cách xử thế và tránh những ảnh hưởng tiêu cực do tổn thương của người khác gây nên.

NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA NGƯỜI BỊ TỔN THƯƠNG TUỔI THƠ

*** Xu hướng tìm lối thoát ở chất gây nghiện**

Những người trải qua thời thơ ấu bị tổn thương có thể tìm đến rượu hoặc thuốc để giúp họ quên đi nỗi đau mình đã trải qua. Khi cơn nghiện trở thành sự tập trung chính, sẽ càng khó phát hiện nguyên nhân và gốc rễ của vấn đề hơn.

Cũng có thể chất gây nghiện ấy là việc làm tay chân và những thú vui bên ngoài để chủ thể tránh đối diện với thực trạng trong tâm hồn. Và như thế, họ muốn xóa đi phần ký ức bị tổn thương; khi có ai bàn đến những vấn đề nhạy cảm, họ nói tránh hoặc tìm cách chối quanh cho qua chuyện. Chung cục, họ lừa dối chính mình.

*** Tránh tìm nhu cầu bản thân**

Khi một người trải nghiệm tổn thương tâm lý thời thơ ấu, họ có thể quên về nhu cầu thực sự của mình, và dành thời gian, năng lượng để tìm kiếm tình yêu và sự chú ý của người khác. Điều này có thể dẫn tới nỗi đau và tình trạng lạm dụng tồi tệ hơn. Khi bị ai ngược đãi hay lạm dụng, họ lấy thế làm chính đáng, vì tự nhủ: mình đáng bị lên án và trừng phạt. Người khác có thể nhìn thấy thế mà đánh giá là họ rất anh dũng trong việc nhận phần thiệt thòi về mình nhưng thực sự, họ muốn che giấu một vết thương.

Khi tìm kiếm được mối tình vác vai hay một tương quan nào đó, họ dồn hết sức lực và tâm lực vào đối tượng, rồi dễ dàng thất vọng vì có người ấy không như mình tưởng. Trường hợp diễn viên Lê Công Tuấn Anh là điển hình. Do sống trong trại mồ côi, anh lớn lên với một tâm thức thiếu thốn tình thương và khi gặp một người bạn gái tỏ ý yêu mình, anh đã dồn hết tâm lực, tâm trí và tâm tình vào người yêu, nhưng khi bị phản bội, anh đã tìm đến cái chết như giải pháp giúp bản thân thoát khỏi tình trạng thất vọng ấy.

*** Trạng thái "chai" cảm xúc**

Khi tổn thương quá nghiêm trọng, người ta dễ bị chai sạn cảm xúc nếu không muốn nói là họ trở nên dửng dưng với mọi thực tại diễn ra trước mắt, đó là một hình thức cơ chế tự vệ. Dần dà, nó hình thành nơi chủ thể một lối sống hai mặt. Trước mặt mọi người thì tỏ ra bình thường, mạnh mẽ, can đảm, đáng yêu. Trong lòng thì giận dữ, thù hận, ghen ghét. Về nhà, trong phòng, trên giường (an toàn vì không ai nhìn thấy) thì bối rối, sợ hãi, cô đơn ... như một người hoàn toàn khác.

***Hình ảnh tiêu cực**

Họ mang trong mình hình ảnh tiêu cực về bản thân. Họ tự nhận mình là yếu kém và bất lực, thế nên mọi sự diễn ra đều bị họ nhìn dưới lăng kính màu đen ấy. Từ đó, những cơ hội lại biến thành những thử thách khó vượt qua. Nếu có thành công nào, họ cũng coi đó là vận may còn bản thân thì bất toàn. Thoạt tiên, người khác tưởng rằng họ là người khiêm tốn nhưng kỳ thực, đây là một tình trạng lệch lạc trong nếp nghĩ và lối sống. Tình trạng sẽ nguy hại đến mức, họ không còn tin vào bản thân mình, luôn cần người khác khuyên hoặc quyết định dùm; luôn cần người khác khen để cảm thấy an tâm. Đây là cách thức của người sống lệ thuộc. Tất nhiên, có sự lệ thuộc hỗ tương lành mạnh là giúp nhau lớn lên và trưởng thành. Ở đây, sự lệ thuộc mang tính thụ động và yếm thế khiến đương sự mất dần sự sáng suốt để phân biệt đúng-sai, tốt-xấu ngổ hầu chọn cho mình một lối thoát khỏi tình trạng bi đát do nhận thức và đánh giá tiêu cực hình ảnh bản thân gây nên.

***Biến thiên**

Họ luôn thay đổi lập trường mà không dựa vào một tiêu chuẩn nào để chọn lựa; thấy ai nói hay là họ theo và nói theo người khác mà không có khả năng phân định vấn đề. Do thiếu đời sống kỷ luật và quân bình, họ đi từ thái cực này sang thái cực khác. Chuyện nhỏ như con thỏ cũng được họ phóng đại to như con bò. Vì thế, phong thái của họ thiếu ổn định. Chính sự bất ổn nội tâm, họ dễ nhìn nhận và đánh giá người khác cách lệch lạc. Do thiếu khoan dung với chính mình mà họ cũng dễ bất động với người khác, và không dễ dàng tha thứ cho ai dám xúc phạm đến họ. Gặp sự gì trái mắt cực lòng họ tìm cho ra, xem người nào là nguyên nhân làm nên có sự, rồi rêu rao cho mọi người như thể mình là người có công khám phá ra kẻ chủ mưu. Bi đát hơn ! Họ lấy chuyện người khác làm trò tiêu khiển khiến gây tổn thương và tạo mối bất hòa hiểu lầm nơi người khác. Chung cục, họ tránh đối diện với tổn thương của mình bằng cách lên án lỗi lầm người khác.

ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC

Sự phân chia: thể lý, tâm lý và tâm linh, ở đây, chỉ mang tính tương đối. Vì xét tổng thể con người, không có ảnh hưởng nào trên một thành phần mà lại không chi phối toàn bộ hữu thể. Dẫu vậy, chúng ta vẫn chấp nhận tính tương đối để làm nổi rõ từng góc cạnh của vấn đề. Nhờ đó, chúng ta dễ tìm ra nguyên nhân chính gây nên tình trạng ấy mà tìm hướng khắc phục cụ thể cho từng “con bệnh”.

Thể lý

Có chàng trai kia bị bệnh đau bao tử nhiều năm, đã tìm đủ mọi thứ thuộc cả Đông dược và Tây y đều không chữa khỏi. Anh chạy đến một chuyên gia tham vấn hầu cứu vãn tình hình, chỉ vì nghe nói, có những thứ bệnh thể lý do nguyên nhân tâm lý gây nên. Sau khi trình bày bệnh tình, chuyên gia hỏi về tương giao giữa anh với mọi người trong gia đình, anh nói đều diễn ra trong bầu khí an hòa. Không tìm được manh mối gì, vị này tiếp tục khai thác đường sự: anh thường thấy nhói đau trong hoàn cảnh nào ? Anh nói: cảm thấy đau nhiều mỗi lần thi đấu thể thao mà có sự hiện diện của cha anh. Trái lại, khi không có sự hiện diện của cha anh thì anh thi đấu rất tự tin và tâm lý thoải mái. Từ đó, chuyên gia đã nhận ra nguyên do từ người cha của anh. Rằng: ông luôn đòi hỏi ở anh một kết quả vượt trội, mặc dù, ông là một người thường gặp thất bại trên đấu trường. Chính thái độ thiếu khoan nhượng của người cha mà đã dẫn đến tình trạng căng thẳng nơi anh, từ đó, gây nên chứng đau bao tử thất thường. Có lẽ, vì kính nể cha mình nên anh không tỏ dấu tức giận hay có thái độ tiêu cực nào, vì thế, sự nóng giận hay bực tức lại quay vào bên trong. Năng lực của sự kìm nén ấy như một thứ nội áp suất, nó tấn công các cơ quan nội tạng trong anh.

Hay cô bé kia thường bị chứng đau đầu hành hạ ngay từ nhỏ. Bình thường cô bé vẫn vui chơi với chúng bạn không vấn đề gì nhưng khi ngồi vào bàn học là bị nhức đầu. Được sự hướng dẫn của người khác, bé tìm đến với một chuyên viên tâm lý. Khi hỏi cặn kẽ hoàn cảnh gia đình, vị này mới rõ mẹ của bé là người cầu toàn lại mang tính tiêu cực hay so sánh bé với người khác. Thật vậy, cứ mỗi lần bé ngồi xuống học bài thì một câu nói truyền thống thốt ra từ miệng bà mẹ: “Học với hành, con người ta đi học, cứ mỗi kỳ là đem giấy khen về, con mình chẳng ra làm sao cả !” Và rồi, câu nói ấy như một áp lực khiến bé trở nên mệt mỏi và buồn xuôi. Có lẽ, bà mẹ nói thế để muốn gây ý thức nơi con mình và giúp nó cố gắng hơn, nhưng khi dùng những lời lẽ tiêu cực và so sánh với con bé hàng xóm, vô tình tạo nên một làn sóng tiêu cực gieo vào đầu con trẻ khiến nó gặp khó khăn hơn trong các kỳ thi vì nỗi ám ảnh thất bại đang chào đón nơi cửa miệng người mẹ ấy.

Ngoài ra, còn nhiều chứng bệnh thể lý được khám phá ra do ảnh hưởng của bệnh tâm lý, điều quan trọng là chính mỗi người cần nhận ra phần tổn thương của mình để kịp thời chữa trị, nhờ đó, tránh những lệch lạc trong lối sống do những vết thương mưng mủ gây nên.

Tâm lý

Có một cậu học sinh lớp 11, rất thông minh và tháo vát. Cậu là đoàn trưởng của một trường điểm, luôn xuất hiện trước đám đông với những bài nói chuyện rất dí dỏm và những bài cảm ơn rất hoành tráng. Mặc dù, cậu thấp bé nhưng ai cũng ngưỡng mộ và ngưỡng mộ cậu. Tuy nhiên, vào một hôm trong lúc cậu đang tranh luận với anh mình về một đề tài gì đó. Bà mẹ quan sát thấy vậy, liền phán một câu khiến cậu bất ngờ: “Người cao không bằng con chó Misa mà dám tranh luận với anh Hai”. Thế là, cuộc tranh luận ngưng hẳn và từ đó, tiếng của cậu nói chuyện trong nhà cũng thưa thớt dần và không còn tiếng cười như xưa. Trong trường, những công việc được giao cũng trở nên nặng nề với cậu. Mọi người cho rằng do cậu đau

trong người mà khiến không hoàn thành xuất sắc công việc. Mãi đến bài cảm ơn cuối khóa của cậu, mọi người mới nhận ra dường như cậu bị một cú sốc tâm lý nào đó. Những người mến mộ cậu xưa nay, người hỏi thăm, người xin lỗi xem cậu phản ứng thế nào, cậu đều cười nhẹ và bỏ đi. Vì lòng tự trọng của cậu đã bị tổn thương nặng nề, song, nó còn trở nên trầm trọng hơn vì người mình thần tượng xưa nay lại làm mình tổn thương.

Có người đàn ông khác khoảng 30 tuổi, chàng cao to và đẹp trai, với dáng điệu bảnh bao, anh có đủ tiêu chuẩn và khả năng chinh phục các cô gái về cho mình. Nhưng nhiều cô gái đến với anh một thời gian rồi họ lại chia tay, phần lớn do phía anh chủ động. Do anh quá dè dặt trong chuyện tình cảm mà khi gặp nhau tình yêu giữa họ không mặn mà.

Sau khi tìm hiểu chuyện gia đình, người ta biết rằng mẹ anh là một người độc đoán và quán xuyến mọi sự việc trong nhà, bà hoàn toàn phủ bóng và kiểm soát chồng mình. Bà thích ra lệnh và thao túng người khác cách quá đáng. Trái lại, cha anh là người ít nói và không bao giờ to tiếng, ông chọn sự thinh lặng và nghe theo để giữ hòa khí trong gia đình. Chàng trai càng thấy thương cha mình thì lại trở nên ghét mẹ hơn. Thời gian sống trong buồn chán kéo dài đã khiến cậu căm ghét những người phụ nữ mà cậu tiếp xúc. Trong thời gian đầu mới quen ai đó, chàng cảm thấy bớt đi nỗi trống trải trong tâm hồn, nhưng sau đó, mọi cô gái đều chia tay không lời từ biệt. Với ý thức lớn lao, anh nhận ra nhu cầu cần một người phụ nữ để chung sống và chia sẻ đời sống gia đình. Tuy nhiên, còn đó sự bất an và lo sợ trong vô thức, hình ảnh của một người mẹ độc đoán và thao túng người khác vẫn hằng đeo bám chàng, và phóng chiếu lên các phụ nữ khác khiến chàng trở nên bế tắc và bất lực.

Chẳng hạn, một lần đến nhà bạn gái chơi, cậu thấy nàng to tiếng với em út. Rồi sau đó, cậu chia tay với người bạn gái này mà không một lời giải thích. Hay khi cậu gặp một cô gái khác, do kinh nghiệm thất bại trên tình trường, lần này tình cảm của họ trở nên mặn mà hơn. Đến khi cô gái tỏ một lời cảm thông thì họ lại chia tay. Cô nói rằng: “Em muốn biết nhiều về anh, nhưng không nghe anh nói về mình”. Chỉ câu nói này, cậu tự nhủ: “Nàng muốn thao túng và kiểm soát mình đây” và rồi họ cũng nói lời chia tay trong nước mắt của người yêu. Có thể nói, cái bóng của người mẹ độc đoán quá lớn khiến cậu không được giải thoát, và tiếp tục sống cô đơn không một người yêu chia sẻ.

Qua đó, chúng ta nhận ra rằng những tổn thương tuổi thơ nếu không được chủ thể ý thức và làm hòa, sẽ còn đó những ảnh hưởng tiêu cực và chi phối mọi lãnh vực trong đời sống họ.

Tâm linh

Nếu xét những tổn thương về mặt thể lý và tâm lý mà còn gây ảnh hưởng và làm xáo trộn đời sống chủ thể tự bên ngoài thì những tổn thương về mặt tâm linh, sẽ kín ẩn hơn nếu không được đương sự đưa ra ánh sáng.

Có một cô gái, hằng đêm, phải cùng mẹ chạy trốn những trận đòn do ông bố gây nên sau những lần ăn nhậu với ai đó. Thế nhưng, đêm nào bố không về, hai mẹ con lại chạy đi tìm kẻ

bị tai nạn thì mẹ không an lòng. Những hình ảnh đó ghi sâu trong ký ức tuổi thơ của một cô bé đang tuổi vô tư giỡn đùa với chúng bạn. Làm sao bé có thể hiểu được về một Thiên Chúa là Cha ? Những giờ học giáo lý và những bài giảng của linh mục trong nhà thờ như những bài điều văn đọc lên trước mặt cha mình. Con bé không muốn có một người cha như thế và không muốn kêu ai là cha kể cả Thiên Chúa của một niềm tin Công giáo rất tốt lành ! Do tổn thương tuổi thơ quá nặng nề, con bé sống niềm tin của mình với mong muốn Thiên Chúa như một người mẹ. Nhưng dù sao, nếu bé không được hóa giải và chữa lành thì đời sống tâm linh cũng trở nên lệch lạc và không lối thoát.

Hay truyện về một cậu bé khoảng 16 tuổi đang trong thế giằng co vì cha mẹ của cậu đòi ly dị nhưng cả hai đều đòi cậu ở với mình. Cậu đã thẳng thừng tuyên bố: “Cả ông và bà, không ai có quyền chiếm hữu tôi, và cả Thiên Chúa của ông bà cũng chẳng có quyền gì trên tôi”. Tại sao Thiên Chúa lại bị đặt vào trong tình huống này ? Thưa: vì cả hai vợ chồng đều nhân danh tôn giáo để ly dị nhau và nhân danh bác ái Kitô giáo mà giành lấy đứa bé. Cuối cùng, cậu đã về ở với ông bà ngoại. Họ nuôi cậu khôn lớn thành tài, trở nên một người thiện nguyện đi giúp những trẻ em bị cơ nhỡ. Việc đi lễ của chàng chỉ cốt làm vui lòng ông bà, chứ chàng chẳng chú tâm gì đến đời sống tâm linh, vì đối với chàng, Thiên Chúa như một Đấng hà khắc chỉ biết đòi hỏi con người mọi sự.

Nhưng rồi trong một lần đang công tác bác ái giúp người dân địa phương, chẳng may anh đã bị thương ở một chân, phải nằm yên một chỗ. Sau đó, cha tuyên úy đến chia sẻ nỗi đau của một thành viên nhiệt tình trong nhóm. Sau một hồi kể lể, anh nói: “Tại sao con đang làm một điều tốt lành như thế mà Chúa lại để con đến nỗi này, Chúa đã bỏ con sao ?” Như có một ánh sáng lóe lên trong đầu vị linh mục, ngài nói: “Thế con bỏ Chúa hay Chúa bỏ con ?” Rồi cha thình lình lặng ngòai đấy một hồi lâu. Lúc này, cả một ký ức xa xưa quay về, một lịch sử bị tổn thương đang được đem ra ánh sáng, cậu ôm vị linh mục vừa khóc vừa nói: “Con đã bỏ Chúa lâu rồi !”...

Những ví dụ trên đây chỉ là một gợi ý giúp ta tìm ra và viết lên trang lịch sử đời mình; có thể nói, phần lớn là thương đau, những tổn thương ấy, dù muốn dù không, nó vẫn là thành phần của cuộc sống ta. Nếu chúng ta dám đối diện và tìm cách chữa lành, nó sẽ là cơ hội giúp ta sống với một tâm thức mới: đầy năng động và sáng tạo.

LÀM HÒA VỚI Đứa TRẺ BỊ TỔN THƯƠNG

Có nhiều cách để hóa giải vấn đề này, nhưng thiện nghĩ, có hai cách thiết thực giúp ta tự chữa lành mà không cần tiếp xúc với các chuyên gia.

Sáng tạo nghệ thuật:

Hiện nay, ở Việt Nam, có một phong trào mang tên “Nét cọ chữa lành” của [Trung tâm Bảo trợ xã hội](#) Tịnh Trúc Gia (Huế). Với mong muốn khẳng định khả năng trị liệu của sáng tạo, đồng thời giới thiệu mô hình giáo dục đặc biệt đã thay đổi cuộc sống của nhiều trẻ khuyết tật về trí

tuệ và khả năng nghe – nói, xương sụn mài này đã đem lại niềm hy vọng cho nhiều thế hệ tương lai. Xin đơn cử trường hợp của Lê Xuân Lãm.

Theo đánh giá chuyên môn, trước khi đến với Tịnh Trúc Gia, Lê Xuân Lãm là một cậu bé hành xử “hoang dại”. [Nguồn năng lượng](#) mạnh mẽ trong con người cậu ấy nếu không được kiểm soát sẽ khiến Lãm bị cô lập giữa những người bình thường. Vậy là năm 16 tuổi, gia đình đưa Lãm đến với Trung tâm Tịnh Trúc Gia. Và với thời gian, những nghệ sĩ tâm huyết đã giúp em điều chỉnh tính cách, điều hướng nhận thức, chữa lành ký ức...kết quả cho thấy, em trở thành một họa sĩ được nhiều người hâm mộ. Tất nhiên, Lãm được yêu mến không phải vì cảm thương những giới hạn của em nhưng vì em trở thành một chứng nhân được chữa lành nhờ hoạt động nghệ thuật chân chính.

Nếu họa sĩ được chữa lành cách nào đó trong quá trình sáng tạo tác phẩm thì nhạc sĩ chắc hẳn cũng được thanh luyện nơi những gì mình ấp ủ và cư mang cho đến khi hoàn thành những đứa con tinh thần.

Vào thời cổ đại bên Trung hoa, phần lớn âm nhạc được dùng thuần túy trong việc chữa lành tổn thương. Với làn điệu ngũ cung được tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa và thổ. Nếu như sự phối hợp của ngũ hành tạo nên sự quân bình cho trời đất thì với 5 cung nhạc ấy cũng có khả năng chữa lành, và quả thật, không chỉ riêng làn điệu ngũ cung này mà âm nhạc nói chung, cho đến ngày nay, nhiều khám phá cho thấy sức năng động chữa lành khá kỳ diệu. Một nhạc sĩ đã chia sẻ: Tôi đã tìm lại bản thân mình sau một giai đoạn sáng tác. Ban đầu, tôi quá chú trọng đến những kỹ thuật chuyên môn: sao cho đúng đắn và chuẩn mực, sau khi đã áp dụng nhuần nhuyễn, tôi bắt đầu chú trọng đến lời ca và những cung bậc tình cảm giúp tạo nên sức sống bản nhạc và rồi tôi đã tìm được chính mình. Thật vậy, những gì tôi cư mang là máu thịt tôi và cả những vết thương của tôi nữa ! Chúng được chữa lành cách sâu xa. Chính quá trình sáng tạo nghệ thuật chứ không phải thành phẩm nghệ thuật có tác dụng hàn gắn tâm hồn. Ở đó nghệ thuật được coi là sự biểu hiện của cuộc độc thoại nội tâm của đứa trẻ trong tôi, qua đó giải tỏa được những uẩn khúc và rối loạn trong tâm hồn, đồng thời phục hồi lại niềm tin tưởng, hy vọng vào cuộc sống, cũng như sự tự tin, tự chủ và năng lực bản thân.

Viết nhật ký:

Pennebaker, giáo sư khoa Tâm lý học tại trường Đại học Texas ở Austin ,là một người tiên phong trong nghiên cứu sử dụng việc viết bộc lộ cảm xúc để chữa lành. Năm 2004, ông cho xuất bản cuốn *Viết để Chữa lành*: Hướng dẫn Phục hồi từ Chấn thương và Chấn động Tinh thần. Trong khi hướng dẫn của ông có thể áp dụng với việc viết nhật ký, nó thiên về vai trò như một cách điều chỉnh hướng đi của cuộc sống. Nó cho phép mọi người dừng bước trong một khoảnh khắc và đánh giá lại cuộc sống của họ. Theo nghiên cứu của nhà tâm lý này, khi viết về các chấn động tinh thần, họ thường cảm nhận việc cải thiện về sức khỏe. Đồng thời, ông cũng phát hiện ra rằng khả năng thay đổi cách nhìn trong quá trình viết là một dấu hiệu mạnh mẽ khác. Thật thế, nhờ việc viết ra những ức chế và những tổn thương tuổi thơ mà họ có thể thay

đổi cách đánh giá về thực tế cuộc sống; họ sẵn sàng đón nhận và thay đổi cách triết để về thái độ tích cực trong cuộc sống.

Ông đã lấy dẫn chứng từ một phụ nữ trẻ đã tìm ông tham vấn. Cô mất chồng cách đột ngột trong một tai nạn. Thế nhưng, các bạn đồng nghiệp hết lời khen ngợi cô, rằng cô đã can đảm vượt qua sau biến cố bất ngờ và đau thương ấy. Phần mình, cô tìm đến nhà tâm lý này để tìm ra giải pháp vì cô cảm nhận có điều gì không ổn nơi bản thân. Nhà tâm lý trị liệu đã đề nghị cô viết nhật ký. Sau một tuần đối diện với mọi góc cạnh của tổn thương, cô đã thấy mình có những thay đổi từ thể quân bình thể lý và cách nhìn nhận và đánh giá vấn đề. Sau đó, người phụ nữ này đã bỏ nơi đang sống và trở về quê để bắt đầu một bước tiến mới. Cô tâm sự: nhờ việc viết nhật ký này mà cô đã nhận ra, trước kia bản thân đã đeo mặt nạ vui vẻ giả tạo trước mặt bạn bè.

Chỉ hai tháng sau, người phụ nữ đó bỏ trường đại học và chuyển về quê của cô. Việc viết đã khiến cô nhận ra rằng cô đang đi trên một con đường mà cô không còn muốn nữa và rằng trước đó cô đã đeo một cái mặt nạ vui vẻ giả tạo với bạn bè.

Có hai lời đề nghị của Pennebaker khá hữu ích cho những ai áp dụng phương pháp này:

-Một đề tài có vẻ quá đau đớn để nghĩ đến thì đừng cố gắng lôi nó ra trước khi bạn sẵn sàng.

-Không nên viết về một sự kiện chấn động lâu hơn một vài tuần. Bạn có nguy cơ rơi vào vòng xoáy của suy nghĩ tự thương hại bản thân.

Cầu nguyện:

Có thể nói, cầu nguyện là thái độ đức tin giúp chúng ta được chữa lành đích thực. Chỉ có Chúa Thánh Thần mới thực sự chữa lành chúng ta từ bên trong. Vì thế, cầu nguyện phải là phương pháp được ưu tiên hàng đầu khi đối diện trước sự bất lực của cuộc sống. Những tổn thương tuổi thơ còn đó như một cơ hội giúp mỗi người chúng ta sống gắn bó với Chúa hơn và để Người bước vào đời sống mình như một nhu cầu tâm linh không thể thiếu vắng trong đời sống đức tin.

Xin đơn cử một lời nguyện của một người phong cùi mang tên là Veronica:

*Lạy Chúa, Chúa đến đòi con tất cả,
Và con đã tận hiến cho Chúa toàn thân.
Hôm xưa con mê đọc sách, nhưng giờ này con đã mù loà.
Con thích chạy nhảy trong khu rừng hoang vắng,
Nhưng hiện nay hai chân con đã thành bất toại!
Con thích đi hái những bông hoa dại dưới nắng trời xuân,
Nhưng ngày nay hai bàn tay ấy không còn nữa!
Là phụ nữ, con ưa nhìn mái tóc mây mượt mà óng ả,*

Nhìn những ngón tay mềm mại xinh đẹp,
Nhìn tấm thân liễu đào kiều diễm.
Nhưng giờ này trên đầu con không còn một sợi tóc,
Những ngón tay mịn màng của tuổi giai nhân ngày xưa,
Hôm nay chỉ là những thanh gố nhỏ khô cứng!
Lạy Chúa, xin nhìn đến thân con hồi nào mỹ lệ,
Hôm nay đã tàn tạ, nhưng con không dám trách than:
Con tạ ơn Chúa, và ngàn đời con sẽ hát lời ca ngợi.
Và giả như con có chết đêm nay đi nữa,
Con tin chắc đời mình đã được sung mãn dồi dào.
Là vì sống bằng tình yêu, con được quá những gì lòng con ước nguyện.
Lạy Cha chí nhân,
Vớی đưa con Veronica, Cha đã quá nhân từ hiền hậu.
Quý hôm nay, con cầu cho những ai phong cùi trong thể xác,
Nhưng nhất là những ai "phong cùi" trong tâm linh nội diện:
Vì họ có thể đổ xô, gục ngã, tàn phế, tiêu tan:
Chính những lớp người này con càng thành tâm yêu mến,
Và trong âm thầm con nguyện hiến đời mình cho họ,
Bởi vì họ với con là anh chị em một nhà!
Lạy Chúa của lòng con yêu mến thiết tha,
Con dâng lên Chúa tấm thân phong cùi thể xác này,
Để cho họ không còn phải nếm phiền muộn, đắng cay,
Không còn phải lạnh lẽo và khổ đau chua xót,
Vì chúng phong cùi ghê gớm xâu xé tâm linh họ!
Lạy Cha chí nhân,
Con vẫn là đứa con gái bé bỏng thân tình,
Xin cầm tay dẫn con đi, như người mẹ dẫn đứa con thơ dại;
Xin xiết chặt con vào trái tim Cha đang rộng mở,
Như người Cha ấp ủ đứa con nhỏ bé hồi nào!
Xin cho con chìm sâu trong đáy huyết lòng Cha,
Ở mãi trong đó với những người con yêu thương triu mến,
Vì ở đó là hạnh phúc thiên đàng trường sinh vĩnh cửu!

Thiết tưởng, đây đích thực là một tâm hồn đã được chữa lành từ bên trong khi chị đặt Chúa vào tận chính những khốn khổ và tổn thương của mình. Tất nhiên, không phải để oán trách nhưng chị tạ ơn Chúa, vì nó trở nên một cơ hội giúp tâm hồn chị kết hợp với Chúa thân tình hơn khi cảm nhận sự bất lực của bản thân mình.

Và từ đó, chúng ta sẽ xác tín hơn rằng **những tổn thương bên trong là cửa ngõ giúp Chúa đi vào tâm hồn chúng ta.**

EYMARD An Mai Đỗ, O.Cist.

Xin hân hạnh giới thiệu hai tác phẩm của EYMARD An Mai Đổ, O.Cist.

Đã được phát hành tại các nhà sách Công Giáo:



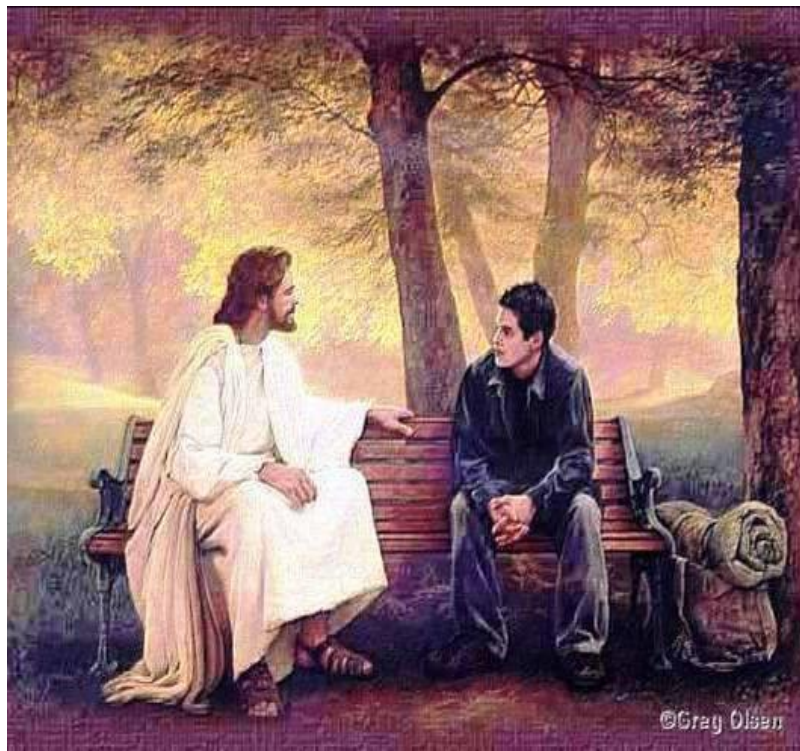
VỀ MỤC LỤC

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC (tiếp theo)

Xin lưu ý: Quý vị có thể yêu cầu BBT gửi trọn file tài liệu này:

Ban Triết Học và Tu Đức ĐCV. Xuân Lộc
Tỉnh Tâm Năm 30/9-5/10/2017

Lm. Micae Phaolô Trần Minh Huy, pss.



Phần Một

MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC

(Tiếp theo)

Eph 4, 17-24: “Đây là điều tôi nói với anh em, và có Chúa chứng giám, tôi khuyên anh em: đừng ăn ở như dân ngoại nữa, vì họ sống theo những tư tưởng phù phiếm của họ. Tâm trí họ đã ra tối tăm, họ xa lạ với sự sống Thiên Chúa ban, vì lòng chai dạn đá khiến họ trở nên dốt nát. Họ đã mất ý thức nên đã buông thả, sống phóng đãng đến mức làm mọi thứ ô uế cách vô độ. Còn anh em, anh em đã chẳng học biết về Đức Kitô như vậy đâu; ấy là nếu anh em đã được nghe nói về Đức Giê-su và được dạy dỗ theo tinh thần của Người, đúng như sự thật ở nơi Đức Giê-su. Vì thế, anh em phải cởi bỏ con người cũ với nếp sống xưa, là con người phải hư nát vì bị những ham muốn lừa dối, anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện”.

3. Bước thứ ba:

CAM KẾT THEO CHÚA KITÔ TOÀN THỂ

Chúa Giêsu đã nói: “Không phải các con đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con và sai các con ra đi...”²⁸. Như thế, mỗi người chúng ta phải khẳng định rằng mình theo chính Chúa Kitô chứ không phải theo ai khác, và đặt Chúa Kitô ở trung tâm của tất cả mọi sự. Cứ luôn bám chặt vào Chúa, chúng ta sẽ nhận được một sức mạnh kỳ diệu nâng đỡ mà Thánh Phaolô xác quyết là “chính Chúa Kitô sống trong tôi”²⁹.

Quả vậy, chúng ta cam kết đi theo chính Chúa Kitô, và là Chúa Kitô toàn thể, nghĩa là Chúa Kitô vinh hiển của núi Taborê cũng như Chúa Kitô khổ nạn của đồi Golgotha, dù gặp hoàn cảnh thế nào đi chăng nữa: được hiểu hay không được hiểu, được ủng hộ hay bị chống đối,

²⁸ Ga 15,16-17.

²⁹ Gal 2,20.

vui hay buồn, sướng hay khổ, thành công hay thất bại. Nếu gặp được Bè trên, các cha giáo và anh em cảm thông nâng đỡ, thì con đường vác thập giá đi theo Chúa được nhẹ nhàng hơn, còn nếu gặp phải người thiếu thông cảm hay quá khó thì con đường thập giá theo Chúa sẽ nặng nề hơn, nhưng vẫn quyết tâm đi tới, không hề bỏ cuộc, “*biết rằng đời hiểu hay không, uống cho bằng cạn chén hồng Chúa trao, thương ai Chúa mới gọi vào, kèm trong thử thách đạt dào đổ náng*”, bởi vì nếu cố tìm Chúa Giêsu không có thánh giá thì chúng ta sẽ có nguy cơ gặp phải thánh giá mà không có Chúa Giêsu.

Các động lực ơn gọi

Để hiểu được tính cách và tầm quan trọng của cam kết này, chúng ta phải xét đến các động lực ơn gọi. Đúng vậy, đằng sau mọi quyết định và hành động đều có một hay nhiều động lực ẩn khuất tác động. Chúng ta cần một không gian và thời gian để xem xét, làm sáng tỏ và thanh luyện các động lực của mình. Có thể thì việc đáp trả lời mời gọi và cam kết theo Chúa mới bền vững trong tin yêu và quảng đại. Công cuộc đào tạo ở Chủng viện, đặc biệt việc đồng hành thiêng liêng và linh hướng sẽ đóng góp vào việc nhận diện và thanh lọc các động lực ấy.

Có những động lực ý thức, như lòng khao khát theo Chúa để phục vụ Chúa và các linh hồn, làm việc tông đồ, có nhiều thời gian hơn để cầu nguyện, v.v... Có những động lực vô thức nhằm tìm kiếm thỏa mãn các nhu cầu đã không được thỏa mãn trong thời niên thiếu, hoặc do ảnh hưởng của người khác can thiệp vào, khao khát cuộc sống được bảo đảm, khao khát được nhận biết, được chú ý, được đón nhận; khao khát được kiện toàn, được chu toàn một lời hứa khi nhỏ, được thoát khỏi nghèo khổ, thoát khỏi đời sống gia đình bất hạnh, tìm kiếm đặc ân, thỏa mãn tham vọng của cha mẹ, v.v... Các động lực ấy chẳng phải là tội, nhưng chúng bộc lộ những thiếu sót làm lệch lạc con đường ơn gọi đích thực cần phải loại bỏ dần dần.

Các ý hướng theo đuổi ơn gọi

Để tăng cường sự phát triển trưởng thành nhân bản và thiêng liêng, chúng ta cần phải trung thực đối mặt gọi tên và loại bỏ hay biến đổi uốn nắn các động lực và ý hướng không thích hợp. Có bốn loại ý hướng:

Ý hướng cam kết cung ứng khả năng đáp lại tiếng Chúa gọi, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần. Đây là ý hướng lý tưởng của người tương đối trưởng thành theo ơn gọi.

Ý hướng phận vụ thường bị giằng co giữa việc tìm kiếm toàn chính mình và sự sẵn sàng dâng hiến bản thân mình. Tính lưỡng diện này tỏ lộ sự thiếu tự do và thiếu trưởng thành, cần một sự phân định cẩn thận.

Ý hướng địa vị tìm thăng tiến bản thân để che lấp sự bất ổn căn bản trong đời sống của mình, hay vì ước muốn và tham vọng của người khác coi đời tu là một thăng tiến xã hội, như hoài bão của cha mẹ họ hàng chẳng hạn (ông bà cố, một người làm quan cả họ được nhờ).

Ý hướng trốn thoát nhằm tìm kiếm sự che chở từ cuộc sống tu trì, muốn tránh những phiền toái rắc rối của đời sống hôn nhân gia đình, dù rằng vẫn chịu sự lôi cuốn. Tính nhập nhằng này có thể được quan sát thấy cách dễ dàng trong thái độ lẫn cách ứng xử.

Người có ý hướng địa vị và trốn thoát thường không có ơn gọi đích thực, bởi vì thiếu trưởng thành nhân cách và sẽ dễ dàng từ bỏ hoặc phản bội sứ vụ căn bản của mình. Chúng ta cần phải ý thức về nhiều nhân tố trong động lực ơn gọi của mình và phân tích những đường lối dẫn thân phục vụ tha nhân, bao gồm cả việc trung thành với lời cam kết của mình. Nhiệm vụ của vị hướng dẫn ơn gọi thật là quan trọng. Người giúp ứng sinh ý thức rõ nhiều động lực đang có mặt và sự xung khắc giữa các động lực ấy để giải quyết chúng. Động lực nào phù hợp với đời tu sẽ được sử dụng để thăng tiến. Động lực nào không phù hợp với đời tu thì phải loại bỏ hay biến đổi. Nếu không thể nào thay đổi được, ứng sinh nên tìm một cuộc sống ở nơi nào khác thì tốt hơn là theo đuổi đời sống hướng tới chức linh mục.

Biết mình để lượng sức

Để sống cao độ sự cam kết này, ứng sinh cần phải tự biết mình. Ở cửa đền Alphê, Socrate cho khắc chữ “*Hãy tự biết mình.*” Còn Thánh Augustinô thì cầu nguyện mỗi ngày “*xin*

cho con biết Chúa, xin cho con biết con.” Tự biết mình là yếu tố rất quan trọng để đạt được trưởng thành. Ứng sinh phải cố gắng hiểu được mình là ai, đang ở đâu trong tiến trình tu luyện, với tất cả những điểm mạnh và những điểm yếu của mình, để không tự tôn bằng sự phòng vệ coi mình là trung tâm điểm hoặc tự ti và quá lệ thuộc vào người khác. Hẳn các nhà đào tạo cũng biết ứng sinh đang ở giai đoạn nào trong tiến trình ấy, để nhấn nạy dẫn dắt, không đốt giai đoạn, kéo dài giai đoạn là đốt cháy cả một đời người.

Trong bước theo Chúa Kitô toàn thể này, sự qui chiếu về Chúa Giêsu phải là tuyệt đối. Dostoevski xác tín: *“Tôi tin rằng không có gì đẹp hơn, không có gì sâu xa hơn, không có gì thiện cảm hơn, không có gì hữu lý hơn, không có gì mạnh mẽ hơn, và không có gì hoàn hảo hơn Chúa Kitô”*.

Còn Thánh Patrice thì nói cách mạnh mẽ: *“Chúa Kitô ở với tôi, Chúa Kitô ở trong tôi, Chúa Kitô ở sau lưng tôi, Chúa Kitô ở trước mặt tôi, Chúa Kitô ở bên cạnh tôi, Chúa Kitô đến nắm tay tôi, Chúa Kitô đến an ủi tôi, Chúa Kitô đến bổ sức cho tôi, Chúa Kitô ở dưới chân tôi, Chúa Kitô ở trên đầu tôi, Chúa Kitô ở trong sự bình tâm, Chúa Kitô ở trong hiểm nguy, Chúa Kitô ở trong trái tim của những người yêu mến tôi. Chúa Kitô ở nơi môi miệng của bạn hữu cũng như của người xa lạ.”*

Đi xa hơn, Thánh Vinh sơn đệ Phaolô khuyên: *“Bạn hãy nhớ rằng chúng ta sống trong Chúa Kitô nhờ cái chết của Chúa Kitô, và chúng ta phải chết trong Chúa Kitô để được sự sống của Chúa Kitô, đời sống chúng ta phải được giấu ẩn trong Chúa Kitô và tràn đầy Chúa Kitô, và để rồi nếu muốn được chết như Chúa Kitô thì phải sống như Chúa Kitô.”*

Còn Thánh Gioan Tiền Hô ước muốn *“Ngài phải lớn lên, còn tôi phải bé đi”*, và Thánh Phaolô xác tín: *“Tôi sống, nhưng không còn là tôi mà là Chúa Kitô sống trong tôi.”* - *“Những gì xưa kia tôi cho là có lợi thì nay vì Đức Kitô tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi so với mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi”*³⁰.

Cầu mong cho mỗi người chúng ta ngày càng cam kết đi theo chính Chúa Kitô toàn thể, và có thể nói được cùng với Thánh Phaolô: *“Ai có thể tách biệt chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Kitô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo?... Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta. “Đúng thế, tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta”*³¹.

Tuy nhiên chúng ta vẫn phải luôn cảnh giác, vì trong thực tế, rất nhiều lần chúng ta đã để một ai đó hay một cái gì đó tách biệt Chúa Giêsu ra khỏi tình yêu và cuộc đời của chúng ta, cho dù không hề có cái gì tách biệt chúng ta ra khỏi tình yêu của Chúa Giêsu: chúng ta có thể nào đi nữa thì Ngài vẫn hằng thương yêu chúng ta, và thương yêu chúng ta cho đến cùng.

4. Bước thứ tư: BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH DẦN DẦN CUỘC SỐNG

Cái gì cũng có thời gian của nó, không dễ gì mà một sớm một chiều đã đạt được mục tiêu. Vì thế tiến trình tu - sửa phải được khởi sự ngay, không chậm trễ, nhưng cần dần dần biến đổi và điều chỉnh cuộc sống mình cho phù hợp với đời sống ơn gọi linh mục. Mỗi người chúng ta đều ý thức rõ nơi mình có nhiều động lực đang có mặt và sự xung khắc giữa các động lực ấy. Chúng ta phải giải quyết chúng: Động lực nào phù hợp với chức linh mục sẽ được vun trồng thăng tiến; động lực nào không phù hợp phải loại bỏ hay biến đổi.

30 x. Pl 3,7-14.

31 Rm 8, 35 - 39.

Về sự dần dần biến đổi, chúng ta liên tưởng đến việc Chúa Giêsu đổi tên cho ông Simon thành Kêpha, nghĩa là Đá Tảng³². Đổi tên là đổi con người, đổi cách sống, cách làm việc, cách suy nghĩ, cách đối xử và yêu thương. Cuộc sống của chúng ta sẽ phải từ từ được biến đổi: từ từ sống khác đi, không còn như cuộc sống đã từng sống trước đây nữa, khi còn là một thanh niên đời thường. Con người trần tục sẽ dần dần chết đi để con người thiêng liêng không ngừng được triển nở và lớn lên trong chúng ta.

Tại căn phòng mà Thánh Phanxicô Khó Khăn đã cởi bỏ y phục đặt dưới chân thân phụ trả lại cho cha, từ bỏ đời sống sang giàu và gia tài mình sẽ được hưởng để hiến thân cho Thiên Chúa, ĐTC Phanxicô kêu gọi mọi thành phần Hội Thánh trút bỏ tinh thần thế tục đang làm hại bản thân, đang tiêu diệt Hội Thánh.³³ Nói như Thánh Phaolô là phải cởi bỏ con người cũ và mặc lấy con người mới, ngày càng trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, đến độ *“tôi sống, nhưng không phải tôi, mà là Chúa Kitô sống trong tôi”*.

Biến đổi là chia cắt với cái đi trước, nghĩa là chúng ta từ bỏ một cách sống, một cách hiểu biết đối với Thiên Chúa, với vũ trụ, với chính mình và với tha nhân, tức là con người trần thế bấy lâu nay của mình. Thánh Phaolô khuyên *“quên hẳn đằng sau, nhắm thẳng phía trước mà chạy tới”*. Mở ra với những gì đang đến, nghĩa là một hiện hữu mới, một ý nghĩa độc đáo và bất ngờ đối với cái đi trước. Như thế, sự trở thành ứng sinh linh mục mở đường vào cuộc sống mới, như là một sự xé rách, một thứ cái chết, nhưng rách để lành, chết để sống; đó là một thứ biến đổi tận căn, một mất một còn trong ý nghĩa một cuộc tái sinh.

Dường như có một đồ vỡ giữa cuộc sống của người thanh niên bình thường và cuộc sống của ứng sinh linh mục. Thật thế, khi chúng ta bước vào đời ứng sinh linh mục, chúng ta dường như không còn sống như một thanh niên bình thường nữa, mà sống như một con người thiêng liêng thuộc về Thiên Chúa, dù vẫn còn có đó con người trần tục trong chính mình. Tính lưỡng diện này vẫn tồn tại lâu dài, có khi suốt cả cuộc đời, trải qua những chiến đấu, dòn mỏng, với thành công và thất bại như Nguyễn Bá Học nói: *“Ai từng chiến thắng mà không hề chiến bại? Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần? Nhưng đây chưa phải trận sau cùng chiến đấu!”* Nhưng người ta thường nói “thất bại là mẹ thành công”: chính từ khi thú nhận thất bại trong việc đánh cá suốt đêm không bắt được con nào, nhưng khi vâng lời Chúa Giêsu mà thả lưới, Phêrô bắt được mẻ cá lạ lùng khiến ông tin tưởng theo Chúa, trở nên vị tông đồ cả của Chúa.

Chúng ta có thể nhìn kinh nghiệm đồ vỡ này qua hình ảnh Abraham vâng lời Thiên Chúa ra đi, cắt đứt mọi mối quan hệ cộng đồng và yêu thương với gia đình, với đồng bào và thiên nhiên, rời bỏ quê hương để đi đến một quê hương mới Thiên Chúa sẽ chỉ cho, trở thành thủ lãnh và cha một dân tộc đông đảo như sao trên trời, như cát ngoài bãi biển của những kẻ tin. Như thế, hành trình theo ơn gọi bề gãy một nền nếp cuộc đời, ghi khắc một đồ vỡ và thay đổi các giá trị vốn có. Sự đoạn tuyệt đó mở ra một cánh cửa khác, hãy tiến lên và sáng tạo chương tiếp theo của cuộc đời, như thánh Phaolô chia sẻ: *“Những gì xưa kia tôi cho là có lợi thì nay vì Đức Kitô tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi so với mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi. Vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi tất cả như rác, để được Đức Kitô và được kết hợp với Người”*³⁴.

Trong hành trình biến đổi và điều chỉnh này, ứng sinh không sợ nói lên kinh nghiệm bản thân với các nhà đào tạo, nhất là với vị linh hướng, để có được sự thanh tẩy cần thiết hầu đi vào hành trình thiêng liêng, hướng tới đời sống linh mục. Muốn thế, cần có sự tín nhiệm lẫn nhau thực sự trong tương quan linh hướng, một tương quan tay ba khép kín giữa Chúa Thánh Thần, người thụ hưởng và vị linh hướng. Điều quan trọng trong hành trình này là có nơi mỗi người một biến cố lịch sử đánh dấu thời khắc trở thành ứng sinh, và thời khắc đó đánh dấu một bước ngoặt

³² Ga 1, 40-42.

³³ Vatican Radio ngày 4/10/2013.

³⁴ Pl 3, 7-9.

đòi đòi trong tất cả công cuộc tìm kiếm và thực thi thánh ý Chúa, như biến cố ngã ngựa của Saolô trên đường Đamas chẳng hạn.

Sự kiện người đi tu xem ra hiện hữu tách biệt với người đời khiến người ta than phiền đi tu là cắt khỏi cuộc sống (xuất thế). Nhưng một cách nào đó đòi tu rồi sẽ trả lại sự chia tách này (nhập thế,, đi làm mục vụ trong thế gian) và sự khác biệt giữa tu và không tu là sống một cách khác hợp với chọn lựa của đời mình: *“Chính anh em xưa kia cũng ăn ở như thế, khi anh em còn sống giữa những người ấy. Nhưng nay, cả anh em nữa, hãy từ bỏ tất cả những cái đó”*³⁵.

Đồ vỡ này đánh dấu sự khởi đầu của cuộc đời, khiến tu và không tu có sự mâu thuẫn được coi như một sự giết chết: giết chết cái chất trần tục trong con người mình, để cuối cùng được sinh ra trong sự thánh thiêng của con người tu *“mặc lấy con người mới đã được Chúa Kitô biến đổi, vì phàm ai ở trong Chúa Kitô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua đi và cái mới đã có đây rồi”* như thánh Phaolô nói³⁶.

Thánh Basiliô Cả biện giải: *“Trước khi bắt đầu đời sống mới, bạn phải chấm dứt đời sống cũ. Cũng như những người đã chạy hết một quãng đường mà muốn quay trở lại phải dừng chân và nghĩ ngợi cách nào đó trước khi chuyển hướng ngược lại, thì trong việc đổi đời cũng vậy, xem ra cần phải chết cách nào đó giữa đời sống trước và đời sống sau, vừa chấm dứt những gì thuộc về trước vừa bắt đầu những gì thuộc về sau”*³⁷.

Trong sự thay đổi đó, tinh thần theo Chúa Kitô phải là chủ đạo: thay đổi con tim, tâm thức, lối sống và cuộc sống. Luật của sự sống và sinh trưởng là thay đổi, và mỗi chặng đường sinh trưởng của con người đều được ghi dấu bằng những thay đổi quyết định, đòi hỏi sự hợp tác giữa được đào tạo và tự đào tạo dưới tác động của Chúa Thánh Thần. Quả thế, ai ai cũng nhận thấy rằng tự thay đổi bản thân thì dễ hơn là thay đổi người khác, đồng thời nên thay đổi trước khi bị bó buộc phải thay đổi, kéo không còn kịp nữa, vì một khi đã bị định kiến rồi thì thật vô phương cứu chữa! Công cuộc đào tạo đích thực phải vượt quá và loại trừ sự định kiến này.

Vậy phải xin ơn cương quyết thay đổi cái có thể thay đổi, can đảm chấp nhận cái không thể thay đổi và ơn khôn ngoan để biết phân biệt cái có thể thay đổi và cái không thể thay đổi (chấp nhận *có tật thì có tài, trâu hay có chúng*). Muốn cho việc hướng tới đời sống mới này thành công, chúng ta phải đặt mình trong tay Chúa, như cây viết chì trong tay nghệ sĩ, vì *“không có Thầy các con chẳng làm được gì hết”*, nhưng *“với Thiên Chúa, mọi sự đều có thể.”*

ĐTC Phanxicô nói đến cái nhìn của Chúa Giêsu làm biến đổi cuộc đời của ông thu thuế Lêvi, và của chúng ta nữa, nếu chúng ta chịu để cho Ngài nhìn chúng ta và được tự do làm công việc của Ngài: *“Khi Chúa Giêsu nhìn Matthêu, cái nhìn đó đã chiếm lấy ông hoàn toàn và đã thay đổi cuộc sống của ông. Cái nhìn của Chúa Giêsu luôn làm cho ta trở nên xứng đáng, trao ban cho ta phẩm giá. Đó là một cái nhìn rộng lượng”*, cho ta lòng can đảm để đi theo Ngài.

Cái nhìn của Chúa Giêsu luôn nâng chúng ta dậy, không bao giờ để ta lại tại chỗ của mình, không bao giờ hạ ta xuống, không bao giờ làm nhục. Nó mời gọi và khích lệ chúng ta đứng dậy, lớn lên, tiến về phía trước. Cái nhìn của Chúa Giêsu làm cho chúng ta cảm thấy rằng Ngài yêu thương chúng ta. Đó là tình yêu mà “những người thu thuế và tội lỗi” như Matthêu đã trải nghiệm: *“Họ cảm thấy rằng Chúa Giêsu đã nhìn họ và cái nhìn của Chúa Giêsu trên họ giống như một hơi thở trên than hồng, và họ cảm thấy như có lửa trong bụng. Chúa Giêsu làm cho họ đứng lên, trả lại cho họ phẩm giá. Ngài biết rõ lòng họ: Bên dưới bùn đất đó có than hồng khao khát Thiên Chúa, muốn được cháy nóng trở lại. Đó là những gì cái nhìn của Chúa Giêsu thực hiện. Chúng ta tiến lên phía trước trong cuộc sống, trong niềm xác tín rằng*

35 Cl 3, 7-8.

36 2 Cr 5,17.

37 Trích Bài đọc 2 Kinh Sách ngày thứ ba Tuần Thánh.

Ngài nhìn chúng ta, chờ đợi chúng ta. Ước gì cái nhìn của Chúa Giêsu trên cuộc đời chúng ta sẽ là mãi mãi, là đời đời”³⁸.

Lượng lấy sức mình

Chúng ta đã theo ơn gọi đến giờ này, các suy nghĩ, hành động, cách sống và cuộc sống của chúng ta có được biến đổi và điều chỉnh phù hợp với đời sống ơn gọi không? Thích làm linh mục là một chuyện, nhưng có phù hợp với đời sống linh mục hay không lại là một chuyện khác. Những điều kiện bên ngoài, những điều kiện tự nhiên (sức khỏe, tính tình, trí khôn, khả năng) và những điều kiện tinh thần và thiêng liêng (tinh thần tự hiến, tinh thần trách nhiệm, tinh thần và đời sống thiêng liêng, tinh thần đức tin, tinh thần cộng tác, tinh thần vâng phục, tinh thần nghèo khó, khả năng sống độc thân thanh khiết, tinh thần phụng vụ, tinh thần mục vụ, tinh thần lao động chân tay và trí óc) của chúng ta có phù hợp với đời sống linh mục không?

Tin tưởng vào lòng thương tha thứ của Chúa

Hãy tin tưởng vào lòng thương xót của Chúa và hãy lạc quan. Đừng quá chú trọng vào làm lỗi, nhưng hãy chú trọng đến bài học từ làm lỗi để rút kinh nghiệm mà không làm lỗi nữa. Chính Chúa Giêsu đã từng nói: *“Tội con đã được tha, hãy về bằng an và từ nay đừng phạm tội nữa.”* Đừng thất vọng về lỗi lầm quá khứ của mình và của anh em. Hãy xem cách xử sự của Chúa Giêsu: Ngài tha thứ, tin tưởng vào sự biến đổi tốt đẹp trong tương lai, Ngài vẫn tin nhiệm trao cho Phêrô trách nhiệm làm đầu Giáo hội và cho Mađalêna làm sứ giả Tin Mừng Phục sinh. Quả thật *“Bản chất của con người là làm lỗi và bản chất của Thiên Chúa là tha thứ. Và tội thì tha, lỗi thì sửa; mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai; lỗi một thời chứ không lỗi suốt đời”*.

ĐTC Phanxicô mô tả Thánh Phêrô là một tội nhân, có nhiều khuyết điểm, nhưng biết tự hạ để được Chúa Kitô dẫn dắt tiến lên phía trước. Ngài mời gọi chúng ta noi gương Thánh Phêrô, bằng cách nhận ra lỗi lầm và mở lòng ra cho Chúa dẫn dắt: *“Chúng ta hãy cầu xin Chúa cho mẫu gương của Thánh Phêrô có thể giúp chúng ta hướng về phía trước. Xin cho điều đó làm cho chúng ta tìm kiếm Chúa và tìm gặp được Chúa, để Chúa tìm thấy chính chúng ta. Chúa luôn luôn ở đó, gần gũi chúng ta, tìm kiếm chúng ta. Nhưng đôi khi chúng ta nhìn theo hướng khác vì chúng ta không muốn nói chuyện với Chúa hoặc không muốn để cho Chúa tìm thấy chúng ta”*³⁹.

Bí tích Giải tội hữu hiệu hóa cuộc đổi đời

Có sự biến đổi nào hữu hiệu và sâu xa cho bằng sự biến đổi của Bí tích Giải Tội? Qua Bí tích Giải tội, ơn Chúa biến tội nhân thành thánh nhân, biến một con người cũ thành một con người mới hoàn toàn, vì Chúa tha thứ và xóa bỏ sạch hết mọi lỗi lầm.

Tính triệt để của Bí tích Giải tội

Trong hoạt động Tòa Trong về mặt tâm lý, Chứng viện có thể gửi ứng sinh đến với một chuyên gia tâm lý. Vị chuyên gia này với các kỹ năng đặc biệt có thể giúp ứng sinh bộc lộ đến tận những tầng sâu kín của cuộc đời mình mà anh không thể nói với cả vị linh hướng của mình. Nhưng để được chữa lành trọn vẹn, vị chuyên gia tâm lý phải gửi trả lại ứng sinh cho hoạt động của Tòa Trong. Điều đó nói lên giá trị và hiệu quả của Bí tích Giải tội. Chúng ta cảm tạ Chúa và Mẹ Hội Thánh về điều này, đồng thời nỗ lực học hiểu và sử dụng cho nên Bí tích này. ĐTC Biển Đức XVI khẳng định: *“bao nhiêu cuộc hoán cải và bao nhiêu cuộc sống thánh thiện thực sự đã bắt đầu từ trong một tòa giải tội!”*⁴⁰

Bản chất con người là làm lỗi, bản chất Thiên Chúa là tha thứ, không có tội gì nặng quá đổi mà Thiên Chúa không thể tha thứ được, nếu ta thực sự ăn năn trở về đón nhận ơn tha thứ của

³⁸ Bài giảng của ĐTC Phanxicô ngày 21/9/2013 tại Nhà Martha, CNA / EWTN News.

³⁹ Xem bài giảng lễ ngày 17/5/2013 tại Nhà trọ thánh Matta.

⁴⁰ ĐTC Biển Đức XVI nói với các tham dự viên khóa học về bí tích giải tội do Tòa Ân Giải Tối Cao tổ chức từ 21/3-11/4/2011 tại Rôma.

Chúa: *tội thì tha lỗi thì sửa, mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai...* Hãy tin tưởng vào sự biến đổi tốt đẹp trong tương lai, nhờ ơn Chúa, với cố gắng bản thân và sự giúp đỡ của kẻ khác⁴¹. ĐTC Phanxicô “*kêu gọi mọi người không bao giờ mất hy vọng và khích lệ linh mục, giám mục hãy ôm lấy các tội nhân và tỏ lòng thương xót họ, vì Thiên Chúa không mệt mỏi để tha thứ*”⁴².

Khi nhắm đến tác dụng hiệu quả của Bí tích Giải tội, ĐTC Biển Đức XVI nhấn mạnh tới sự cần thiết phải mở ra một cuộc “*đối thoại cứu độ*”. Cuộc đối thoại giữa hối nhân và cha giải tội làm cho việc cử hành Bí tích đáp ứng sát sao hơn với mọi tình huống cụ thể của hối nhân, như nhu cầu hòa giải cá nhân và tái nhập vào tình bằng hữu với Chúa; nhu cầu tìm kiếm sự tiến bộ thiêng liêng; cần một sự biến phân thích đáng hơn về ơn gọi; khao khát thoát khỏi tình trạng hồ hững thiêng liêng và khủng hoảng đời tu. Nhờ những đặc tính cá nhân đó, hình thức cử hành này có thể liên kết với việc linh hướng.

Nhưng trong cuộc đối thoại này phải tránh đề cập trực tiếp đến đệ tam nhân; phải rất cẩn thận và tế nhị trong các câu hỏi và trả lời để vừa bảo đảm được tính cách riêng tư của hối nhân, vừa tránh nguy cơ tố cáo người thứ ba. Cuộc đối thoại tế nhị này sẽ giúp làm sáng tỏ các yếu tố cần thiết hầu có biện pháp và lời khuyên thích ứng giúp hối nhân thay đổi lật sang một trang mới của cuộc đời mà trở nên tốt hơn. Chính vị linh mục cũng được khích lệ rất nhiều trong một kinh nghiệm như thế, nhờ đó ngài có khả năng giúp đỡ những người khác cách hữu hiệu. Chúng ta hãy đối xử với linh mục cũng giống như với bác sĩ: chúng ta khai với bác sĩ từng chi tiết triệu chứng bệnh để bác sĩ biết mà chữa tốt hơn cho chúng ta. Chúng ta tin tưởng ở ông, làm theo lời ông dặn dò và sẽ khỏe hơn! Chúng ta cũng nên nhớ rằng ông đã thấy nhiều bệnh nhân có triệu chứng giống chúng ta và ngược lại. Nếu chân thành nói hết với cha giải tội, ngài sẽ chia sẻ với chúng ta, còn nếu giấu diếm thì chúng ta sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm với Chúa và lương tâm mình.

Bí tích Giải tội giúp thay đổi trí não và con tim chúng ta. Chúa luôn đổi mới lời mời gọi của Ngài, xuyên qua Phúc Âm, các dấu chỉ thời đại, các biến cố thăng trầm của cuộc sống mỗi ngày, thì chúng ta cũng phải đổi mới lời đáp trả của mình cho tương xứng. Mọi việc Chúa làm đều mang dấu ấn của thay đổi và qua những thay đổi ấy, chúng ta được tái sinh, được tồn tại, ngày một tích cực hơn, thánh thiện hơn, nhờ giết chết cái chất trần tục quá khứ và lớn lên trong con người tu đích thực: thay đổi con tim, thay đổi tâm thức, thay đổi lối sống và cuộc sống⁴³.

Cuộc sinh tồn của Chim phượng hoàng

Về tính biến đổi triệt để của Bí tích Giải Tội, chúng ta có bài học sinh tồn của loài chim phượng hoàng: Phượng hoàng sống lâu nhất trong các loài chim. Nó có thể sống tới 70 năm. Nhưng để tồn tại, nó phải lấy một quyết định sinh tử vào tuổi 40. Lúc đó, các móng vuốt của nó bị yếu đi, mõm nó mọc dài và cong gần chạm tới ngực, đôi cánh trở nên nặng nề vì những chiếc lông cánh to và dài, rất khó bắt được mồi. Nó phải chọn một trong hai: hoặc chết đói, hoặc phải trải qua một cuộc biến đổi đau đớn. Nó phải bay lên chót vót núi, xây tổ ở đó và nghỉ ngơi trong năm tháng. Bền vững và kiên định, nó phải va mạnh cái mõm vào đá cho đến khi nó rụng đi, và nhẫn nại đợi chờ cái mõm mới mọc ra. Rồi nó sẽ dùng cái mõm mới để gỡ đi các móng vuốt cũ. Và với những chiếc vuốt mới mọc, nó sẽ rũ đi các lông cánh cũ. Năm tháng sau, với những lông cánh mới, mõm và vuốt mới, phượng hoàng sẽ bay trở lại để săn mồi. Nhờ đó nó lấy lại sức mạnh mới cho 30 năm khác nữa.

41 x. 1 Cr 6,11.

42 ĐTC Phanxicô nói trong chuyến viếng thăm mục vụ Hàn Quốc - <http://vietnam.ucanews.com/2014/08/17/thien-chua-khong-bao-gio-met-moi-tha-thu-cho-chung-ta/>

43 x. 2 Cr 5,16.

Dù muốn “không bao giờ đổi thay” với Chúa, đôi khi trong cuộc sống, chúng ta cũng bị “trục trặc” và phải lấy những quyết định khó khăn, “vì cây muốn lặng mà gió không ngừng” hay “dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng”, để “bắt đầu, lại bắt đầu” một hành trình mới trên con đường đã chọn.

Nếu đánh ngã được cái tôi cũ, hãm hờ thu thập những kỹ năng mới, chúng ta sẽ có thể khảo sát được những tài năng chưa được khám phá ở trong chúng ta để lượng sức đi tới hay đổi hướng. Nguyên xin ơn Chúa Thánh Thần làm phát sinh những nghị lực mới để chúng ta tiếp tục hành trình ơn gọi của mình. Quên hẳn đằng sau, cứ nhắm phía trước mà tiến bước một cách tốt đẹp hơn: “*Những ai cậy trông vào Chúa sẽ được thêm sức mạnh, như thể phượng hoàng, họ tung cánh bay, họ chạy hoải mà không mỏi mệt và đi mãi mà chẳng chùn chân*” (Is 40,31).

VỀ MỤC LỤC

Ý NGHĨA CỦA TÊN GỌI VIỆT NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG VĂN HÓA

Nguyễn Đăng Trúc

Reichstett, Pháp

I. Ý nghĩa của tên gọi Việt Nam

Khi nêu lên câu hỏi ý nghĩa tên gọi Việt-Nam, tên gọi của quốc gia chúng ta hôm nay, hẳn nhiên cần phải ghi nhận những sự kiện lịch sử khách quan liên hệ đến việc chọn lựa danh hiệu này. Nhưng, trong khuôn khổ chuyên môn nghiên cứu của tôi, tôi không đủ khả năng để đi sâu vào những chi tiết có tính cách thuần lịch sử. Thật đáng tiếc!

Tuy nhiên, khi nghiên cứu về văn hóa Việt-nam, tôi có đọc được một bản văn mà tôi đánh giá là có giá trị văn hiến làm nền cho tư tưởng truyền thống dân tộc - *Truyện Họ Hồng Bàng* trong tác phẩm *Lĩnh Nam Chích Quái* do Vũ Quỳnh hiệu chính và xuất bản vào mùa thu năm 1492 -, và truy tìm được *nghĩa* của hai từ *Việt* và *Nam* trong khuôn khổ văn hóa tư tưởng mà bản văn này muốn chuyển tải.

Trong truyện Họ Hồng Bàng này, câu kết tóm gọn như sau :

Bách-Nam là thủy-tổ của Bách-Việt vậy .

Muốn hiểu hai chữ **Nam** và **Việt** trong câu này, dĩ nhiên chúng ta cần đọc nguyên bản văn để nắm bắt được lý do tại sao hai chữ ấy có thể thu tóm ý nền tảng tư tưởng mà « *bản văn Sáng Thế* » ấy muốn chuyển đạt.

(Tôi đã cố gắng minh giải bản văn trên đây trong chương III cuốn *Văn Hiến, Nền Tảng Của Minh Triết* do Định Hướng xb. năm 1997. Để trình bày tiếp câu hỏi về ý nghĩa tên Việt Nam ở đây, tôi chỉ gói gọn ý kiến của mình trong khuôn khổ bản văn *truyện Họ Hồng Bàng* trong cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái* do Vũ Quỳnh hiệu chính.)

a/ Bối cảnh chung

- Chúng ta xác định được là hai chữ *Việt* và *Nam* đã được nhắc đến trong tác phẩm *Lĩnh Nam Chích Quái* do Vũ Quỳnh hiệu chính năm 1492.

- Hai chữ ấy được nêu lên cô đọng toàn ý nghĩa truyện *Họ Hồng Bàng*. Truyện này lại là truyện đầu cuốn sách : nó vừa trình bày nội dung tổng quát của sách (*các truyện tiếp theo chỉ là phần khai triển chương này*), vừa nói lên một nội dung duy nhất và nền tảng cho văn hóa đó là VẤN ĐỀ Ý NGHĨA CỦA NHÂN TÍNH. Trong bối cảnh văn chương đặc loại như thế, chữ VIỆT và NAM phải được hiểu trong khuôn khổ của vấn nạn duy nhất ấy.

- Hai sự kiện khác nữa cần lưu ý nữa đó là lối hành văn đặc biệt của các bản văn văn hóa cổ nói chung và đặc biệt của cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái* :

- Một là lối nói thi ca và tượng trưng : các chữ dùng chỉ nhằm nói đến *một nội dung duy nhất là con người* và những yếu tố hình thành, những chiều kích sinh hoạt của nó ; nhưng nội dung đặc lại này được diễn tả qua những hình ảnh của những vật thể khác trong vũ trụ. Riêng đối với cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*, phần lớn các tên gọi lại là hán việt ; do đó không những phải lưu ý âm hưởng thi ca của tên gọi, mà còn cần lưu ý âm hưởng thi ca của tên gọi đó trong bối cảnh của văn hóa Á Đông nữa.

- Riêng đối với câu hỏi của chúng ta về *ý nghĩa* tên Việt Nam, thì vấn đề lại khó khăn hơn. Chữ *ý nghĩa*, tiếng Pháp là *signification* hàm ngụ sự hiểu biết của trí khôn con người khi đo lường một sự vật. Nó thuộc lãnh vực lý thuyết khách quan. Trái lại, *nghĩa* của hai chữ *Việt Nam* mà tác giả Vũ Quỳnh nêu lên trong khuôn khổ cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái* không phải là *ý nghĩa* của một vật thể mà các bộ môn khoa học ngày nay truy tìm. *Nghĩa* của hai chữ *Việt Nam* phải được hiểu là *phân vụ phải chu toàn*, như khi ta nói *nghĩa làm người* hoặc là *đạo làm người*. Chữ *nghĩa* này chỉ áp dụng cho *vấn nạn về con người* : trong ngôn ngữ dân gian, chúng ta thường nói *nghĩa vợ*

chồng, *nghĩa* làm con hay *đạo* làm chồng, *đạo* làm con..... chẳng hạn. Liên quan đến *nghĩa* của nội dung cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*, tác giả là Vũ Quỳnh đã viết rõ như thế này trong lời tựa :

Than-ôi! Lĩnh-Nam có nhiều kỳ-trọng, các truyện làm ra không cần phải chạm vào đá, khắc vào ván mà rõ-ràng ở lòng người, bia truyền ở miệng người, ông già, con trẻ thấy đều thông-suốt, đem lòng ái-mộ, khuyên răn nhau, thời việc có hệ ở cương-thường, quan ở phong-tục, há có phải ít bổ-ích đâu?

b/ Chữ Nam trong bản văn cuốn Lĩnh Nam Chích Quái

(Trích bản văn)

Đế-Minh lập Đế-Nghi làm tự-quân cai-trị phương Bắc, phong Lộc-Tục làm Kinh-Dương-Vương cai-trị phương Nam, đặt quốc-hiệu là Xích-Quỉ-Quốc.

Kinh-Dương-Vương xuống Thủy-phủ, cưới con gái vua Động-Đình là Long-Nữ, sinh ra Sùng-Lãm tức là Lạc-Long-Quân; Lạc-Long-Quân thay cha để trị nước, còn Kinh-Dương-Vương thì không biết đi đâu.

(...)

Đế-Nghi truyền ngôi cho Đế-Lai cai trị phương Bắc; nhân khi thiên-hạ vô-sự, sực nhớ đến chuyện ông nội là Đế-Minh nam-tuần gặp được tiên-nữ. Đế-Lai bèn khiến Xi-Vưu tác-chủ quốc-sự mà nam-tuần qua nước Xích-Quỉ, thấy Long-Quân đã về Thủy-phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thê là Âu-Cơ cùng với bộ-chúng thị-thiếp ở lại hành-tại. Đế-Lai chu-lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình-thế, trông thấy kỳ-hoa dị-thảo, trân-cầm dị-thú, tề-tượng, đồi-mỏi, kim-ngân, châu-ngọc, hồ-tiêu, nhũ-hương, trầm-đàn, các loại sơn-hào hải-vị không thứ nào là không có; khí-hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế-Lai ái-mộ quá, quên cả ngày về.

(...)

Lạc-Long-Quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu-Cơ ở một mình, dung-mạo đẹp lạ-lùng, yêu quá, mới hóa ra một chàng nhi-lang phong-tư mỹ-lệ, tả-hữu thị-tùng đông-đảo, tiếng đàn ca vang đến hành-tại. Âu-Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long-Quân bèn rước nàng về núi Long-Trang.

(...)

Âu-Cơ ở với Lạc-Long-Quân giáp một năm, sinh ra bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai; nàng đem về nuôi-nấng, không phải cho ăn, cho bú mà tự-nhiên trường-đại, trí-dũng song-toàn, ai cũng úy-phục, bảo nhau đó là những anh em phi-thường.

Qua đoạn văn trích dẫn, chúng ta có được một trực giác về ý nghĩa nhân tính của *Bách Nam*, những con người nguyên thủy được tạo dựng trong ánh sáng của chân lý : **Bách Nam sinh ra từ 100 trứng, là hoa trái của tương giao giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ (Trời và Người)**. *Bách Nam* vượt lên trên muôn sinh vật của vũ trụ (*linh ưu vạn vật*) : *không phải cho ăn,*

cho bú mà tự-nhiên trường-đại, trí-dũng song-toàn, ai cũng úy-phục, bảo nhau đó là những anh em phi-thường.

Nam đối nghịch với với Bắc. Đối với người ở vùng bắc bán cầu như chúng ta, Nam tượng trưng vùng đất có mặt trời ban sự sống và ánh sáng. Bắc tượng trưng cho bóng tối và cõi chết (*nơi cư ngụ của Đế Lai, kẻ thù của Lạc Long Quân*).

Phương Nam là nước *Xích Quỷ*, là cộng đồng của giống thần thiêng : từ hán-việt *Xích* có nghĩa là hơi ẩm của mặt trời; từ *Quỷ* không phải là quỷ ma (*satan, diable*) như ta hiểu ngày nay, nhưng là giống thần thiêng (*có thể dịch qua pháp ngữ là esprit*)

Phương Nam là quê của Sùng Lãm ((*Sùng là cao trọng đáng tôn kính bên trong, Lãm là đẹp để xuất hiện ra bên ngoài*), của Lạc-Long-Quân (*Lạc : gọi lên hạnh phúc viên mãn (= Mỹ), Long : nguồn gốc thần thánh (= Chân), Quân : điều hành công minh, xử lý tốt lành cuộc sống (= Thiện)*).

Nơi phương Nam, Âu Cơ (*Âu là nhớ nhung Ai; Cơ là lo toan việc này việc kia; Âu Cơ tượng trưng cho hiện sinh con người*) là con người trước đây từng bị Đế Lai (*tượng trưng cho chấp ngã, dục vọng của quyền lực cá nhân, ham mê của cải vật chất ...*) khống chế, nay được Lạc Long Quân (*tượng trưng cho chiều kích Trời hay Thần, hoặc là Chân Thiện Mỹ*) đưa vào cùng chung sống nơi quê hương Thần Thánh (*Long Trang*)......

Nơi phương Nam, con người được khai sinh bởi mối tương giao giữa Âu-Cơ và Lạc-Long-Quân ; từ mối tương giao nguyên thủy và nền tảng đó con người nối kết với con người trong mối tình huynh đệ.

Qua những hình ảnh tượng trưng dồn dập nói đến lý lịch thần thiêng của con người, *Nam* trong hai chữ Bách Nam ở câu kết của bản văn là nói đến chiều kích LINH THIÊNG của nhân tính ban cho mọi người, không loại trừ một ai.

(Ở đoạn văn này cũng như ở phần sau (*trừ câu kết*), chữ VIỆT không minh nhiên viết ra thành văn. Nhưng trong ngôn ngữ hán-việt, VIỆT có nghĩa là vượt qua, vươn lên, đưa lên cao ..., do đó, một khi Bách Nam là con người *được Thần (Lạc Long Quân)* nâng lên hàng linh thiêng, *được* giải thoát khỏi bóng tối và sự chết (*giải thoát khỏi gông cùm của Đế Lai*) thì Bách Nam ấy cũng hàm ngụ là Bách Việt.)

c/ Chữ Việt trong bản văn cuốn Lĩnh Nam Chích Quái

Nếu con người từ nguyên thủy [*từ lý lịch căn nguyên= nhân chi sơ = con người ở vườn địa đàng (x. Sách Sáng Thế của Do-thái giáo và Kitô giáo)*] là Bách Nam, thì thực tại hay hiện sinh con người là một thân thể *tranh tối tranh sáng*. Một mặt vì Thần (*Lạc Long Quân*) mà con người phải nối kết luôn ẩn mặt, luôn là KẼ KHÁC (*không ai thấy Thần, Thần vô phương*), mặt khác con người mang *gánh nặng kinh hoàng của tự do* và luôn bị bóng tối và sự chết (*Đế Lai, phương Bắc*) kèm hãm.

Bản văn viết :

Long-Quân ở lâu dưới Thủy-phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc-quốc liền đi lên biên-cảnh; Hoàng-Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân-binh trấn-ngự quan-tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long-Quân:

• **Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ.**

Long-Quân hốt-nhiên lại đến, gặp hai mẹ con ở Tương-Dạ; Âu-Cơ nói :

- Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được một trăm trai mà không có gì cúc-duỡng, xin cùng theo nhau chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vò-vố.

Long-Quân bảo :

- Ta là loài rồng, sinh-trưởng ở thủy-tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm-dương hợp lại mà có con nhưng phương-viên bất-đồng, thủy-hỏa tương-khắc, khó mà ở cùng nhau trường-cửu. Bây giờ phải ly-biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy-phủ phân-trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai-trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

Thủy-phủ ở đây là hình ảnh của cảnh vực bên kia bờ, là chiều kích siêu nhiên vượt lên trên thời gian không gian làm khung cho sự hiểu biết của con người. Khi nói Long-Quân ở lâu dưới Thủy-phủ có nghĩa là nói đến Thần vô phương, Thần Linh vượt lên trên trật tự mà sức con người có thể đo lường, khai phá. Nói cánh khác, con người thực tế trước mắt (hiện sinh), tuy mang ấn tích thần thánh trong mình, nhưng đang bị ràng buộc bởi thân phận đang gặp nguy cơ : chiều kích linh thiêng, mở ra với AI KHÁC thì ẩn kín, tưởng như xa vời (mẹ con ở một mình), trong lúc dục vọng chỉ tìm mình, chỉ biết mình và tham lam vật này vật khác (nhớ về Bắc-quốc) thì rình rập không ngơi.

Nếu ở phần đầu, Bách Việt có nghĩa là con người được Kẻ Khác ban phần linh thiêng vượt lên trên mọi sinh vật trong trời đất, hoặc con người được Thần nâng lên hàng thần thánh, thì về phần mình, trong thực tại làm người của bất cứ ai, phận vụ hoàn thành nhân tính của mỗi người (hoặc NGHĨA làm con người) lại là luôn nhớ Long-Quân và thân thể nguyên sơ của mình ở phương Nam. Nỗi nhớ này là ấn tích nguyên sơ, là Đại Ký Ức (ở bên trên mọi ký ức bình thường) làm nên nguồn suối sâu kín trong tâm con người . Nỗi nhớ ấy là Nền Cao Cả ở trong Tâm (Hoàng Đế) vừa có sức can ngăn con người không cho nó rơi vào sự ác (phương Bắc, Đế Lai), vừa nhắc con người nhớ Lạc-Long- Quân nơi phương Nam ẩn kín.

Đi vào Đại Ký Ức để vượt lên thân phận bị trói buộc bởi phương Bắc, bởi Đế Lai (vốn là chính dục vọng chấp ngã, chỉ biết mình, phe mình, có nhiều vật cho mình) để tìm về Thủy- tổ phương Nam, nơi con người được nâng lên địa vị thần linh, được mở ra với Ai Khác và nối kết với kẻ khác, nhìn nhận và yêu thương mọi người (không phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ, nam nữ, trẻ già) trong tương giao huynh đệ cùng chung mẹ Âu Cơ, cùng được khai sinh do tình yêu không điều kiện đến từ Cha Lạc Long Quân.

Như thế, nghĩa làm người là chiến đấu vượt lên tất cả sự ác để đi về ánh sáng của yêu thương và chân lý; nói cánh khác con người trong thực tại hiện sinh đúng nghĩa là Bách Việt.

Một khi ánh sáng và nguồn suối khai nguyên con người là phương Nam, một khi con người ban sơ, nguyên thủy là Bách Nam (người sinh ra và cư ngụ ở phương Nam này), thì Bách Việt

(con người tại thế đang vươn mình tìm về nguồn ánh sáng khai nguyên) phải nhận ra Bách Nam chính là thủy tổ của mình.

Bách-Nam là thủy-tổ của Bách-Việt vậy.

Khi cảm ứng được *nghĩa* làm người như thế, con người nhận ra mình thuộc một giống tộc Lớn, Cao cả (*Hồng*), ôm trọn được mọi người (*Bàng*) : con người đó thuộc họ *Hồng Bàng*.

Theo Vũ Quỳnh, *nghĩa* của hai từ *Nam* và *Việt* như thế đã được tổ tiên cảm nhận từ nơi thâm cung tấm lòng của mỗi người (*không cần phải chạm vào đá, khắc vào ván mà rõ-ràng ở lòng người = Đạo Tâm*) và phải được chuyển đạt cho con cháu.

Xuyên qua huyền thoại họ *Hồng Bàng*, con cháu nên tiếp nhận *nghĩa* này như Văn Hiến hay Cương Thường dẫn lối cho cuộc sống :

Ông già, con trẻ thấy đều thông-suốt, đem lòng ái-mộ, khuyên răn nhau, thời việc có hệ ở cương-thường, quan ở phong-tục, há có phải ít bổ-ích đâu ?

II. Định hướng sinh hoạt văn hóa trong bối cảnh của lịch sử dân tộc Việt Nam

Trước phát biểu về *định hướng cho sinh hoạt văn hóa*, tôi xin dừng lại một chút để nói đến *tiền kiến tiêu cực* về nội dung cụm từ thường được nhắc đi nhắc lại trong thời gian gần đây, đó là « văn hóa dân tộc VN ». Tôi gọi là *tiền kiến* vì nhiều người nêu lên nội dung này làm như văn hóa dân tộc VN chỉ là một thực thể thuần khiết, lý tưởng, bất biến, có từ muôn đời, ở bên ngoài thời gian và không gian.

Kỳ thực « văn hóa dân tộc VN » có một cấu trúc gồm hai phần gắn liền với nhau.

Một mặt nó xây dựng trên nền tảng bất biến là Chân Thiện Mỹ (qua hình ảnh Lạc Long Quân) làm nên cấu trúc căn nguyên của nhân tính vốn không do lịch sử và bàn tay con người làm ra và quyết định; chính nền tảng đó là hồn sống, là cương thường (như Vũ Quỳnh đã nhắc đến trong lời tựa cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*) cho sinh hoạt của bất cứ cộng đồng nào cộng đồng nào của nhân loại, trong đó cộng đồng dân tộc VN. Chính vì xác tín được cương thường chung của toàn nhân loại (một nhân tính chung cho mọi người bất cứ ở đâu và bất cứ thời đại nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào) mà mỗi nền văn hóa, trong đó có « văn hóa dân tộc VN », không những biện minh cho TÍNH văn hóa của mình, mà còn có thể nhìn nhận, tiếp thu, trao đổi, hội nhập giá trị của các nền văn hóa của nhân loại.

Nhưng mặt khác, cũng như bất kỳ một nền văn hóa nào, « văn hóa dân tộc VN » phải được khai sinh và còn phải được triển nở, trước hết qua lịch sử của cộng đồng với những tài năng, sáng kiến và công trình cá biệt, tiếp đến là qua những dòng trao đổi, hội nhập sinh động và liên tục với các nền văn hóa khác.

Như vậy, nói theo ngôn ngữ kinh điển, chính hai yếu bất khả phân ly - phần *thể* (nền tảng nhân tính chung) và phần *dụng* (sinh hoạt cộng đồng xuyên qua lịch sử) - làm nên căn tính của một nền văn hóa.

Nhưng cần lưu ý rằng lịch sử thì luôn sinh động và đang và sẽ diễn tiến. Do đó khó mà nói rằng một vài tập tục hay hình thức biểu lộ nào đó trong một thời kỳ quá khứ nhất định lại là khuôn vàng thước ngọc cho văn hóa dân tộc. Trong « văn hóa dân tộc VN » có thể có những sinh hoạt thời trống đồng, thời cha ông mang khăn đóng áo dài...nhưng những hình thức đó không thiết định được bản sắc cho toàn bộ văn hóa dân tộc VN.

[Trong một kỳ Đại Học Hè Hải Ngoại dành cho chuyên viên và sinh viên trong thập niên 90, do Trung Tâm Nguyễn-Trường-Tộ tổ chức, khi nói đến phương cách biểu lộ « văn hóa dân tộc VN », nhiều thành viên tham dự nhắc đến lối y phục khăn đóng áo dài. Một giáo sư nói đùa một cách ý nhị: Tại sao không đề nghị lối y phục mang khổ vào thời « HùngVương » ! Không phải làm như thế sẽ vừa xa xưa vừa chưa pha chế với Tây Tàu hay sao ?

Đây, tuy chỉ là câu nói quá đáng, trên một bình diện nào đó, nhưng giúp người nghe ý thức được căn tính thật sự của « văn hóa dân tộc VN », vốn vượt lên bên trên và bên ngoài những biểu lộ giới hạn như thế.]

Để dẫn chứng về việc định nghĩa cấu trúc *văn hóa* nói chung của một cộng đồng nào bất kỳ (trong đó có cộng đồng người Việt chúng ta) mà tôi đã sơ phác như trên, tôi xin đưa ra ba đoạn văn của các tác giả VN đã mặc nhiên đề cập đến văn hóa, những tác giả mà cộng đồng người Việt chúng ta xem là đáng tin cậy trong lãnh vực này :

- Bản văn Họ Hồng Bàng trong *Lĩnh Nam Chích Quái* của Vũ Quỳnh (thế kỷ 15-16) ;
- Truyện Kiều của Nguyễn Du ;
- Phạm lệ cuốn *Khổng Học Đăng* của Phan Bội Châu (thế kỷ 20).

• Bản văn Truyện Họ Hồng Bàng của *Lĩnh Nam Chích Quái* được chia làm hai phần : Phần *thể* và *phần dụng*.

Phần *thể* ở phần đầu, được viết xuyên qua những hình ảnh của huyền thoại, nhằm gợi lên những cấu trúc siêu nhiên ghi sâu trong lòng người, vượt thời gian, không gian, làm *nền cho nhân tính*. Vũ Quỳnh gọi tên phần thể này là CƯƠNG THƯỜNG ; trong bài tựa cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*, tác giả viết :

*Than-ôi! Lĩnh-Nam có nhiều kỳ-trọng, các truyện làm ra không cần phải chạm vào đá, khắc vào ván mà **rõ-ràng ở lòng người**, bia truyền ở miệng người, ông già, con trẻ thấy đều thông-suốt, đem lòng ái-mộ, khuyên răn nhau, thời việc có **hệ ở cương-thường**, quan ở phong-tục, há có phải ít bổ-ích đâu?*

Phần thứ hai là phần *dụng* với những tên gọi có nét lịch sử và địa lý nhất định, những phong tục tập quán cá biệt của một cộng đồng dân tộc.

Văn hóa được mặc nhiên định nghĩa như là một sự nối kết bất phân ly giữa *thể* và *dụng*, *trời* và *đất* :

*Bây giờ phải ly-biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy-phủ phân-trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai-trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì **cùng nghe, không được bỏ nhau**.* (Trích Truyện Họ Hồng Bàng của Lĩnh Nam Chích Quái)

Cũng nơi bản văn này, bản văn mà tôi đánh giá như là một « Sách Sáng Thế » của văn hóa VN, chúng ta chứng kiến trước hết trực giác của tổ tiên về nền tảng về nhân tính, tiếp đó là tài năng sáng tác độc đáo về mặt văn chương với những cảm xúc tâm lý, những hình ảnh liên hệ đến khung cảnh địa lý, sinh hoạt kinh tế xã hội... . Nhưng bên cạnh đó, bản văn có vô số những hình ảnh, điển tích của hai nền văn hóa lớn trong vùng (văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa). Một cách mặc nhiên, tác giả Vũ Quỳnh cho rằng việc « hội nhập » này không phi bác bất cứ điểm nào về bản sắc « văn hóa dân tộc VN » của bản văn, trái lại nó phản ánh tinh thần vô chấp và khai phóng của nền văn hóa chúng ta. Thực vậy, Trong truyện *Bạch Trĩ* của cùng cuốn sách này, Vũ Quỳnh ghi lại cuộc đối thoại có tính cách huyền thoại và tượng trưng giữa Chu Công (là vị thầy của Khổng Tử) với sứ giả nước ta, để biện minh cho giá trị « văn hóa dân tộc VN » của cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái* :

Chu-Công hỏi :

- Vì sao mà đến đây ?

Sứ-giả thưa :

• *Trời không gió lớn mưa dầm, biển không nổi sóng nay đã ba năm, ngỡ là Trung-quốc **có thánh-nhân** nên mới sang đây.* (Trích Truyện Bạch Trĩ của Lĩnh Nam Chích Quái)

Thánh nhân, con người đặc biệt đó là *người chu toàn nghĩa làm người* vốn vượt biên giới chủng tộc, lịch sử...

Đến *gặp gỡ thánh nhân* ở phương bắc, phương đông hay phương tây..., *thánh nhân* thời xưa hay thời bây giờ... học hỏi, hội nhập và thực thi các giá trị cao cả làm cho con người thành *thánh*, đó không phải là nhìn nhận niềm tin vào nền tảng cao siêu và bất biến của nhân tính của bất cứ ai là người hay sao? Đó không phải là xác tín mối tương giao nhân loại và tinh thần liên đới, đồng trách nhiệm cùng nhau hoàn thành nhân tính hay sao ? Đó không phải là thực thi đạo lý căn nguyên « *tứ hải giai huynh đệ*, trăm con trên trái đất này cùng sinh ra từ một bào thai chung » hay sao ?

• Nguyễn Du là một nhà văn hóa dân tộc, khi truyện Kiều của thi hào đã dấy lên nơi tâm thức của người Việt qua nhiều thế hệ một nguồn *cảm hứng thi ca*. Nhưng phải chăng truyện Kiều ấy được tiếp nhận là một gia sản văn hóa dân tộc chỉ vì nó phản ánh tài *làm thơ* mô tả sâu sắc cảnh tình cảm nam nữ lứa đôi, hoặc tài *viết truyện* ghi lại đầy đủ những sinh hoạt kinh tế, xã hội của cộng đồng người Việt vào đầu thế kỷ 19 ? Hoặc phải chăng vì truyện Kiều của Nguyễn Du chỉ là một bản phỏng dịch từ một truyện Tàu qua tiếng Việt mà nay cần xét lại giá trị văn hóa và *bản sắc dân tộc* của bản văn ? Cách này hay cách khác, không thiếu những nhà phê bình văn học đã đánh giá truyện Kiều của Nguyễn Du xuyên qua những chuẩn mực đại loại như thế.

Nhưng bên trên và bên ngoài những khen chê của các trào lưu văn học, đặc biệt trong thế kỷ 20 và những năm tháng gần đây, lời thơ của truyện Kiều luôn là nguồn cảm hứng của bất cứ tầng lớp nào trong cộng đồng người Việt : là lời ru con, là châm ngôn

trong câu truyện hằng ngày, cũng là dấu tích lời thần thánh để bói toán, hoặc là lời diễn đạt minh triết... Như thế, sự kiện cộng đồng người Việt tiếp nhận truyện Kiều của Nguyễn Du như là một gia sản văn hóa không phải vì, xuyên qua bản văn ấy, cộng đồng người Việt tiếp cận được Đại Ký Ưc của dân tộc mình, luôn nhớ cương thường làm nên cuộc sống văn hóa của mình và cố gắng áp dụng vào bất cứ sinh hoạt nào của mình hay sao? Không phải Kiều của Nguyễn Du cũng như Âu Cơ của Vũ Quỳnh đã cứu mang được Đại Ký Ưc của dân tộc, đã trực giác được nghĩa của cuộc sống làm người (*trăm năm trong cõi người ta*), vừa bị trói buộc của Tài (kiếp hồng nhan = nghiệp phải bị ràng buộc với Đế Lai qua hình ảnh Sở Khanh, Thúc Sinh, Từ Hải), vừa áp ủ hy vọng cứu độ của Mệnh (lắng nghe lời Đạm Tiên, gắn bó với Giác Duyên = tương giao gắn bó với Lạc Long Quân, hoặc đêm ngày *NHỚ* Long Quân) hay sao ? Không phải chính vì **trực giác và diễn tả được nghĩa của nhân tính của mọi người trong mọi thời đại** như thế mà nhà văn hóa của dân tộc Việt Nam Nguyễn Du cũng được các dân tộc khác trên thế giới chân nhận là *nhà văn hóa*, là *người hiền* của nhân loại hay sao ?

- Trong phạm lữ giới thiệu về cuốn *Khổng Học Đẳng*, Sào Nam Phan Bội Châu viết:

*"Cái danh từ **học cũ** chẳng phải là cái đồ để đánh cắp áo mũ cân đai đâu? Cái danh từ **học mới** chẳng phải là cái mồi để hốt gặt mè dầy kim-khánh đâu...!"*

*Hễ ai đọc bản sách này, trước phải lập định một cái chí khí tự nhiên rằng: "Ta là Khổng Tử, ta là Mạnh Tử, ta là Bá Lạp Đồ (Platon), ta là Khang Đức (Emmanuel Kant), chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có đông tây, mà tâm lý in như nhau, **thánh hiền** tức là ta, ta tức là thánh hiền; ta chỉ là người hậu tiến của cổ nhân mà thôi. Có chí khí ấy thời đọc quyển sách này mới thích.*

Nếu ai chưa đọc sách này mà trước đã có một ý kiến sẵn: định làm nô lệ cho người đời xưa, hay định làm nô lệ cho người đời nay thời xin chớ đọc.

(...)

*Mục đích người làm bản sách này là cốt phù trì nhân đạo; nếu ai không để lòng vào **nhân đạo** thời xin chớ đọc".*

Cũng như Vũ Quỳnh và Nguyễn Du, Phan Bội Châu chân nhận nền tảng văn hóa là **nhân đạo**, là *cương thường* hay *thể* chung cho mọi người, mọi nơi mọi lúc ; nhưng *nhân đạo* đó được khai sinh, được diễn tả, được thực thi do những con người, những cộng đồng khác nhau trong những thời đại khác nhau; cũng vì thế nhìn bên ngoài (qua cách diễn tả và qua lịch sử) lại có những nền văn hóa khác nhau, những **học cũ, học mới**.

Cũng như Vũ Quỳnh và Nguyễn Du, Phan Bội Châu cho rằng tinh hoa của văn hóa được cứu mang bởi hình ảnh của *thánh hiền* là di sản chung của nhân loại : *thánh hiền tức là ta, ta tức là thánh hiền*, vì đằng sau những **học cũ, học mới** của các vị là **nhân đạo** chung của mọi người trong đó có ta.

Nhưng truyền thống dân tộc gắn liền nội dung của sinh hoạt văn hóa với *thánh nhân, thánh hiền, đạo làm người* đã hút hơi kể từ những đổi thay của xã hội Việt Nam vào giữa tiền bán thế kỷ 20. Cuộc tranh cãi về *học cũ - học mới* như Phan-Bội-Châu đã nói đến, những nghiên cứu rất có giá trị về cổ học và nhân chủng học ... của Trường Viễn Đông Bác Cổ, những trào lưu canh tân xã hội v.v., tất cả vốn là những sinh hoạt bên ngoài của văn hóa, đã bị đồng hóa là

toàn bộ sinh hoạt văn hóa. Từ đó, TÍNH hay *hồn* của văn hóa như bị lãng quên. Trước hiện tượng đứt đoạn đó của truyền thống văn hóa dân tộc, Phan-Bội-Châu đã mạnh mẽ lên tiếng cảnh giác như ta đọc thấy trong mấy hàng trích từ *Phạm Lệ* cuốn *Khổng Học Đăng* ; tác giả Lê-Văn-Siêu trong cuốn *Việt Nam Văn Minh Sử Cương* còn nói rõ hơn : “*chỉ lưu ý tới phần xác của nó lắm khi khô khan và trơ trẽn*”. Trong một bối cảnh như thế, cuốn *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* của Đào-Duy-Anh được cho xuất bản. Ngay chương đầu, tác giả đi ngay vào định nghĩa thế nào là văn hóa. Tôi nhắc đến cuốn sách này và định nghĩa này về văn hóa vì các tác giả nghiên cứu sinh hoạt văn học Việt Nam từ gần một thế kỷ qua thường trích dẫn chúng như một tài liệu cổ điển có giá trị đối chiếu.

Cuốn sách xuất bản sau cuốn *Khổng Học Đăng* của Phan-Bội-Châu chưa đến mười năm, nhưng nội dung định nghĩa văn hóa của đôi đường hoàn toàn cách biệt.

Theo Đào-Duy-Anh:

*Người ta cho rằng văn hóa chỉ là những học thuật tư tưởng của loài người, nhân thế mà xem văn hóa có tính chất cao thượng đặc biệt. Thực ra không phải như vậy. Học thuật tư tưởng cổ nhiên là ở trong phạm vi của văn hóa nhưng phạm sự sinh hoạt về kinh tế, về chính trị, về xã hội cùng hết thảy các phong tục tập quán tầm thường lại không phải là ở trong phạm vi văn hóa hay sao? Hai tiếng văn hóa chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người cho nên ta có thể nói rằng : **Văn hóa tức là sinh hoạt.***

Văn hóa đã tức là sinh hoạt thì không kể là dân tộc văn minh hay dã man đều có văn hóa riêng của mình, chỉ khác nhau về trình độ cao thấp mà thôi. Ví dụ văn hóa của các dân tộc Âu Mỹ thì cao, mà văn hóa của các dân tộc mọi rợ Phi châu, Úc châu cùng các giống người Mùong, Mán Mọi ở nước ta thì thấp.

Vì lẽ gì văn hóa của các dân tộc khác nhau như thế? Vì rằng các sinh hoạt của các dân tộc không giống nhau. Chính vì những điều kiện tự nhiên về địa lý khiến mỗi dân tộc sinh hoạt ở trên cơ sở kinh tế khác nhau, cho nên cách sinh hoạt cũng thành khác nhau vậy. Bởi thế muốn nghiên cứu văn hóa của một dân tộc, trước hết phải xét xem dân tộc ấy sinh trưởng ở trong những điều kiện địa lý thế nào.

Các điều kiện địa lý có ảnh hưởng lớn đối với cách sinh hoạt của người ta, song người là giống hoạt động cho nên trở lại cũng có thể dùng sức mình mà xử trí và biến chuyển những điều kiện ấy cho thích với những điều cần thiết của mình. Cách sinh hoạt vì thế mà cũng biến chuyển và khiến văn hóa cũng biến chuyển theo (...)

Trước hết Đào-Duy-Anh có công khi phân biệt một hình thái sinh hoạt văn hóa là học thuật tư tưởng với nội dung văn hóa nói chung. Trong quan điểm hời hợt của quần chúng, nhất là vào một thời có tranh cãi về *học cũ- học mới* để có thêm kiến thức làm việc này việc nọ, nhất là để làm quan, làm giàu như Phan-Bội-Châu từng nêu lên, thì việc phân biệt như thế rất có giá trị.

Nhưng theo truyền thống văn hóa của cộng đồng người Việt mà Vũ Quỳnh, Nguyễn Du, Phan Bội Châu trước đó phản ánh, một truyền thống chân nhận *thánh nhân, thánh hiền* là nguyên tượng của văn hóa, thì đâu có hiện tượng xếp văn hóa trong khuôn khổ giới hạn của

học thuật tư tưởng. Không phải Vũ Quỳnh từng định nghĩa văn hiến là cương thường phát xuất từ tâm con người làm giềng mối cho bất cứ sinh hoạt nào của cuộc sống con người hay sao ? Trong tâm thức người Việt Nam, ngữ nghĩa của từ *thánh nhân*, *thánh hiền* không nhằm nói đến người có nhiều kiến thức, những người lập thuyết hay biện luận giỏi, nhưng gọi lên hình ảnh *người tuân thủ đạo làm người* trong bất cứ sinh hoạt nào của mình.

Như thế các bậc tiền bối và Đào-Duy-Anh đều có chung quan điểm không cho rằng văn hóa chỉ là học thuật được hiểu là các lý thuyết, các loại kiến thức và kỹ năng... mà là toàn bộ sinh hoạt của con người.

Nhưng trong phần tiếp của đoạn văn nhằm giải minh đâu là *nền*, là *thể* làm cho sinh hoạt con người mang TÍNH văn hóa, và do đâu có sự khác biệt của các nền văn hóa, thì rõ ràng quan điểm của Đào-Duy-Anh đã tự tách ra khỏi truyền thống dân tộc và tâm thức sâu kín của người Việt mà văn học bình dân cũng như các tác phẩm văn chương của các hiền nhân tiền bối phản ánh. Mẫu người văn hóa của Đào-Duy-Anh không còn là *thánh nhân*, *hiền nhân*, *người tuân giữ Đạo Làm Người* (= nhân đạo) qua mỗi tương giao “*linh ư vạn vật*” mà mỗi tình Âu-Cơ và Lạc-Long-Quân gọi lên và qua mỗi tương giao huynh đệ “*trăm con cùng chung một bào thai*” ; mẫu người văn hóa mới không còn là kẻ “*trọng nghĩa khinh tài*”, cũng không còn là *người chiến sĩ của cuộc chiến giữa Tài và Mệnh, giữa Tài và Tâm*, nhưng là *con người kinh tế* đấu tranh với thiên nhiên địa lý để kiếm ăn và đấu tranh kinh tế với đồng loại để sống còn. Con người văn hóa và các nền văn hóa nay được định chuẩn qua cuộc chiến chế ngự thiên nhiên và tranh chấp giữa người với người về kinh tế. Họ sẽ được xếp loại cao thấp qua kết quả thành công hay thất bại theo thước đo mà các thánh hiền Trung Hoa và Hy Lạp gọi là *Đặc Điểm* (= Đo đất) hoặc *Géométrie*, còn văn hóa truyền thống Việt Nam gọi là *tương quan Âu-Cơ và Đế Lai* (= con người thuần kinh tế đi tìm, chiếm giữ và hưởng thụ của cải riêng cho mình). Với thước đo văn hóa dựa trên việc chinh phục và khai thác thiên nhiên (địa lý) như thế, Đào-Duy-Anh đã đánh giá *văn hóa của các dân tộc Âu Mỹ thì cao, mà văn hóa của các dân tộc mọi rợ Phi châu, Úc châu cùng các giống người Mường, Mán Mọi ở nước ta thì thấp*.

(Không biết có phải vì cuốn sách của Đào-Duy-Anh là một trong những cuốn sách đầu tiên trong văn học Việt Nam (?) minh nhiên nêu lên hai chữ văn hóa và được trình bày có hệ thống, hoặc còn do nhiều lý do khác nữa, mà nhiều sách nghiên cứu văn hóa về sau thường nêu định nghĩa từ cuốn sách này như một tiền đề mặc nhiên. Và sự kiện đó không phải là chuyện đương nhiên của giới nghiên cứu văn hóa chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa duy vật, duy vật biện chứng... nhưng điều đáng ngạc nhiên là ngay cả những người không cùng quan điểm nếu không nói là phi bác chủ nghĩa này thì cũng trích dẫn Đào-Duy-Anh như một đề nghị tích cực.)

Phải chăng việc bứng gốc *căn tính* của văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam nằm trong một bối cảnh lịch sử xã hội quá đặc biệt vào tiền bán thế kỷ 20 ? Trong cách nhìn sinh hoạt văn hóa *thuần túy* dự trên bối cảnh xã hội, kinh tế, chính trị ... mà Đào-Duy-Anh đã gọi lên một cách khá đầy đủ, có thể đưa ra giả thuyết rằng sự rút lui của *căn tính* của văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, trước hết là do chính hoàn cảnh lịch sử xã hội riêng của cộng đồng Việt Nam lúc bấy giờ. Khi phải chung đụng với một cường quốc thực dân Tây phương vốn tự tôn vinh họ là một dân tộc có văn hóa cao, tâm thức và sinh hoạt văn hóa của người dân mình, đặc biệt là giới có trách nhiệm, vì tư ái dân tộc, đã có những phản ứng hoặc tự tôn hoặc tự ti để rồi chủ trương *bảo thủ lối cũ của cha ông* hay *canh tân theo nếp sinh hoạt Tây phương*; điều mà Phan-Bội-Châu gọi là *học cũ và học mới*. Tiếp đó cũng phải lưu ý thêm về ảnh hưởng của trào lưu của Thời Đại Tân Kỳ (*Les Temps Modernes*) khai sinh và phát triển trong xã hội

Tây phương vào hậu thế kỷ 19 và phổ biến trên thế giới vào tiền thế kỷ 20... Những nhà nghiên cứu có thể còn đưa ra nhiều dữ kiện khác nữa để dẫn chứng và biện minh cho sự đổi thay này. Nhưng tất cả những nghiên cứu đó đều đặt nền tảng trên một *tiền kiến về căn tính của văn hóa* đại loại như Đào-Duy-Anh đã diễn tả. Nói cách khác, nếu dùng lối nói của Phan-Bội-Châu thì những nghiên cứu, những tranh luận liên quan đến sự đổi thay “*cái học cũ, cái học mới*” vốn đã quên lãng căn tính của văn hóa, căn tính được Phan tiên sinh gọi là *nhân đạo*.

Theo Phan tiên sinh, **sự đổi thay này không phải là một đổi thay về hình thái, về phương cách biểu lộ hay phần dụng của *nhân đạo* tùy thuộc vào hoàn cảnh tâm lý, xã hội, địa lý chính trị... nhưng là sự lãng quên hay đúng hơn là đánh mất *hồn* hay *căn tính* của văn hóa, đó là *nhân đạo*.**

Vào thế kỷ 15 và 16, Vũ Quỳnh trong *Lĩnh Nam Chích Quái* thì ví sự đổi thay này như việc Âu-Cơ quay lại với Đế Lai ở Phương Bắc và quên đi mối tương giao với Lạc Long Quân là cha của 100 người con nhân loại. Văn hóa lúc bấy giờ không còn là tương giao với Long Quân ẩn kín mà hiện thân là Âu-Cơ, người Mẹ nuôi dưỡng đàn con bằng *sữa NHỚ* của mình trong bất cứ sinh hoạt nào của cuộc sống (xem phần hai của truyện *Họ Hồng Bàng*). Rõ nét hơn nữa, trong truyện *Bạch Trĩ*, qua lời đối đáp của *sứ-giã* của Hùng-Vương với Chu-Công, Vũ Quỳnh nhắc nhở rằng *căn tính của văn hóa hay đạo làm người* mà hình ảnh tượng trưng là *thánh nhân* vượt lên trên những hình thái bên ngoài của sinh hoạt xã hội, chính trị, kinh tế... :

Thời Thành-Vương nhà Chu, Hùng-Vương sai sứ-thần đem qua dâng cho nhà Chu giống chim bạch-trĩ, nhưng ngôn-ngữ bất-thông. Chu-Công sai người dịch lại mới hiểu.

Chu-Công hỏi rằng :

- Người Giao-Chỉ cắt tóc, vẽ hình, để đầu trần, ngón chân cong, là tại làm sao ?

Sứ-giã thưa rằng :

- Cắt tóc để tiện vào rừng; vẽ mình để làm hình rồng, khi lặn lội dưới nước thì giao-long không dám phạm đến; chân cong để tiện trèo cây, cày dao, đốt lửa, gieo lúa; đầu trần để khử nóng bức, ăn cau trầu để trừ ô-úế và làm cho răng đen.

Chu-Công hỏi :

- Vì sao mà đến đây ?

Sứ-giã thưa :

- Trời không gió lớn mưa dầm, biển không nổi sóng nay đã ba năm, ngỡ là Trung-quốc có thánh-nhân nên mới sang đây. (Trích Truyện Bạch Trĩ của Lĩnh Nam Chích Quái)

Nếu đọc lại Truyện Kiều của Nguyễn Du, thì văn hóa theo định nghĩa của Đào-Duy-Anh là *Tài* quen *Tâm*, là Kiều “đào hoa” sinh hoạt với Sở Khanh, với Thúc Sinh, với kinh kệ bên ngoài trong khuôn viên gia đình do Hoạn Thư sắp xếp, với Từ Hải ... mà quên đi một Kiều đã chết đi *Tài*, vượt lên trên *kiếp đào hoa* để tìm lại *Tâm* khi tiếp cận với Giác Duyên (= Ông Cứu Độ) trên sông Tiền Đường.

“*Tâm, thánh nhân, thánh hiền, nhân đạo, hồn của văn hóa*” vắng bóng trong sinh hoạt văn hóa hầu như chính thức kể từ giữa thế kỷ 20 đến nay. Không phải dấu tích sinh hoạt của con người về tài trí (*homo sapiens*), về khả năng lao động chế ngự và quản lý thiên nhiên địa lý

(*homo faber*), về những sáng kiến và hình thức hưởng dụng tài vật, những thú vui giải trí tiêu khiển (*homo ludens*) là không có chút giá trị văn hóa nào. Nhưng xin lập lại lời của Lê-Văn Siêu : “*chỉ lưu ý tới phần xác của nó lắm khi khô khan và trơ trẽn*”.

Đến đây, chúng ta tự hỏi khi nêu lên vấn đề *định hướng cho sinh hoạt văn hóa, cổ súy văn hóa dân tộc* ..., thì chúng ta có cần tiếp tục đưa thêm một nét riêng nào đó trong nếp sinh hoạt của cộng đồng người Việt, một nét riêng trong muôn ngàn sinh hoạt như Đào Duy Anh gợi lên, để chủ trương sinh hoạt ấy là thiết yếu như thiên hạ thường làm hay không ?

Hay chúng ta đề nghị với nhau *trước hết* nên cố lắng nghe những bậc tiền bối là phát ngôn tâm hồn văn hóa của cha ông chúng ta xem họ cảm nhận ý nghĩa của văn hóa như thế nào.

VỀ MỤC LỤC

TÂM TÌNH CẢM TẠ TRI ÂN SAU ĐẠI HỘI ULTREYA KỶ NIỆM 50 NĂM PHONG TRÀO CURSILLO HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM



Một quyền năng vô biên và vô hình đang hiện hữu giữa chúng ta!

Đại Hội Ultreya kỷ niệm 50 năm Phong trào Cursillo hiện diện tại Việt Nam từ 1967 đến 2017 đã diễn ra trong ân sủng của Chúa, qua sự bầu cử của Mẹ Lavang, Thánh quan thầy Phaolo. Ba ngày Đại Hội diễn ra vào các ngày 19, 20 và 21 tháng 10 năm 2017 tại Trung Tâm Thánh Mẫu Lavang thật lắng đọng, linh thiêng, tốt đẹp và an lành.

Để tổ chức một sự kiện trọng đại của Phong trào lần đầu tiên được diễn ra tại Việt Nam, cha tổng linh hướng Anton, quý cha linh hướng, Văn Phòng Điều Hành Phong Trào Cursillo Việt Nam, từ hai năm trước đã lên kế hoạch; nhiều lần bàn thảo, và các buổi họp liên giáo phận,

cũng như đã có nhiều chuyến ra Lavang để khảo sát thực tế về cơ sở vật chất, vị trí, thời tiết, nhân sự...

Lần khảo sát sau cùng vào ngày 07 tháng 10, để rồi ban tổ chức ra Lavang từ ngày 16 trước ba ngày Đại hội diễn ra. Tất cả gần như đã sẵn sàng để Đại Hội diễn ra tốt đẹp, thì tin bão số 11 sẽ vào miền Trung ngay các ngày tổ chức, ngày một mạnh lên đã khiến nhiều người không khỏi lo sợ.

Tin bão thì mặc tin bão, nhưng “Vang trong tim tiếng Thầy gọi mời”, ai vào việc ấy tất cả đều lên đường “Đúng hẹn là lên” không chần chừ, không do dự vì có “Tình yêu Chúa Kitô thúc bách tôi” để anh em Cursillista cùng về bên Mẹ

Cảm tạ Chúa, cùng Mẹ Lavang muôn ngàn lần. Bão đã biến thành áp thấp nhiệt đới và tan dần để Đại hội được diễn ra trong an lành, trong an bình. Bầu trời Lavang không nắng gắt, không mưa rào, không gió lớn. Một chút lạnh se se, cùng những hạt mưa lất phất tạo ra một vùng trời dịu dàng trong vòng yêu thương chở che đầy quyền phép của Chúa qua lời bầu cử của Mẹ Lavang. Điều đó đã được chính Đức Cha Giuse Nguyễn Năng, giám mục giáo phận Phát Diệm, Phó chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã nói “một quyền năng vô biên và vô hình đang hiện hữu với chúng ta quanh đây” trong thánh lễ khai mạc vào 8 giờ sáng ngày 20 tháng 19. Và cảm tạ Mẹ một luồng không khí lạnh từ hướng bắc thổi tới bão đã biến đi. Rồi một đoàn con, chứng nhân khác từ Hà Nội lên xe lao vào vùng dự báo bão sẽ đến với những ánh mắt ái ngại, có khi chê cười dỗi theo, nhưng “xe đi đến đâu bão tan đến đó” (Anh Anton Trần Văn Lợi, trưởng đoàn Hà Nội nói).

Muôn muôn đời con cảm tạ Chúa!



Tri ân quý đức cha, quý cha, quý nam nữ tu sĩ linh hướng

Sự hiện diện cùng những lời giảng dạy thật sâu sắc của quý Đức cha, quý cha linh hướng, quý tu sĩ không những là sự nâng đỡ, khích lệ, mang lại nhiều ích lợi thiêng liêng lớn lao cho việc sống đạo, Ngày Thứ Tư của chúng ta, mà còn nhắc nhở chúng ta cần phải sống đúng

nghĩa Ngày Thứ Tư, như mục đích của Phong trào đã đề ra là: “Phong trào hiện hữu để hoàn thành sứ mạng đặc biệt là loan báo Tin Mừng trong Giáo Hội và trên thế giới” (108 TTNT3). Trong ba ngày Đại Hội, quý Đức cha đã nhiều lần dỉ dỏm nhắc nhở chúng ta: Muốn “ra đi” loan báo Tin Mừng thì trước tiên mỗi chúng ta phải “đi ra” khỏi cái ích kỷ, cái kiêu căng, cái tự phụ của chính bản thân của mỗi con người vốn mỏng dòn, yếu đuối; mỗi Cursillista phải được biến đổi để là một Kitô hữu đích thực, đầy lửa yêu mến, và phải như dòng nước len lỏi đến mọi môi trường trong cuộc sống, mà nước vẫn phải là nước, không được ô nhiễm, thì môi trường đó mới dậy men tinh thần Kitô giáo được. Chúng ta phải là một chút men, một chút muối, một chút ánh sáng cho đời!

Sự hiện diện của quý Đức cha, và quý cha còn nhắc nhở chúng con nhớ lại lời dạy của Đức Thánh cha Phanxicô:

“Nhìn về quá khứ với lòng tri ân, sống hiện tại với niềm hăng say, và hướng về tương lai với niềm hy vọng”.



Chúng ta tri ân Đức cố Hồng Y Phanxicô Nguyễn Văn Thuận, Đáng Đáng Kính, Người đã có công khai mở Phong trào Cursillo Việt Nam 50 năm trước đây; chúng ta tri ân quý cha linh hướng, quý anh chị em Ra Khơi đã giúp Phong trào Việt Nam tái hoạt động từ năm 2006; Chúng ta tri ân Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã ưu ái chấp thuận Phong trào Cursillo được chính thức hoạt động tại Việt Nam. Xin tri ân những ân nhân bằng cách này hay cách khác đã giúp Phong trào ngày một phát triển. Đặc biệt chúng ta tri ân những ân nhân khắp nơi đang âm thầm cầu nguyện cho Phong trào trong suốt 50 năm qua, cũng như trong Đại Hội này.



Chúng ta hy vọng quê hương Việt Nam thân yêu ngày càng có nhiều người nhận biết và tôn thờ Chúa, qua phương pháp hoạt động của Phong trào là: “làm bạn, là bạn và đưa bạn về với Chúa Kitô”, với phương châm: “Một tay nắm lấy Chúa, một tay nắm lấy anh em”, để Phong trào đúng là Phong trào của Giáo Hội, được góp một phần nhỏ với Giáo Hội trong việc loan báo Tin Mừng cho muôn dân, hầu nước Chúa ngày được mở rộng trên quê hương Việt Nam thân yêu này.

Cursillista tiến lên Ultreya!!!

Chúng ta cùng xác tin với nhau rằng: Chính Thầy Chí Thánh đã chọn mỗi chúng ta, đã yêu thương diu dắt mỗi chúng ta đến với Phong trào Cursillo, chứ không phải chúng ta chọn Phong trào. Vì thế, có muôn màu muôn sắc, hoàn cảnh khác biệt trong việc Thầy đã chọn từng người chúng ta. Tôi tin rằng, mỗi anh chị sẽ bồi hồi xúc động đến rơi lệ, khi nhớ lại cơ duyên tưởng như tình cờ, nhưng do Thánh Ý Chúa, mỗi chúng ta được mời gọi học Khóa Ba Ngày, gia nhập Phong trào Cursillo trong suốt chặng đường lịch sử 50 năm qua.



Vâng, hơn 70 năm trước, do lòng yêu thương vô biên, Chúa đã ban đặc sủng xuống cho ông Eduardo - Bonnin, vị sáng lập Phong trào. **“Đặc sủng Cursillo giúp nhân loại cảm nghiệm được tình yêu của Thiên Chúa”** (TTNT 3). Đặc sủng của Phong trào còn giúp chúng ta kết chặt tình bạn hữu với nhau, như anh em con một cha, sống trong một nhà. Và hạnh phúc biết bao khi chính Thầy Chí Thánh là ban của ta! “Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu...” (Ga 15, 15)

“Hong ân Thiên Chúa bao la, muôn đời con sẽ ngợi ca danh Người”.

Là một thành viên trong ban tổ chức, dù chúng tôi cũng như toàn thể ban tổ chức đã cố gắng làm việc hết sức, nhưng sau Đại Hội, chúng tôi tự nhận thấy còn nhiều điều chưa giúp anh chị em Cursillista hưởng trọn vẹn ý nghĩa, niềm vui mà Đại Hội đã diễn ra có thể mang tới cho các bạn. Chúng ta chưa được giới thiệu, được giao lưu về lịch sử và sinh hoạt của các Phong trào thuộc các giáo phận thể hiện trên 14 Pano hai bên đường dẫn đến Linh Đại Mẹ. Ban Phục Vụ mỗi giáo phận phải mất nhiều ngày tháng để chọn lựa, để gạn lọc và thiết kế rồi trưng bày...

Xin cáo lỗi với các bạn!!!

Chúng ta cùng nguyện xin Mẹ Lavang, Thánh quan thầy Phaolô cầu bầu cùng Chúa để Chúa luôn chở che, nâng đỡ, gìn giữ để cuộc đời mỗi Cursillista đang sống Ngày Thứ Tư được là chút men nồng, chút muối mặn, chút ánh sáng le lói cho đời, bằng chính đời sống chứng nhân của chúng ta, trong môi trường chúng ta đang sống và làm việc, như lời dạy của Đức Chân Phước Giáo Hoàng Phaolô VI: **“Người thời nay tin vào các chứng nhân hơn là thầy dạy, và nếu họ có tin vào thầy dạy là vì các vị thầy dạy ấy đã là chứng nhân”**.

Muôn muôn đời con cảm tạ hồng ân Thiên Chúa!

Cursillista Inhaxiô Đặng Phúc Minh

HIỂU BIẾT CĂN BẢN VỀ UNG THƯ

Cách đây vài thập niên, khi được xác định bị ung thư thì nhiều bệnh nhân rụng rời chân tay, lo sợ. Vì mắc phải ung thư là coi như đời sống sẽ vô cùng ngắn lại. Ngoài ra sự sợ hãi cũng tăng là vì khi đó sự hiểu biết về bệnh cũng còn giới hạn.

Sau nhiều năm nghiên cứu, khoa học đã có những khám phá tương đối rõ ràng hơn về nguyên nhân cũng như điều trị và cách thức phòng ngừa bệnh. Nhờ đó một số lớn ung thư có thể được chữa khỏi nếu phát hiện sớm.

Ung thư không phải là một bệnh mà gồm vài chục loại khác nhau. Chúng có thể xuất phát từ bất cứ nơi nào trong cơ thể với các hung tính riêng.

Ai cũng có thể bị ung thư. Nhưng mắc bệnh hay không tùy thuộc vào một số yếu tố như nơi ở, nghề nghiệp, quá khứ sức khỏe của mỗi cá nhân và gia đình, gen di truyền, nếp sống hàng ngày. Theo thống kê, ung thư xảy ra nhiều hơn ở lớp tuổi trên 60; người kém lợi tức nhiều hơn giới trung lưu; tín đồ vài tôn giáo như Mormon và Seventh-Day Adventists ít bị hơn. Có lẽ vì họ chừng mực trong đời sống và dinh dưỡng, không rượu, thuốc lá.

Ung thư đã được biết tới từ thuở xa xưa.

Danh từ Cancer, được Hippocrates dùng đầu tiên, bắt nguồn từ chữ karcinos có nghĩa là con Cua, ngụ ý diễn tả những u bướu có nhánh tỏa ra chung quanh.

Y giới cổ Hi Lạp cho ung thư là do mất thăng bằng bốn chất lỏng trong cơ thể, nhất là khi mật từ gan tiết ra quá nhiều.

Gallen thì lại cho ung thư là do có quá nhiều máu sau khi cơ thể bị viêm nóng.

Đến thế kỷ 15, có khoa học gia lại coi hệ bạch huyết có liên hệ tới ung thư.

Khi tế bào được khám phá qua kính hiển vi và được coi như đơn vị căn bản của cơ thể thì hiểu biết về ung thư rõ ràng hơn.

Ngày nay y khoa học đã chứng minh ung thư là do một số tế bào đột nhiên tăng sinh sản một cách bất bình thường và không kiểm soát được.

Diễn tiến ung thư

Nhắc lại là cơ thể được cấu tạo bởi cả nghìn nghìn tỷ đơn vị gọi là tế bào. Tế bào giúp ta thực hiện các chức năng chính của cơ thể như tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, cử động, suy nghĩ.

Mô bào tăng trưởng và sinh sản tùy theo nhu cầu của cơ thể và trong một trật tự đã được quy định. Một tế bào thành hai, hai thành bốn và liên tục tiếp diễn.

Trong những năm đầu của cuộc đời, tế bào sinh sôi nảy nở rất nhanh cho tới khi ta trưởng thành. Sau đó tế bào của hầu hết các bộ phận chỉ sinh ra để thay thế tế bào già yếu hoặc bị tiêu hủy, thương tích.

Khi tế bào tăng sinh một cách vô trật tự, không đáp ứng nhu cầu, không kiểm soát được và mất khả năng tự hủy thì chúng sẽ tạo ra một nhóm gọi là u bướu. U này có thể lành hoặc dữ.

Lành thì thu gọn, ít gây hiểm nghèo cho sức khỏe, không lan tới các nơi khác và có thể mổ cắt bỏ.

Trái lại u ung thư thì nguy hiểm hơn vì chúng lan sang các bộ phận xa gần. Đó là sự di căn. Khi di căn như vậy, nơi mà ung thư khởi sự vẫn được coi là ung thư chính. Thí dụ tế bào ung thư nhiếp tuyến chạy vào xương thì vẫn giữ các đặc tính của ung thư nhiếp tuyến.

Có nhiều giải thích về sự thay đổi của tế bào ung thư.

Theo bác sĩ L. Hebert Maurer, đại học Y khoa Darmouth sự hình thành ung thư diễn tiến qua hai giai đoạn:

Tác nhân gây ung thư xâm nhập một tế bào và gây rối loạn cho DNA. DNA là chất có trong mọi tế bào và điều khiển mọi sinh hoạt của tế bào. Ở tế bào bình thường, khi bị tổn thương thì DNA có thể sửa chữa được trong khi đó DNA tế bào ung thư khi bị hư hao thì bất khả tu sửa. Gen DNA này biến đổi và tế bào có khả năng trở thành ác tính.

Tiếp theo là một vài hóa chất trong tế bào lại hỗ trợ sự tăng sinh của tế bào nổi loạn và tạo ra u bướu.

Thời gian từ khi tiếp xúc với tác nhân nguy hại tới khi khám phá ra bệnh kéo dài có khi cả mười mười lăm năm. Đây là thời gian mà nếu khám phá ra sớm thì có thể chặn sự thành hình hoặc giới hạn sự lan rộng của tế bào ung thư.

Siêu vi khuẩn và một số hóa chất đã được coi như những rủi ro gây ra ung thư.

Theo bác sĩ Isadore Rosenfeld, giáo sư Trung Tâm Y Khoa Cornel, 35% ung thư có liên hệ tới thực phẩm ăn uống, 30% gây ra do hút thuốc lá, 4% do nghề nghiệp, 3% do tiêu thụ nhiều rượu, 2% do ô nhiễm. Ấy là chưa kể phóng xạ, kích thích tố và các rủi ro chưa được xác định.

Ung thư có thể gây bệnh ở mọi cơ quan, nhưng nhũ hoa, ruột già, nhiếp tuyến, bao tử, tụy tạng, bàng quang, phổi, da, tử cung là những nơi thường thấy.

Những dấu hiệu của nguy cơ bị ung thư.

Tùy theo loại, ung thư có những dấu hiệu cảnh báo như sau:

- a- Thay đổi thói quen đại tiểu tiện;
- b- Một vết thương lâu lành;
- c- Xuất huyết hoặc tiết dịch bất thường ở một cơ quan;
- d- U cục ở nhũ hoa hoặc các phần mềm;
- e- Không tiêu và khó khăn khi nuốt thức ăn;
- g- Có những mụn cóc hoặc nốt ruồi mole trên da

h- Ho khan hoặc khản tiếng.

Nếu có một trong những dấu hiệu trên, xin đi khám bác sĩ ngay để được khám nghiệm thêm. Nếu chẳng may bị bệnh thì bệnh sẽ mau khỏi nếu được điều trị sớm.

Khám nghiệm phát hiện ung thư

Cho tới nay, 80% các trường hợp ung thư đều được xác định ở giai đoạn 2 hoặc 3 nên việc điều trị bị giới hạn. Do đó Viện Ung Thư Hoa Kỳ đưa ra các hướng dẫn sau đây để sàng lọc screening một số ung thư trước khi có dấu hiệu bệnh.

Phụ nữ

a- Tuổi từ 18-39

Ung thư nhũ hoa: Khám nhũ hoa mỗi ba năm do bác sĩ; tự khám mỗi tháng; chụp X-quang nhũ hoa trong tuổi 35-39.

Ung thư cổ tử cung: khám tử cung và làm pap test mỗi năm.

b- Tuổi 40 trở lên

Ung thư nhũ hoa và cổ tử cung: như trên.

Đàn ông

a- Tuổi 15 trở lên

Thiếu niên cần tự khám ngọc hành mỗi tháng vì tuổi 15- 34 là nhiều nguy cơ ung thư.

b- Đàn ông trên 40 tuổi

Hàng năm khám hậu môn để coi tình trạng to nhỏ nhiếp tuyến rồi thử prostate specific antigen.

Nam Nữ

a- Tuổi 40-50

Khám hậu môn mỗi năm để phát hiện ung thư trực tràng.

b- Tuổi trên 50

Hàng năm khám hậu môn và thử phân coi có máu.

Mỗi năm năm làm nội soi trực tràng.

Giảm thiểu nguy cơ bị ung thư

a- Hút thuốc là nguyên nhân chính của ung thư phổi; vậy thì không nên hút thuốc. Thuốc lá là nguyên nhân gây tử vong cho 30% trường hợp ung thư phổi.

b- Tránh tiếp cận với ánh nắng gay gắt để giảm thiểu nguy cơ bị ung thư da;

c- Giảm cân; ăn nhiều rau trái cây; giảm muối để giảm ung thư ruột.

d- Nếu uống rượu thì uống vừa phải;

e- Theo Hội Ung Thư Hoa Kỳ, “ăn uống đúng đắn, tăng hoạt động cơ thể và đừng để mập phì là những phương thức tốt để giảm rủi ro ung thư”.

Điều trị ung thư

Hiện nay có ít nhất bốn phương pháp để điều trị ung thư: giải phẫu, xạ trị, hóa trị và miễn dịch trị liệu immunotherapy. Mục đích các phương pháp này là tiêu diệt tế bào ung thư mà không gây tổn thương cho tế bào bình thường. Phương pháp có thể dùng riêng rẽ hoặc phối hợp với nhau. Tiến bộ về kỹ thuật đã tăng hiệu quả và an toàn của các phương pháp và nhiều bệnh nhân đã được cứu sống.

1- Giải phẫu.

Giải phẫu là phương pháp điều trị cổ điển nhất nhưng cũng rất công hiệu đặc biệt là với ung thư thu gọn ở một phần nào đó của cơ thể. Khi giải phẫu, tế bào ung thư được lấy đi càng nhiều càng tốt. Đôi khi tế bào lành cũng được cắt bỏ để chắc chắn là tế bào ung thư lẫn vào đã được loại hết.

Hiệu quả tùy thuộc vào một số yếu tố:

a- U thu gọn ở một chỗ và chưa di căn;

b- Tế bào ung thư tăng sinh chậm;

c- Vị trí của u bướu;

d- Khả năng chuyên môn của phẫu thuật gia;

e- Công hiệu của các dịch phụ hỗ trợ như thuốc mê, kiểm soát ngừa nhiễm trùng, tiếp máu, dụng cụ giải phẫu và chăm sóc sau khi mổ,

2- Xạ trị

Đây là phương tiện thường dùng. Quá nửa các loại ung thư được chữa bằng xạ trị đặc biệt là ung thư đầu, cổ, phổi, bàng đái. Thường thường radiation được dùng cho ung thư không chữa được bằng giải phẫu hoặc khi đã giải phẫu mà có e ngại ung thư tái phát

Sự thành công tùy thuộc vị trí của ung thư, ung thư có mẫn cảm sensitive với phóng xạ; u thu gọn và không di căn.

Mục đích xạ trị là để tiêu diệt tế bào nổi loạn và làm teo u khối bằng các làn sóng hoặc phân tử như proton, electron, x-ray, gamma -ray

Có hai cách xạ trị:

a) Đưa hẫn vào u ung thư. Chẳng hạn sau khi mổ thì radiation chứa trong vật đựng được đặt ngay ở nơi mổ;

b) Dùng máy để hướng radiation vào u bướu và tế bào ở xung quanh;

Xạ tác tiêu diệt hữu hiệu trên tế bào ung thư tăng trưởng nhanh hơn là tế bào thường tăng sinh chậm.

Xạ được đưa vào cơ thể với phân lượng rất nhỏ trong vòng ba hoặc bốn tuần lễ để có tác dụng mạnh lên tế bào ung thư và giới hạn ảnh hưởng lên tế bào lành. Nếu chẳng may bị tổn thương thì tế bào bình thường cũng mau lành.

Công hiệu của xạ trị liệu tùy thuộc phương pháp áp dụng. Tác dụng phụ thông thường là mệt mỏi, thay đổi trên da, ăn mất ngon.

Có điều là chi phí điều trị khá tốn kém, tùy theo điều trị nhiều hay ít.

3- Hóa trị

Được dùng khi ung thư đã lan ra ngoài vị trí ban đầu hoặc khi có di căn ở nhiều địa điểm. Phương pháp sẽ hữu hiệu hơn nếu ung thư mẫn cảm với hóa chất; bướu còn nhỏ; khi bệnh nhân khỏe mạnh, có sức chịu đựng với tác dụng ngoại ý của thuốc.

Có nhiều loại hóa chất khác nhau. Mỗi hóa chất có tác dụng riêng biệt với từng ung thư bằng cách làm ngưng sự phân chia và sinh sản của tế bào phản loạn. Khi không có sự phân bào thì tế bào tan vỡ, u bướu teo lại.

Hóa trị đã cứu sống rất nhiều bệnh nhân và cũng giúp nhiều người khác giảm bệnh.

Không như xạ trị hoặc giải phẫu đòi hỏi ung thư thu gọn, hóa trị có thể phân tán khắp cơ thể để tiêu diệt tế bào ung thư ở các nơi mà bác sĩ không tìm ra.

Thuốc có thể uống nhưng đa số là truyền qua tĩnh mạch.

Tác dụng phụ thường thấy là ói mửa, rụng tóc, mệt mỏi, dễ nhiễm trùng, thiếu hồng huyết cầu.

4- Miễn dịch trị liệu

Nói đến điều trị ung thư ta thường nghĩ ngay tới tiêu diệt tế bào bệnh hoạn bằng hóa chất, phóng xạ hoặc dao kéo giải phẫu. Các phương pháp này rất công hiệu nhưng cũng gây tổn thương cho tế bào lành.

Miễn dịch trị liệu không ảnh hưởng tới tế bào lành nhưng rất hữu hiệu trong việc tiêu diệt tế bào nổi loạn. Mục đích của trị liệu này là tăng cường khả năng chống trả với bệnh tật của cơ thể đồng thời ngăn ngừa sự phát triển tế bào ung thư.

Phương pháp này hiện nay đang được nghiên cứu kỹ càng và có nhiều triển vọng sáng sửa cho người bệnh.

Trị liệu mới cho Bốn Ung Thư Hiếm nghèo

Với các bệnh ung thư nguy hiểm, y khoa học đã cống hiến nhiều phương pháp trị liệu khá công hiệu. Nhưng những phương tiện này cũng tạo ra một số tác dụng xấu mà người bệnh phải cam nhận.

Sau một giải phẫu, một trị liệu bằng hóa chất, phóng xạ, nhiều bệnh nhân rơi vào tình trạng mất khẩu vị ăn uống, ói mửa, mệt mỏi, suy nhược, tóc rụng, da khô. Đó là do ảnh

hưởng của các trị liệu được tung vào người bệnh với hy vọng là sẽ tiêu diệt được nhiều tế bào ung thư hơn là tế bào lành.

Gần đây, đã có nhiều phát minh mới để trị ung thư một cách chính xác hơn, tập trung vào những tế bào nổi loạn. Các phương pháp này dựa trên sự hiểu biết cặn kẽ về đặc tính của tế bào ung thư, yếu điểm của chúng và hướng sự trị liệu vào chúng mà tiêu diệt, thay vì làm hại oan tới tế bào tốt.

Hiện nay đã có một số phương tiện trị liệu mới nhắm vào bốn loại ung thư hiểm nghèo là ung thư phổi, ung thư vú, ung thư tuyến nhiếp và ung thư ruột già.

1- Ung thư Phổi.

Đây là loại ung thư gây ra tử vong rất cao, bằng tổng số tử vong của các ung thư ruột già, nhiếp tuyến và vú.

Tế bào ung thư phổi rất đa dạng gây ra do nhiều nguyên nhân khác nhau, nên không một phương thức trị liệu đơn độc nào có thể hoàn toàn khống chế được chúng. Các khoa học gia đang thử nghiệm một số trị liệu mới như sau:

a- Phóng xạ trực tiếp (Directed radiation)- Dưới sự hướng dẫn của X quang cắt lớp (CAT scan) và máy vi tính, tia phóng xạ sẽ được đưa trực tiếp tới vị trí của các tế bào ung thư mà tiêu diệt. Phương pháp này, gọi là IMRT (intensity modulated radiation therapy), có thể đưa một số phóng xạ nhiều gấp bốn hoặc tám lần tới các tế bào ung thư mà không gây hại gì cho tế bào bình thường ở chung quanh.

IMRT hiện đang được sử dụng ở nhiều trung tâm trị liệu, và cũng được dùng để trị ung thư nhiếp tuyến, ung thư đầu và cổ, ung thư dạ dày, bao tử.

Tác dụng không tốt gồm có tiêu chảy, tiểu tiện gắt, kích thích khó chịu ở ruột già và bọng đại.

b- Dược phẩm trị ung thư để hít vào phổi (Inhaled cancer drugs).- Giống như thuốc hít chữa bệnh suyễn, thuốc trị ung thư này được hít trực tiếp vào phổi để truy lùng tiêu diệt tế bào ung thư. Một trở ngại là thuốc sẽ chỉ tập trung ở hai lá phổi chứ không phân tán đi khắp cơ thể.

Thuốc đang ở trong giai đoạn thử nghiệm và hy vọng sẽ sớm được áp dụng..

c- Những trái bom tinh nhanh (Smart Bombs)- Hai loại thuốc mới đang chờ đợi cơ quan Thực Phẩm & Dược Phẩm Hoa Kỳ chấp thuận để trị ung thư phổi, ung thư ruột già, vú, nhiếp tuyến, tụy tạng. Đó là thuốc Iressa và Tarceva. Dược phẩm này chuyên đi tìm các tế bào ung thư và chặn sự tăng sinh của chúng, làm u bướu ung thư nhỏ đi. Thuốc tác dụng trực tiếp trên tế bào ung thư nên gây rất ít thiệt hại cho tế bào lành.

2- Ung thư Vú.-

Theo Hội Ung Thư Hoa Kỳ, hàng năm có khoảng trên 200.000 trường hợp ung thư vú được phát hiện và số tử vong lên tới trên 40.000 người. Các phương thức trị liệu mới gồm có:

a- Dược phẩm làm ngưng sự tăng trưởng tế bào ung thư như Tarceva và Herceptin.

Phối hợp với hóa trị liệu, Herceptin được coi như có nhiều hy vọng tránh tử vong cho người bệnh. Thuốc này đã được công nhận, còn Tarceva thì khoảng vài năm nữa là được sản xuất.

b- Thuốc kiểm chế kích thích tố estrogen. Vì có nhiều liên can tới ung thư vú, nên kiểm chế tác dụng của estrogen là mục tiêu của vài dược phẩm mới như Arimidex và Femara. Các thuốc này hiện giờ đang được sử dụng.

c- Làm đông lạnh u ung thư. Dùng tia laser hoặc sóng vi ba với cường độ cao, đưa thẳng vào u ung thư để tiêu hủy nó. Phương pháp này có thể làm tan biến u ung thư nhỏ dưới 3/8 inc và thực hiện mau lẹ, bệnh nhân về nhà ngay ngày hôm sau.

Phương pháp đã được dùng để trị ung thư gan; trong dăm ba năm sẽ được áp dụng cho ung thư vú, phổi và có thể cho cả ung thư nhiếp tuyến.

3- Ung thư Nhiếp tuyến.

Đây là loại ung thư xảy ra nhiều nhất ở đàn ông. Hàng năm bên Mỹ có khoảng gần 200.000 trường hợp ung thư mới phát hiện và số tử vong cũng khá cao: khoảng 30.000 mỗi năm.

Cho tới nay, hóa trị đã được áp dụng nhưng không công hiệu lắm mà phẫu thuật lại hay gây ra loạn cương dương và sự không kiểm chế tiểu tiện (incontinence), gây bất tiện cho bệnh nhân.

Các phương thức trị liệu mới đang được thử nghiệm và tương lai có vẻ sáng sủa hơn:

a (Radiation seeds). Dưới sự hướng dẫn của màn ảnh siêu âm (ultra sound scan), một đầu kim chích chứa một lượng phóng xạ được đưa vào u ung thư và làm teo u này.

Phương pháp được giới thiệu là rất chính xác, không làm hại gì tới tế bào lành ở chung quanh. Khi dùng chung với giải phẫu, phương pháp này có khả năng trị tuyệt từ 60 tới 90% tế bào ung thư nhiếp tuyến.

b- Giải phẫu mà không gây liệt dương. Trong phương pháp này, sau khi cắt bỏ nhiếp tuyến và giây thần kinh điều khiển sự cương dương, người ta lấy một đoạn giây thần kinh ở dưới cổ chân, cấy nơi bẹn để thay thế cho giây thần kinh đã bị cắt bỏ. Phương pháp đang ở trong vòng thử nghiệm ở Viện ung thư MD Anderson, Texas. Hy vọng là trong vài năm sẽ được hoàn chỉnh và được mang ra sử dụng để tránh cho người bệnh khỏi bị liệt dương vì giải phẫu cứu sống.

4- Ung Thư Ruột già.

Đây là loại ung thư đứng hàng thứ tư ở cả nam lẫn nữ giới. Mỗi năm bên Mỹ có khoảng 150.000 ca mới. Số tử vong khoảng 55.000 người.

a- Phối hợp Xạ trị và Giải phẫu. Trong phương pháp này, khi giải phẫu thì xạ liệu cũng được dùng song hành để tiêu diệt tế bào ung thư. Xạ liệu được đưa tới trực tiếp tế bào bệnh nên không ảnh hưởng gì tới tế bào lành. Phương pháp rất tốt khi ung thư giới hạn ở ruột chứ khi đã lan ra các cơ quan lân cận thì quá trễ. Nhiều trung tâm ung thư đã áp dụng phương pháp này.

b- Bỏ đói ung thư (Starving tumors). Tế bào ung thư chỉ tăng sinh khi được nuôi dưỡng đầy đủ. Nếu ta ngăn chặn sự nuôi dưỡng này từ các mạch máu thì tế bào sẽ chết đói, ung

thư ngưng phát triển. Đó là chủ đích của các dược phẩm Avastin, Endostatin, chặn sự phát triển của các mạch máu trong u ung thư.

Kết luận

Ngày nay, y khoa học đã mang lại nhiều hy vọng cứu sống cho các nạn bệnh ung thư.

Bệnh nhân cũng có thể tìm tới các loại cây con mà loài người có kinh nghiệm về trị bệnh từ lâu. Đông y ta đã từng dùng lá đu đủ, nấm linh chi, dây tóc tiên, cây rẽ quạt, bạch truật, nam sa sâm, ý dĩ vân vân và đã có trường hợp ung thư thuyên giảm. Có bệnh thì vái tứ phương mà.

Nhưng có lẽ chỉ nên tìm tới các món này khi mà các phương tiện khoa học hiện có bó tay hoặc dùng phụ thêm nếu không có chống chỉ định. Vì dù sao thì các phương tiện thực nghiệm cũng đã được chứng minh sự hữu hiệu, chẳng trăm phần trăm thì cũng dăm bảy chục phần trăm.

Ngoài ra, tình trạng tâm trí cũng có ảnh hưởng tới việc điều trị ung thư và các nạn bệnh khác. Một hiểu biết cận kề về bệnh tật, một thái độ tích cực, một thư giãn tâm hồn làm tăng khả năng miễn dịch của cơ thể để đối phó với khó khăn.

Như giải phẫu gia Berbard S. Siegel, Đại học Y khoa Yale nhận xét: “Thể chất đáp ứng với các tín hiệu từ trí óc, một cách ý thức hoặc vô ý thức. Các tín hiệu này có thể là “sinh” hoặc “tử”. Tôi nghĩ là con người không những chỉ có bản năng sinh tồn mà còn bản năng tự hủy. Bản năng tự hủy khiến cơ thể ngưng sự tự vệ, giảm hoạt động các chức năng, đưa ta tới tử địa khi chúng ta nghĩ là đời không còn đáng sống nữa”.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức Texas-Hoa Kỳ

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA